

BÁCH KHOA

SỐ 71 NGÀY 15.12.1959

Trong số này

NGHIÊM-PHÚ-LƯU Tình-hình kinh-tế tại các nước miền Nam và Đông-Nam Á-châu.

HOÀNG-MINH-TUYNH Cuộc tấn-công của Cộng-sản tại Châu Mỹ La-tinh.

PHAN-KHOANG Những người Việt-Nam có tinh-thần cải-cách duy-tân.

PHẠM-HOÀNG Thác-Mác : Một lá thư.

ĐOÀN-THÊM Ai là anh hùng hào-kiệt.

THUẦN-PHONG Về hay là Phú bình-dân.

TRẦN-VĂN-KHÊ Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng-khúc số 9.

VÕ-QUANG-YẾN Ta biết gì về cưng trắng.

VŨ-THANH-LY Trại Giáo-hóa Thủ-Đức.

PHẠM-CÔNG-THIỆN Lại chuyện quên đề xuất xứ.

TRÚC-LIÊN, SƠN-NAM, Bà VÂN-TRANG, TRẦN-VĂN-KHÊ, TRANG-THẾ-HY, PIERRE — KEN DARIVILLE. } Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc.

NGUYỄN-HIỆN-LÊ Diễm-sách « Đường-thi trích dịch ».

LAN-ĐÌNH Ngồi mà nghĩ (truyện ngắn).

KIỀU-YIÊU Lục Áp-Quan (dịch Liêu-trải).

VŨ-HẠNH Người nữ-lý (truyện ngắn).

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu *"Lào-Mạnh-Tru"*
— Rượu Tàu *"Tích-Thọ-Tru"*
SI-RÔ *"Verigoud"* :

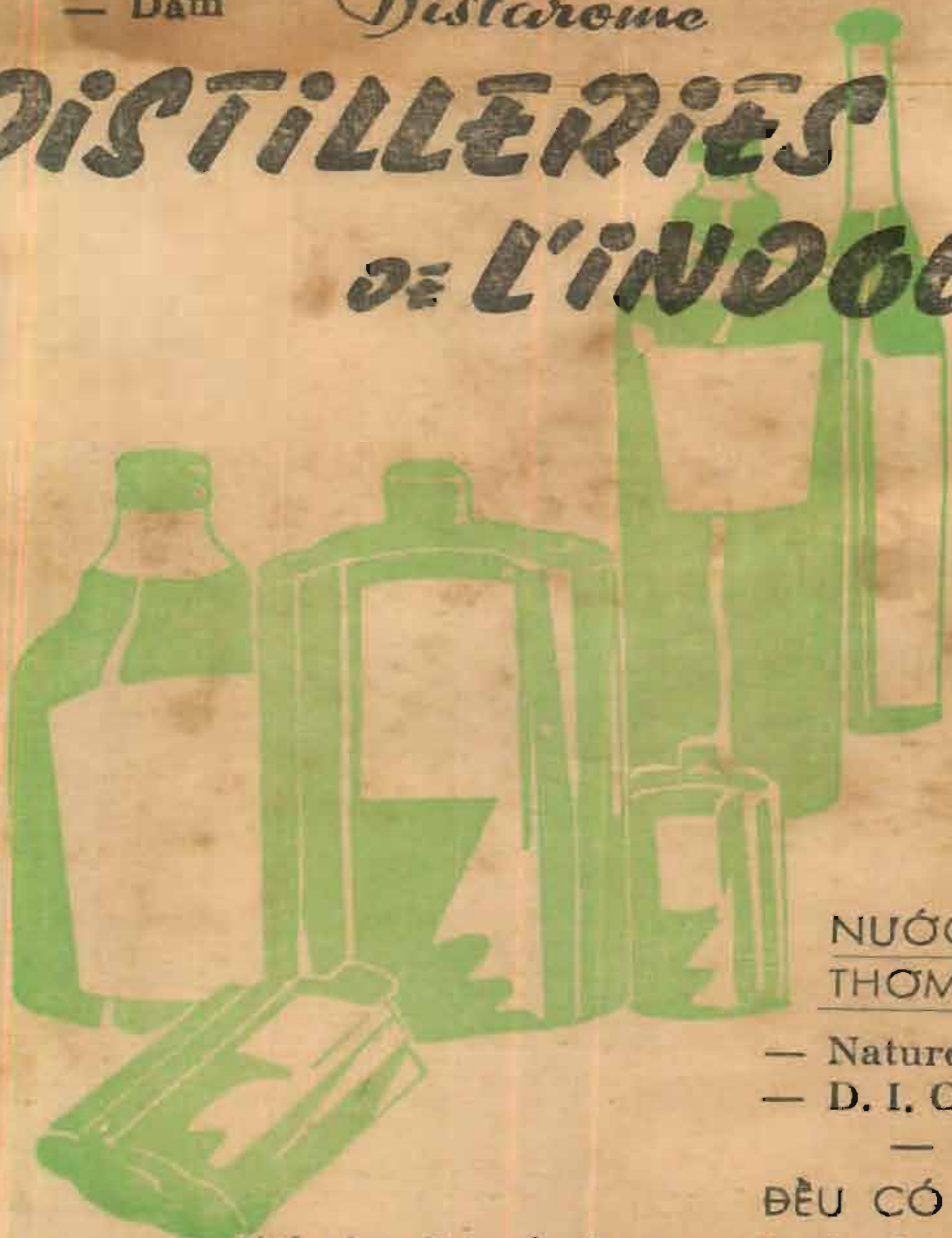
— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

Distilleries

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DAU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHÁP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẰNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

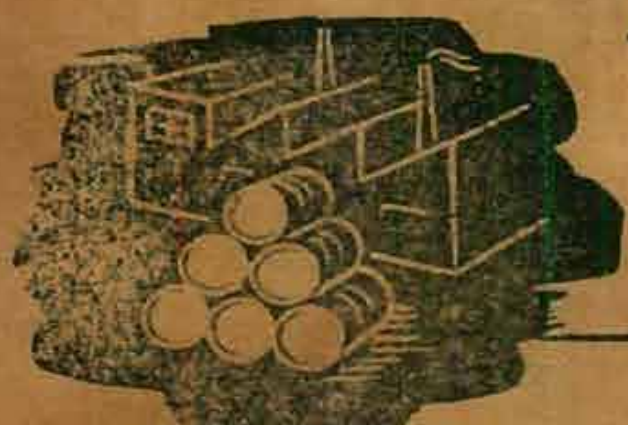
- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycerine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Francibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change

**Société Indochinoise de Documentation
et de**

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CÓ DẦU TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA

Nhiều thực-phẩm của ta do dầu cung-cấp. Dầu chuyên chở thực-phẩm đến cho ta bằng tàu thủy, bằng máy bay, bằng xe hàng hoặc bằng xe lửa.

Dầu lại giúp ta nấu nướng bằng bếp điện, bếp hơi hoặc bếp dầu hơi.

Dầu góp một phần quan trọng vào đời sống của ta.



HÃNG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY, VÀ CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBIL OIL, MOBIL DIESEL V.V...

PHÒNG
UỐN
TÓC
★
SỬA
SẮC
ĐẸP



BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenacetine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,
et les affections fébriles par refroidissements.

ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)
Efficacité certaine — Bien toléré —
Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A. G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (West) ALLEMAGNE

Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam : **PHARMACIE MY - CHAU**

120 - 121, Bèn Chương Dương
SAIGON

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES



BÁCH-KHOA

Số 71 — Ngày 15 - 12 - 1959

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

HOÀNG-MINH-TUYNH

PHAN-KHOANG

PHẠM-HOÀNG

ĐOÀN-THÊM

THUẦN-PHONG

TRẦN-VĂN-KHÊ

VÕ-QUANG-YẾN

VŨ-THANH-LY

PHẠM-CÔNG-THIỆN

TRÚC-LIÊN, SƠN-NAM, BÀ VÂN-TRANG,
TRẦN-VĂN-KHÊ, TRANG-THẾ-HY,
PIERRE — KÈN DARIVILLE.

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

Đề tập Đường-thi trích dịch

LAN-ĐÌNH

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

KIỀU-YIẾU

HUY-TRÂM

VŨ-HẠNH

Trang

*Tình-hình kinh-tế tại các nước miền
Nam và Đông-Nam Á-châu.* 3

*Cuộc tấn-công của Cộng-sân tại
Châu Mỹ La-tinh* 8

*Những người Việt-Nam có tình-thần
cải cách duy-tân.* 19

Thắc-Mắc: Một lá thư 26

Ai là Anh-hùng hào-kiệt 27

Về hay là Phú bình-dân 32

*Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng-
khúc số 9.* 40

Ta biết gì về cung trăng ? 44

Trại Giáo-hóa Thủ-Đức. 53

Lại chuyện quên đề xuất xir. . . . 62

*Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-
quốc* 69

Điểm-sách « Đường-thi trích dịch ». . 85

Bùi-Khánh-Đản 94

Ngồi mà nghĩ (truyện ngắn). . . . 95

Thuyền (thơ). 100

Lục Áp-Quan (dịch Liêu-trai) . . . 101

Hoa soạn (thơ) 104

Người nữ-tỷ (truyện ngắn) 105

BÁCH - KHOA

Trong những số tới

- HUỖNH-VĂN-LANG : *Vài nhận xét căn-bản về thiết-lập một chánh-sách thuế-vụ.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chính-trị phải đạo-đức.*
- NGHIÊM-PHÚ-LƯU : *Những quan-niệm vẹn-trợ kinh-tế hợp-lý của Tây-Đức.*
- ĐOÀN-THÊM : *Mơ-mộng và lang-thang.*
- NGUYỄN-VĂN-THỂ : *Thú chơi tem.*
- CÔ-LIÊU : *Ghép thận.*
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC và 3 độc-
giả của Bách - Khoa : ĐẶNG-
TRẦN-HUÂN, PHẠM-NGỌC-
CHÂU, Một bạn đọc «Không tên»,
Phạm-nhân chính-trị ở Côn - đảo } *Ý - kiến về truyện - ngắn Việt và
ngoại-quốc.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lá thư hải-ngoại : Giới-thiệu Việt-
nhạc tại Thụy-sĩ.*
- TRẦN-NGUYỄN ANH-CA : *Tâm-sự cây thạch-cầm xưa nhất
Thế-giới.*
- NGUYỄN : *Cây giáng-sinh thương giết (truyện
dịch).*
- VIỆT-TỬ : *Kèn đưa ma (truyện ngắn).*
- VŨ-HẠNH : *Người nữ-lì (kịch truyện).*
- VŨ-PHIẾN : *Tuổi thơ đã mất (truyện ngắn).*
- PHAN-DU : *Một món nợ (truyện ngắn).*
- PHẠM-PHẠM : *Những người không có mùa xuân
(truyện ngắn).*
- KIỀU-YIÊU : *Tương-quân (dịch Liêu-trai).*

• NGHIÊM-PHÚ-LƯU

Một vài ghi xét tổng-quát về tình-hình kinh-tế tại các nước miền Nam và Đông-Nam Á-Châu

(tiếp theo Bách-Khoa số 70)

IV.— Sự phá-hoại nội-bộ.

Trong nội-bộ, các Quốc-gia mới thu hồi được độc-lập, còn phải chống lại các cuộc phá-hoại của :

- Thực-dân
- Phong-kiến
- và Cộng-sản

Tuy thoát khỏi ách thực-dân, song đa-số các cơ-sở nông-nghiệp quan-trọng, các hầm-mỏ, các xí-nghiệp, các phương-tiện chuyên-chở, các thiết-bị cơ-bản về công-kỹ-nghệ, mọi ngành hoạt-động và nhất là các vốn kinh-doanh còn nằm trong tay hoặc của Thực-dân cũ, hoặc của một số ngoại-kiểu khác.

Vì muốn giữ vững ưu-thế cũ của mình để thu-lợi, tất-nhiên thực-dân và một số ngoại-kiểu khác đã gây nhiều phản-ứng hoặc để chống đối ngấm-ngấm hay công-khai đối với những chính-sách kinh-tế độc-lập mới của các Chính-phủ Quốc-gia

hoặc để phá-hoại các nền móng và cơ-sở kinh-tế cũ.

Một sự-kiện khác quan-trọng hơn có thể tạm-thời làm tê-liệt nền kỹ-nghệ và thương-mại của các nước này là việc các ngoại-kiểu rút vốn kinh-doanh về.

Thiếu vốn không tạo-lập hay tăng-cường tư-bản được các đồn-diễn các xí-nghiệp sẽ phải đình-chỉ hoạt-động hay giảm bớt tốc-độ sản-xuất. Như vậy mức sản-xuất trong nước sẽ sút kém — giới nông-dân hay công-nhân sẽ không có việc làm và vì đó sẽ gây ra nhiều việc xáo trộn trong tình-hình kinh-tế và xã-hội.

Trong các bước tiến mới phải cần có những ý-thức và quan-niệm mới. Những cuộc cách-mạng cải-tạo xã-hội dù lớn hay nhỏ dù nhẹ-nhàng hay táo-bạo đều phải dựa vào các định-hướng mới lắm khi làm thay đổi cả nếp sống hàng ngày và thay đổi cả các ý-thức-hệ cũ.

Song trong nhiều Quốc-gia tuy hoàn-cảnh đã đổi thay mà vẫn còn một số người tồn-tại lại, họ muốn khư-khư giữ lấy những thành-kiến ích-kỷ cũ, những quyền-lợi cũ hay những đặc-quyền và lợi-tức không phù-hợp được nữa với đời sống mới phần nhiều dựa trên căn-bản nhân-vị và đại-chúng.

Các sự phá-hoại của bọn phong-kiến ích-kỷ này nguy-hiêm hơn cả vì sự phá-hoại đó ngấm-ngấm trong mọi lãnh-vực hoạt-động và có thể làm tiêu-hao nhiều một cách trực-tiếp hay gián-tiếp những khả-năng :

- xây-dựng nội-bộ
- phát-triển kinh-tế của các Quốc-gia đó.

Một sự nguy-hiêm quan-trọng khác thường xuất-hiện ra trong các nước mới độc-lập này.

Đó là sự phá-hoại ngấm-ngấm này dưới các hình-thức quan-liêu tham-nhũng hay cố-ý thao-túng thị-trường, đầu-cơ trục-lợi rất có thể làm sai-lệch những chính-sách và đề-cương rất tốt đẹp của chính-quyền và gây nổi thù-oán trong hạ-tầng cơ-sở của dân-tộc.

Còn về sự phá-hoại nội-bộ của Cộng-sản thì tất-nhiên không đồng-chánh-kiến trong công cuộc :

- xây dựng Quốc-gia
- Cải-tạo xã-hội

với các Chính-phủ Quốc-gia, các đảng-viên Cộng-sản đã tìm cách đả-phá bằng các lối tuyên-truyền hay các vụ phá-hoại có hay không có võ-trang.

*

Trong nhiều Quốc-gia của miền Nam và Đông-nam Á-châu, những vụ phá-hoại kể trên đang được tiếp-diễn một cách mạnh-mẽ — Lắm khi còn là những sự phá-hoại riêng lẻ lắm khi lại là những vụ phá-hoại nguy-hiêm hơn do sự cấu-kết chặt chẽ của cả Thực-dân, Phong-kiến và Cộng-sản.

V. — Tấn-công kinh-tế khối Cộng-sản

Vì tình-hình chính-trị ngày nay ở trên Thế-giới nên các nước tại miền Nam và Đông-Nam Á-đông hóa thành ra những căn-cứ, điểm quan-trọng về chiến-lược cũng như về kinh-tế.

Bởi lẽ đó tất-nhiên khối Cộng-sản đã tìm đủ mọi phương-sách để lôi kéo các nước kém mở-mang — nói chung — và các nước miền Nam Á-Đông — nói riêng — vào trong vòng ảnh-hưởng của mình.

A. — Viện-trợ kinh-tế và kỹ-thuật

Hồi tháng Giêng 1959 trong Thông-diệp hàng năm gửi cho Quốc-hội Mỹ, Tổng-thống Eisenhower cũng đã nhấn mạnh vào :

1) sự xâm-nhập kinh-tế của khối Cộng-sản vào các nước kém mở-mang.

2) vị-trí quan-trọng của các nước như Nam-Cao và Nam Việt-nam — 2 tiền-tuyến của Thế-giới Tự-do — luôn luôn bị Cộng-sản đe dọa.

Tổng-thống còn cho biết rằng trong khoảng từ 1-7-1957 tới 30-6-1958, Chính-phủ Mỹ đã viện-trợ cho ngoại-quốc 3 tỷ 3 đô-la trong đó có 1 tỷ 9 là viện-trợ quân-sự.

Trong khi đó thì khối Cộng-sản cũng đã viện-trợ 850 triệu đô-la cho các nước kém

mở-mang. Như thế tổng-số viện-trợ của khối Cộng-sản từ 1954 cho tới tháng 6 1958 là 2 tỷ đô-la.

Trong số 2 tỷ đó thì có 1 tỷ 200 của Nga-sô, 700 triệu đô-la của các nước Cộng-sản khác tại Âu-châu và 87 triệu của Trung-cộng.

Thông-diệp kể trên lại cho biết thêm rằng trong năm 1958 lần đầu tiên Nga-sô đã viện-trợ cho Tích-lan, Ba-tư và Đại-hồi.

Song 90% viện-trợ của khối Cộng-sản đã dồn cho các nước Cộng-hòa Á-rập, Ấn-đô, Nam - dương, Áp - ga - nít - tăng và Nam-tư.

Tổng - thống Mỹ lại nói thêm rằng số chuyên-viên do khối Cộng-sản đã giúp cho 17 nước khác trong năm 1957 là 2100 người số đó đã tăng lên là 3400 người trong năm 1958.

*B. — Tổng số nguyên-liệu chiến-lược
để lũng-doạn kinh-tế*

Hiện nay tại các nước kém mở-mang tài-nguyên quan - trọng nhất phần nhiều chỉ gồm có :

- các khoáng-sản
- các nông-sản

Ngoài việc gây rối trên lãnh-vực chính-trị khối Cộng-sản còn thiết-lập một « tổng-số nguyên - liệu chiến - lược » để gây ra những khó-khăn trên thị-trường quốc-tế mục-đích cốt-yếu là :

1/ — Làm lũng - đoạn nền kinh - tế của các nước kém mở - mang và do đó có thể thu hút các nước này vào khối ảnh-hưởng của mình.

2/ — Làm nguy-hại cho sự đoàn-kết kinh-tế của khối Tây-âu.

3/ — Chứng tỏ cho các nước trong khối Trung-lập (tức là lực-lượng thứ 3) rõ sự cần-thiết phải giao-dịch thương-mại với khối Cộng-sản.

Về nguyên - liệu thì tại các nước kém mở-mang các khoáng-sản tại các hầm mỏ là quan-trọng hơn cả.

Như tại Mã-lai, những sắc-thuế hàng năm đánh vào việc khai-thác các mỏ thiếc rất quan-trọng vì các thuế này đã đem lại 50% tổng-số thu-nhập cho Ngân - sách Quốc-gia Mã-lai.

Nếu Cộng-sản làm hạ giá thiếc trên thị-trường thì sự khai-thác thiếc sẽ không có lời nữa và tất-nhiên sẽ phải đình-chỉ.

Danh ngôn, danh lý

GUƠNG MẪU

★ Trong khi hành-động và trong giờ nguy-hiểm, ý-thức của người dưới về quyền-uy của người trên thường biến đổi : ý-thức quyền-uy về chức-tước thì giảm đi ; ý-thức quyền-uy về tính-tình và gương mẫu thì tăng lên.

Như vậy, không những sẽ có 10.000 thợ mỏ thất-nghiệp mà ngân-sách Mã-lai còn sẽ bị hao hụt và do đó sẽ gây ra nhiều sự xáo trộn về tài-chánh có ảnh-hưởng đến tình-hình đến chính-trị tổng-quát.

Tại Bolivia, một xứ sản-xuất thiếc khác cũng vậy. Việc hạ giá thiếc đã làm cho nước này vừa rồi bị một hồi điên-đảo...

Nam-dương, Thái-lan, xứ Nigeria cũng có một hồi bị ảnh-hưởng tai-hại của việc Nga-sô phá giá thiếc trên thị-trường Luân-đôn.

Tại sao ? Tại vì, với tốc-độ sản-xuất theo lẽ lối lao-động tập-thể trong một nền kinh-tế chỉ-huy, trực Mạc-tư-khoa — Bắc-kính đã hướng sự hoạt-động của các ngành sản-xuất quốc-doanh vào việc khai-thác tích-cực các hầm mỏ và sản-xuất các khoáng-sản để thiết-lập một « tổng-số dự-trữ nguyên-liệu chiến-lược ». Tùy trường-hợp, tùy giai-đoạn, tổng-số này sẽ được đem ra để làm xáo trộn cán cân cung và cầu chủ-ý làm phá giá thị-trường và làm lũng-đoạn nền kinh-tế của các nước có nền tài-chánh thấp kém.

Trên thị-trường Quốc-tế giá thiếc năm 1951 là 1615 bảng Anh một tấn. Tới cuối tháng Chạp 1956 giá đó hạ xuống là 778 bảng Anh và cuối tháng Chạp 1957 lại hạ xuống còn có 731 bảng Anh thôi.

Muốn giữ vững giá thiếc một Hội-đồng Quốc-tế về thiếc đã được thiết-lập mục-đích là để, tùy lúc, làm điều-hòa việc mua bán nguyên-liệu này.

Song vì Nga-sô và Trung-Cộng không là Hội-viên trong Hội-đồng kiểm-soát này nên, để phá thị-trường thiếc, Nga-sô đã tung ra bán mấy nghìn tấn thiếc từ

năm 1956. Trong năm 1957 Nga-sô lại thả ra bán 15.000 tấn thiếc (tức là 7% tổng sản-lượng Thế-giới) và tới tháng 9/1958 lại tung ra bán nhiều hơn nữa.

Vì thế đã có sự phá giá thiếc trên thị-trường : giá tối-thiểu do Hội-đồng Quốc-tế thiếc định là 730 bảng, đã đột-nhiên thụt lùi còn có 642 bảng thôi trong ngày 18-9-1958 tức là bị phá giá mất 15%.

Thế là, với một sản-lượng tổng-hợp hàng năm có 35.000 tấn thiếc thôi (tức là không quá 17% tổng sản-lượng trên Thế-giới) Nga-sô và Trung-cộng đã tấn-công vào thị-trường thiếc của khối tự-do và làm nguy hại một phần cho nền tài-chánh của các nước kém mở-mang.

Tình-trạng này còn kéo dài nữa vì sản-lượng thiếc của Nga đã tăng lên gấp đôi trong năm 1957-1958.

Thị-trường bạch-kim cũng bị xáo trộn. Việc bán hạ giá bạch-kim đã đột-nhiên làm hạ giá Quốc-tế xuống 10% và gây ảnh-hưởng không tốt cho các nước tại Nam-phí và Gia-nã-đại, là các nước sản-xuất nhiều bạch-kim nhất.

Về vàng, thì Nga-sô càng ngày càng bán thêm nhiều :

75 triệu đô-la trong năm 1955

155 triệu đô-la trong năm 1956

260 triệu đô-la trong năm 1957

(tức là 25% tổng sản-lượng của Thế-giới không kể Nga-sô) nên thị-trường vàng cũng bị đảo-lộn.

Còn về toong-ten (tungstène) thì Trung-cộng là một nước sản-xuất nhiều khoáng-sản này nhất. Tất-nhiên có thể một ngày kia thị-trường sẽ bị ảnh-hưởng.

Về chất crôm (chrome) không kể Nga-sô thì Thế-giới sản-xuất hàng năm được 4.430.000 tấn.

Riêng Nga-sô đã bán ra 175.000 tấn trong một năm.

Về chất nhôm (aluminium) chất mangan (manganèse) cũng vậy — thị-trường có thể có một ngày lũng-đoạn.



Theo các báo Tây-Âu trong đó có tờ tuần-báo Pháp « La Vie Française » xuất-bản tại Ba-Lê ngày 22-11-1958 thì nhiều kinh-nghiệm đã chứng tỏ rằng một nước trung-lập, khi đã nhận giao-dịch thương-mại với khối Nga-sô, thì nước đó rất có thể dần-dần sẽ bị đặt vào vòng chi-phối của khối Cộng-sản.

Như Tích-Lan hiện nay đã bán cho Nga-sô 1/3 tới 1/2 tổng sản-lượng cao-su trong một năm.

Nước Ai-Cập hiện nay cũng bán cho Nga-sô một số bông hàng năm tương-đương với 50% tổng sản-lượng của nước này.

Ngoài ra Ai-Cập, trong năm 1957 còn xuất-cảng vào khoảng 30% sản-lượng công-nghiệp sang khối Nga-sô. Còn nước Afghanistan thì ngày nay 1/3 tổng-số thương-mại của nước này đương lệ-thuộc khối Cộng-sản.

« Tổng-số nguyên-liệu chiến lược » của khối Cộng sản đã được tận-dụng vừa là để phá nền kinh-tế các nước kém mở-mang vừa là để thu hút các ngoại-tệ cần-thiết về các mục-dịch tuyên-truyền chính-trị và viện-trợ kinh-tế cho các nước thân Cộng.

Năm diêm kể trên đã ảnh-hưởng mật-thiết tới tình-trạng kinh-tế hiện nay của các nước miền Nam và Đông-Nam Á-đông.

Muốn cho nền kinh-tế của các nước này được phát-triển mạnh-mẽ cần phải áp-dụng những biện-pháp thích-nghĩ vừa để xây dựng, củng-cố nội-bộ và tăng-gia sản-xuất trong mọi lãnh-vực, vừa để chống đối lại được, một cách hữu-hiệu, với mọi công cuộc phá-hoại.

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

★ Khi người trên chỉ muốn thành-công mà ít phải khó nhọc, chính thật đã ngăm bảo người dưới cứ làm theo như mình.

Người thời nay không thể thừa-nhận kỷ-luật một chiều; kẻ chỉ-huy không làm hết bổn-phận chỉ-huy một cách đứng đắn thì không thể đòi hỏi kẻ dưới làm bổn-phận thừa-hành một cách đứng đắn được.

★ Kẻ nghĩ rằng mình chỉ nên làm việc vừa đủ để lĩnh tiền thù lao, suốt đời sẽ chỉ làm được công việc thừa-hành, chứ không bao giờ làm nổi công việc chỉ-huy.

Cuộc tấn-công của Cộng-sản tại Châu Mỹ La-tinh

HOÀNG-MINH-TUYNH

*Liên-bang Xô-viết đang tìm cách lợi dụng những
chính biến xảy ra thường-xuyên tại Châu Mỹ La-tinh
để xây-dựng chủ-nghĩa Cộng-sản ngay trước cửa ngõ
Hiệp-chúng-quốc, là địch thủ số một của họ hiện nay.*

ĐẦU XUÂN năm 1959, sau ngày chiến-thắng, nhà Cách-mệnh xứ Qui-ba (Cuba), Fidel Castro có lần đáp lại lời chắt-vấn của một số nghị-sĩ trong Quốc-hội Hiệp-chúng-quốc về số-phận dành cho tài-r sản ngoại-quốc tại xứ Qui-ba, rằng: «Chúng tôi không có ý-dịnh trưng-thu tài-sản của các công-dân Mỹ-quốc». Lời tuyên-bố chưa thốt ra khỏi cửa miệng Fidel Castro được hai tháng thì Chính-phủ của nhà cách-mệnh xứ Qui-ba đã cho ban-hành một đạo luật cải cách điền-địa khiến các công-ty đường lớn lao của Hiệp chúng-quốc — như United Fruit, Atlantica del Golfo và Cuban - American Sugar — phải từn cách nhượng lại trên 700.000 hecta đất trồng mía trong nguyên một hòn đảo lớn, gọi là đảo của người Caraïbes (1). Đó chỉ mới là bước đầu của Fidel Castro trên đường tiến tới mục tiêu ông đã đề ra là giải-phóng xứ sở khỏi ách thống-trị của tư-bản ngoại-

quốc. Và chính Qui-ba là nơi Hiệp-chúng-quốc đã tung ra tư-bản đầu-tư nhiều nhất trên thế-giới, sau Gia-nã-dại.

Trước đó, hồi tháng Năm năm 1958, ông Richard Nixon, Phó Tổng-thống Hiệp-chúng-quốc, trong cuộc du hành qua thủ-dô Nam Mỹ, đã từng bị dân chúng ở các nơi đó tiếp đón một cách hơi quá náo động. Cách thức biểu-diễn tình-cảm nhiều khi hung dữ, và nhất là sự thành công chớp nhoáng của cuộc cách-mạng Qui-ba chống Batista (người được Bộ ngoại-giao Hiệp-chúng-quốc ủng-hộ) chứng-mnh địa-vị chính-trị và kinh-tế của Hiệp-chúng-quốc tại Châu-Mỹ La-tinh hiện nay đang bị đe dọa một cách nguy hiểm. Từ sau ngày thi-hành chính-sách bất can-thiệp vào mọi công việc của Âu-Châu, do vị Tổng-thống thứ năm Monroe chủ-trương, Hoa-thịnh-đốn thường quen coi toàn-thê đại-lục Trung, Nam-Mỹ như là một « khu sản bản » dành riêng cho mình và gồm

(1) Tên thổ dân trên đảo, ngày nay đã bị tiêu-diệt.

nguyên những dân-tộc trung thành với mình. Mặc dù chiến-tranh lạnh phát hiện, thái-độ ấy cũng không thấy đổi thay : Chính-phủ Mỹ-quốc vẫn cho mối nguy của họ là ở Kim-môn, ở Bá-linh hay ở Bắc-đa và không nghĩ hiểm-họa của họ chính thật ở ngay Châu-Mỹ La-tinh, nghĩa là ở ngay sát vách họ. Chính-sách dài hạn của Cộng-sản phải chăng là dùng thủ-đoạn dương đông kích tây để đánh lạc Hiệp-chúng-quốc và che đậy mạnh tâm xâm-lấn những lãnh-địa khác trong hoàn-cầu, nhất là Châu-Mỹ La-tinh ?

Tại đây, hiện đang có nhiều sự việc xảy ra rất đáng lo ngại : một mặt, số người gia-nhập đảng-phái và nghiệp-đoàn cộng-sản ngày một đông, sinh-viên phần lớn ưa-chuộng chủ-nghĩa Mác-xít và nông-dân đã bắt đầu tiếp nhận những cán-bộ Xô-viết tới «thăm viếng» ; những cán-bộ này nhiều khi còn dám đề-nghị cả với các chính-phủ những cuộc doanh-thương lớn lao nữa. Mặt khác, nhân-dân Châu-Mỹ La-tinh hiện đang nuôi dưỡng một ý-chí căm hờn đối với Hiệp-chúng-quốc và những động loạn gây nên bởi tranh-chấp xã-hội thường xoay trở thành những cơ-hội rất thuận-tiện cho sự xâm-nhập của cộng-sản.



Thế-lực của cộng-đảng tại các nước thuộc Châu-Mỹ La-tinh hiện nay rất khó ước-lượng. Một số bị cấm và phải hoạt-động trong bóng tối, nhất là tại Trung-Mỹ. Cộng-đảng quan-trọng nhất về số-lượng là cộng-đảng Ac-giăng-tin (Argentine), gồm 80.000 chiến-sĩ. Thứ đến cộng-đảng Bơ-rê-sin (Brésil) gồm 50.000 đảng-viên, đảng trưởng là Luis Carlos ; Luis Carlos lại còn là lãnh-tụ toàn-thể cộng-đảng Châu-

Mỹ La-tinh. Sau đến cộng-đảng Vê-nê-đuy-ơ-la (Vénézuéla) Si-ly (Chily) và Qui-ba (Cuba), kể là tương đối quan-trọng hơn hết. Trường-hợp Méc-dích (Mexique) có điểm đặc-biệt : đảng Cộng-sản chỉ có ít người, còn đảng Bình-dân, có khuynh-hướng Mác-xít, thì lại đông hàng 75 000 người. Theo con số của Bộ ngoại-giao Hiệp-chúng-quốc thì tổng-số đảng-viên Cộng-sản tại Châu-Mỹ La-tinh hiện nay lên từ 200.000 tới 250.000 người và mỗi năm còn tăng lên từ 5 đến 10%.

Nhiều đảng-viên Cộng-sản thuộc giới công-nhân, cho nên ta thấy nghiệp-đoàn công-nhân thường có khuynh-hướng Cộng-sản. Lãnh-tụ phong-trào nghiệp-đoàn là ông Lombardo Toledano người nước Méc-dích ; ông này lãnh-đạo Liên-hiệp nghiệp-đoàn Châu-Mỹ La-tinh, gia-nhập Liên-hiệp nghiệp-đoàn thế-giới theo khuynh-hướng Cộng-sản, từ năm 1945. Liên-hiệp nghiệp-đoàn Châu-Mỹ La-tinh hiện đã bám rễ rất chặt tại Vê-nê-đuy-ơ-la, Si-ly, Méc-dích, Goa-tô-ma-la, E-qua-tô, và Bơ-rê-din. Cứ tổng-quát mà xét thì Cộng-sản hiện nay rất có thế-lực trong các nghiệp-đoàn chủ não, các nghiệp-đoàn mà đại đa-số công-nhân làm việc : tại các Công-ty lớn do người ngoại-quốc kiểm-sát. Trường-hợp vùng Chuquicamata ở phía Bắc Si-ly là một tỷ dụ cụ-thể : thành phố Chuquicamata do hội Mỹ-quốc Anaconda thiết-lập cho công-nhân khai mỏ đồng của Hội ở ngay trong vùng, ba phần tư dân-số gia-nhập Cộng-đảng.

Trong giới thượng-lưu, sinh-viên phần đông có khuynh-hướng Mác-xít. Phần lớn các cuộc biểu-tình chống ông Richard Nixon đều do đám sinh-viên thủ-xướng và

tổ-chức. Kết-quả cuộc bầu-cử tại trường Đại-học Caracas rất đáng lưu ý : có tới 45% phiếu bầu cho đảng-viên Cộng-sản, và 45% phiếu bầu cho đảng Tiến-hành dân - chủ là đảng cầm - quyền, chịu ảnh-hưởng sâu đậm chủ - trương Mác - xít của trường Đại-học. Tổng-cộng 90% phần-tử vừa Cộng-sản vừa có cảm-tình với Cộng-sản. Tại các nước khác, ảnh-hưởng Cộng-sản trong đám sinh-viên tuy không đạt tới tỷ-lệ cao như vậy, song cũng rất lớn lao.

Cho tới những năm gần đây, Cộng-sản tại Châu-Mỹ la-tinh phần nhiều chỉ bành-trướng ở thành-thị. Pablo Neruda tại Si-ly, Luis Carlos Prestes tại Bơ - rê - din, Lombardo Toledano tại Méc - dích đều là những người sinh - trưởng nơi thành - thị. Cuộc thành-công của Mao-Trạch-Đông tại Trung - quốc đã khiến cho Cộng - sản nơi đây dồi dào khuyh-hướng và tuyên-truyền của họ khởi sự nhắm nông-thôn, đặt trọng-tâm vào cải-cách điền-địa, cốt thu hút đám dân quê nghèo khổ. Cộng - sản cũng không bỏ dịp lợi-dụng những chuyện kỳ thị chủng-tộc thường xảy ra để xâm nhập các dân-tộc vốn thuộc dòng dõi thổ dân, như tại Pê-ru (Pérou), dòng dõi của người Anh - ca (Incas) mà Cộng-sản thường cố-tình gây công phẫn bằng luận điệu như sau : « Nền văn-minh ngàn xưa của các bạn bị người Tây-ban-nha hủy diệt chính là nền văn-minh Cộng-sản, các bạn có nhiệm-vụ bảo-vệ và kế tục phát-triển nền văn-minh ấy ».

Cái lưới gồm những phần-tử trung-kiên và đồng-lỏa. Cộng-sản kín đáo giăng ra trong bóng tối của thời kỳ bí-mật, thường đột-nhiên xuất-hiện công-khai, mỗi khi có biến loạn xảy ra tại một nơi nào. Cuộc cách-mạng tại Qui-ba mới rồi là một tỷ-dụ. Trước triều-ban Thượng

nghe-viện Hiệp-chúng-quốc, Petro Luis Diaz Lanz, nguyên là trưởng-đoàn không-quân cách-mệnh Qui-ba tuyên-bố rõ ràng : có nhiều phần-tử Cộng-sản đã chen lẫn được vào hàng ngũ cách-mệnh Qui-ba : từ Ché Guevara vừa là yếu-nhân thứ ba của chế-độ vừa là cố-vấn của Castro, cho tới David Salvador, là đoàn trưởng liên-hiệp nghiệp-đoàn Qui-ba ; từ Nunez Jimenez là tay khởi xướng và tổ-chức công-cuộc cải-cách điền-địa, cho tới Carlos Franqui là chủ - nhiệm tờ báo « Revolución », cơ-quan chính-thức của chế-độ Castro. Nguyên thủ Urrutia trước khi thất thế đã từng lên tiếng tố-cáo sự xâm-nhập và tranh đoạt của các phần-tử cực tả, được chính-phủ Xô-viết tích-cực ủng-hộ từ bên ngoài. Tại Qui-ba, cũng như tại hầu hết các nước Châu-Mỹ La-tinh, bình quân kinh-tế căn-cứ vào số lượng xuất-cảng một sản-phẩm duy-nhất, sang Hiệp-chúng-quốc, trong trường hợp Qui-ba thì sản-phẩm ấy là đường. Từ ngày Batista bị lật đổ, Hoa-thịnh-đốn ra chiều như không muốn cho đường của Qui-ba được nhập-cảng theo số-lượng như khi Batista còn tại vị. Lập tức, Mạc-tur-khoa nhắn cho Fidel Castro biết khối Xô-viết sẵn sàng cung ứng cho Qui-ba một thị-trường tiêu-thụ còn quan-trọng hơn thị-trường Mỹ-quốc nhiều phần.

Làm sao Qui-ba có thể từ chối một cơ-hội có tính-chất quyền rũ đến với mình một cách thích thú như vậy ?

Ngoại-giao Xô-viết hoạt-động rất tích-cực trong hầu hết các nước Châu-Mỹ La-tinh. Người Nga tuy chỉ đặt được có ba tòa đại-sứ tại ba nước Méc-dích, Ac-giăng-tin và Uy-ruy-ghe (Uruguay), nhưng

họ đã dùng được cả ba địa-điểm trên và biến chúng thành những trung-tâm tuyên-truyền cho toàn-thể đại lục (nguyên thủ đô Méc-dích-cô hàng năm chuyển vận ra ngoài 260.000 bao hưu-phiếu gồm những tập sách nhỏ nói về chủ-nghĩa Cộng-sản và viết bằng tiếng Tây-ban-nha). Họ còn đặt được nhiều mối bang-giao trên địa-hạt thương-

mại với các nước khác. Giữa khi ông Richard Nixon chu du các nước Trung Nam-Mỹ, thì ông Vassily Kouznetzov, phó chủ-tịch Bộ ngoại-giao Liên-xô cũng kín đáo khởi sự chu du các nước Châu Mỹ La-tinh để đối đáp lại. Ông đề nghị với hết mọi nước ông đi qua một cuộc viện trợ kinh-tế và tiến hành mậu-dịch giữa các nước này với khối Xô-viết. Đại đề ông thuyết phục họ rằng: « Đồng « rúp » có

thẻ thay chân đồng « đô-la » được ». Các cuộc vận-động trên đã diễn hành từ trên một năm nay: nguyên nước Bơ-rê-din trong năm 1958 đã tiếp nhận được 176 vụ mua bán. Kết quả tuy chưa đạt được bao nhiêu, nhưng vẫn tiến đều. Trong năm 1958, khối Xô-viết thu dụng 1,5% tổng số xuất-cảng của Châu-Mỹ La-tinh; tỷ lệ ấy lên 3% trong năm 1958.

Trong khi đóng cái vai trò « chiêu hàng » như vậy, đại diện của khối cộng-sản

thường cũng vấp phải những trở ngại khá lớn lao và rất khó chịu. Như hồi tháng Sáu vừa qua, họ đã thất bại cay chua trong một cuộc thương-thuyết với Uy-ruy-ghe, là một trong những nước « công-ty » chính của họ. Tuy nhiên, họ cũng là những kẻ biết đánh những nước cờ rất cao và biết bắt mạch rất đúng,

nhất là đối với những nước có dầu lửa. Nước Ac-giăng-tin và nước Bơ-rê-din, đều có một công-ty dầu lửa quốc-gia, cả hai nước cùng coi đó là nguồn-lợi chủ-yếu và cùng đặt tất cả hy-vọng của quốc-gia vào đó. Tới một lúc, cả hai công-ty cùng mắc chung một nạn là thiếu tình-lực-phẩm để mở-mang vị-trí công-nghiệp. Cho đến nay, Hiệp-chúng-quốc vẫn viện lẽ tôn-

trọng nguyên-tắc tự-do doanh-thương, từ chối việc cung cấp vật-liệu tìm kiếm mạch dầu cho công-ty Petrobras của Bơ-rê-din và công-ty Y. P. F. (Yacimientos Petroliferos Fiscales) của Ac-giăng-tin. Nga vốn là nước thiện-nghệ trong việc tìm kiếm mạch dầu và đào giếng dầu, hẳn tuyên-bố cam-kết trang-bị đầy đủ cho cả hai công-ty. Cuộc thương-thuyết cho tới nay vẫn chưa đi đến chỗ kết thúc, song nguyên sự-kIỆN có cuộc thương-thuyết giữa hai nước thuộc Châu-



Mỹ La-tinh với Nga như vậy cũng đủ làm cho các nước khác thuộc Châu-Mỹ La-tinh chăm chú theo dõi và sẵn sàng cắt đứt liên-lạc với Hiệp-chúng-quốc khi có thể được, để cỡi ách giám-hộ của nước này và thỏa-mãn nguyên-vọng quốc-gia của họ.

Chiến - thuật chính của Cộng - sản hiện nay tại Châu-Mỹ La-tinh là nhằm lợi-dụng sự căm phẫn của người dân đối với Hiệp-chúng - quốc và tạo nên một phong - trào trung-lập cốt tách rời Châu-Mỹ La-tinh với khối tây-phương. Đồng thời, người Xô-viết nỗ-lực thiết-lập vị-trí quân-sự tại các nơi xung yếu để phòng khi chiến-tranh thế-giới xảy ra thì đã sẵn có những điểm tựa có thể tấn công thẳng vào Hiệp-chúng-quốc và nhất là có thể làm tê liệt việc tiếp tế nguyên-liệu cho Hiệp-chúng-quốc sau này. Chiến-thuật cổ-diễn ấy mới được cải-tiến, từ khi Mao-Trạch-Đông toàn thắng Quốc-quân trên lục-địa Trung-hoa. Sự thắng-lợi của Mao đã khiến cho các nhà lãnh - đạo Cộng-sản Trung-Nam-Mỹ phải duyệt lại đường lối của họ. Theo Bắc-kinh thì chủ-trương của Xô - viết cho rằng chỉ nguyên nông - dân và công - nhân đoàn - kết có thể chống lại được chủ-nghĩa đế-quốc, chưa thật đúng hân. Riêng đối với Trung-quốc, Cộng-sản sở dĩ thắng là vì đã biết mở rộng cuộc liên - minh với những thành phần ở ngoài thành phần nông-dân và công-nhân, nhất là với những thành phần trung-lưu và tư - sản. Quan - điểm và kinh - nghiệm của « *Tấn Trung-hoa* » được Cộng-sản Châu-Mỹ La-tinh chú-trọng đặc-biệt, nghiên-cứu kỹ càng và bắt đầu áp-dụng. Hiện giờ các « mặt trận chống đế-quốc » đang xúc tiến mạnh tại Châu-Mỹ La-tinh ; nhất là ở Si-ly, đảng trưởng Luis Corvalan rất khâm phục sáng - kiến của Bắc - kinh và đảng

Cộng - sản tại đây khởi sự kết thúc thỏa hiệp với đảng Xã-hội, với đảng Cấp-tiến, cả với đảng Dân-chủ Ki-tô-giáo nữa.



Sở dĩ cuộc xâm-nhập của Cộng-sản vào Châu-Mỹ La-tinh ngày càng lan rộng như thế là do bởi hầu hết hai mươi nước Cộng-hòa tại đó đang trải qua những bước khó khăn trong nội-bộ cả về phương-diện kinh-tế lẫn xã-hội. Như ta thường nhận xét thấy, mỗi khi một xứ hay một vùng nào trên thế-giới bị dao-dộng vì những phong-trào chống thực-dân hay chống Hiệp-chúng-quốc, hoặc bị chia rẽ vì đấu-tranh giữa các tầng lớp chủ-nhân và công-nhân, là lập tức Cộng-sản phái ngay cán-bộ đột-nhập để quấy rối, gieo rắc sự hiềm-nghĩ và đào tạo những tay sai đặc-lực để tấn-công. Châu-Mỹ La-tinh hiện đang lâm vào tình-trạng trên vậy.

Trừ xứ Guy-an (Guyanes), Ông-đu-rát (Honduras) thuộc Anh và quần-đảo An-ti (Antilles), tất cả các nước Châu-Mỹ La-tinh khác đều đã thu hồi độc-lập từ thế-kỷ trước. Tuy-nhiên, đa-số các nước này vẫn còn đang sôi nổi về chuyện độc-lập, không phải độc-lập về chính-trị mà độc-lập về kinh-tế, và nóng lòng muốn cỡi bỏ ách thống-trị của ngoại-nhân hiện đang đè chiu trên đầu họ trong hầu hết mọi ngành hoạt-dộng của quốc-gia.

Từ năm mươi năm nay, đồng «đô-la» ngự trị một cách rất ngang ngược trên đất nước họ. Tổng-số đầu-tư của các công-ty Mỹ-quốc tại các nơi này lên tới 9 ngàn triệu đô-la, nghĩa là bằng cả số đầu-tư của các công-ty ấy trong toàn thế-giới. Một

Công-ty như Công-ty United Fruit có những đồn-diện vĩ-dại tại Trung-Mỹ, thế lực mạnh đến nỗi có thể khuynh-đảo được cả những chính-phủ tỏ ra cứng đầu với họ. Năm 1954, tổng-thống Goa-tơ-ma-la (Guatemala) là ông Jacobo Arbenz muốn thi-hành chương-trình cải-cách điền-dịa đã bị công-ty United Fruit sui Hoa-thịnh-Đốn can-thiệp và kết-quả là Arbenz bị lật nhào một cách thảm hại. Trừ một vài trường-hợp đặc-biệt, còn thì nước nào cũng bị các tay tài-phiệt ngoại-quốc tới « xâm lăng », tác-phức, tác-họa, làm mưa làm gió, ngang nhiên xây cất nhà cửa thành những đô-thị độc-lập, như những nước nhỏ ở trong một nước lớn, với đường giao-thông riêng, bến tàu riêng và mua chuộc được cả những người cầm quyền hành-chánh làm việc riêng cho họ nữa.

Để chống lại ách thống-trị của tư-bản ngoại-quốc, Châu-Mỹ La-tinh ngày nay cương-cường quật-khởi, muốn thu hồi toàn vẹn chủ-quyền quốc-gia bằng cách chiếm lại nền độc-lập kinh-tế. Trước chiến-tranh, Mễ-dích đã quốc-hữu-hóa các mỏ dầu, sau đó Bô-li-vi (Bolivie) cũng theo gương, quốc-hữu-hóa các mỏ thiếc và Quí-ba quốc-hữu-hóa các đồn-diện mía còn Bơ-rê-din và Ac-giăng-tin thì mua lại đường hỏa-xa của các công-ty Âu-châu. Tuy không đi tới chỗ quốc-hữu-hóa như các nước trên, các nước khác đánh thuế thật nặng vào lợi-tức của các công-ty ngoại-quốc ; như trường-hợp của Vê-nê-duy-ơ-la đối với dầu hỏa và Sily đối với đồng. Có điều nên chú-ý là các nước sau này sợ dĩ không dùng tới những biện-pháp cực-doan như quốc-hữu-hóa, chỉ vì ở trong cái thế không thể làm được chứ không

phải là có tin-tưởng gì ở một biện-pháp khoan hồng.

Vì thật ra nơi tiêu-thụ tài-nguyên chính của Châu-Mỹ La tinh như dầu lửa và lúa mì là Hiệp-chúng-quốc. Cắt đứt mậu-dịch với Hiệp-chúng-quốc chắc chắn sẽ đưa hai mươi nước trong khối đó tới chỗ nằm trên vàng mà bị chết đói. Không kể Ac-giăng-tin và Uy-ruy-ghe là hai nước đã thiết lập được mậu-dịch với Tây Âu một cách chắc chắn, các nước khác xuất-cảng tới ba phần tư tổng-số sản-phẩm qua Hiệp-chúng-quốc và mỗi nước chỉ sản-xuất có một sản-phẩm duy-nhất: Si-ly có đồng, Bô-li-vi có thiếc, Vê-nê-duy-ơ-la có dầu lửa, Quí-ba có đường, Cô-lôm-bi (Colombie), Bơ-rê-din, Goa-tơ-ma-la có cà-phê. Nền kinh-tế quốc-gia của một nước mà phải lệ thuộc hoàn-toàn vào một sản-phẩm duy nhất như thế thường là một mối đe-dọa thường trực cho nước ấy, như thời giá đồng trên thị-trường quốc-tế chỉ xuống mấy xu là đủ khiến cho ngân sách của nước Si-ly co dúm lại như miếng da lừa, có khi không còn đủ khả-năng mua được sản-phẩm công-nghiệp và thực-phẩm cần-thiết cho sự sống còn của nhân-dân nữa. Phải làm thế nào để giới hạn được mối đe dọa thường trực đó ? Ai cũng biết chỉ có một cách là kỹ-nghệ hóa xứ-sở. Nhưng kỹ-nghệ hóa thì phải có vốn, mà muốn có vốn, không có cách nào khác hơn là vay của Hiệp-chúng-quốc. Vốn của Hiệp-chúng-quốc, thành thử, bị tổng ra khỏi cửa lớn trong ít lâu lại được rước vào bằng lối cửa sỏ, nhưng vào mà vẫn rứt rề, e sợ.

Cò hợm của Châu-Mỹ La-tinh bị chặn ngay ở chỗ đó. Ông Tổng-thống Ac-giăng-tin Arturo Frondizi đã bị ném mũ « chặn hợm » một cái túi nhục. Trong cuộc tranh cử, ông đưa ra khẩu hiệu :

« Ta giữ dầu lửa lại, quyết không bán cho bọn tư-bản ngoại-quốc ! » Rồi tới khi đắc cử và cầm được chính quyền ông mới nhận ra độc - quyền dầu lửa nhà nước của công-ty Y.P.F. chỉ sản-xuất được một số lượng rất kém, không đáp ứng đủ nhu-cầu tối thiểu của quốc-gia, vì thiếu tư-bản để khuếch - trương. Trong khi Ac - giăng - tin đang muốn tiếp tục công cuộc kỹ-nghệ hóa xứ sở và chỉ có dầu lửa là tài-nguyên giá-tăng tinh-lực duy nhất. Tổng-thống Frondizi bắt buộc phải kêu gọi tư-bản của các công-ty Mỹ-quốc và ký kết với họ một khế ước. Lập tức, tinh-thần quốc-gia mà chính ông đã un đúc và khuyến khích trước đây, liền trở ngược lại nhằm ông mà bùng nổ một cách dữ dội ; công-nhân quay ra đình-công, đòi hủy bỏ khế-ước và ông Frondizi phải nhờ tới uy-lực của quân-đội mới dẹp yên được.

Song song với những động loạn có tính chất quốc-gia đó, một cuộc cách-mạng xã-hội hiện đang nổi lên tại Châu-Mỹ La-tinh, trong đó quyền-lợi của nông-dân và công-nhân cùng gặp phải sức đối kháng quyết-liệt của phe đại tư-bản và tư-sản thành-thị.

Dân - chúng, từ trước đây, vốn đã sẵn chia thành hai giai cấp lớn : một bên là phú-hào phong-kiến, một bên bần dân đói khổ. Hạng trên thì sống ở thành-thị bằng lợi-tức của những cương-thỏ vĩ-dại nhất thế-giới : ở Ac-giăng-tin có estancias, ở Si-ly có fundos, ở Bơ-rê-din có fazendas.

Diện-tích của một vài cương-thỏ trên có khi lớn bằng diện-tích của cả nước Anh hoặc nước Bỉ. Như tại Si-ly, 1% dân-số có tới 52% tổng-số đất đai. Trên những cương-thỏ bát ngát đó, một số đông nông-dân và công-nhân làm việc,

phần lớn, trọn đời, chỉ có một chiếc giường để nằm, ăn thì không đủ no và chẳng hề được bước chân đến trường học.

Bị nạn đói kém thúc đẩy và bị huyền tượng kỹ-nghệ-hóa lôi cuốn, 26 triệu nông-dân (dân-số Châu-Mỹ La-tinh được 190 triệu) tuồn ra thành-thị từ sau cuộc đại-chiến thứ hai. Họ tuồn ra thành-thị với hy-vọng kiếm được ở đó một căn nhà và một việc làm. Song, đối phần đông, căn nhà đã không có, mà đến việc làm cũng không có nốt, họ trở thành thất nghiệp và phải ở chen lấn, chui rúc với nhau trong những khu lều quán chật hẹp và bần thiêu gọi là bidonvilles. Khối người này, hợp nên một lực-lượng bần dân quan-trọng và là một thứ « khách hàng » trị giá của các tay độc-tài, muốn lợi-dụng họ để đánh những ván cờ chính-trị. Đó là trường-hợp của Ac-giăng-tin là nơi mà Juan và Eva Peron đã từng phen được tung hô như thần tượng của đám bần dân mệnh danh là «descamisados». Đám dân này thường dễ bị những khẩu hiệu bài-ngoại khích-dộng và thường liên-kết với tư-sản thành-thị hợp thành một phong-trào quốc-gia lớn mạnh lẫn át được mọi lực-lượng khác trên toàn-thề Châu-Mỹ La-tinh.

Trước những hành-vi quá lạm và cách sử dụng thủ đoạn my-dân của bọn độc tài, phe tư sản và quân đội — lực-lượng duy nhất có tổ-chức — đã lần lượt tổng khừ và bài trừ được : Juan Peron tại Ac-giăng-tin từ năm 1955, Getulio Vargas tại Bơ-rê-din từ năm 1956, Rojas Pinilla tại Cô-lôm-bi từ năm 1957, Perez Pimenez tại Vê-nê-duy-ơ-la từ năm 1958. Không kể Trung-Mỹ là nơi giới trung-lưu còn là

một lực-lượng yếu ớt và các gia-tộc phong-kiến còn đủ mạnh mẽ để duy trì quyền lợi, tại các nơi khác trong Châu-Mỹ La-tinh, chính-quyền đều do giới tư-sản nắm giữ. Những khó khăn lớn lao của các chính-quyền này hiện đã thấy bắt đầu xuất lộ, vì nông-dân và công-dân đòi họ phải thi-hành những cải-cách xã-hội để hoàn tất cách mệnh quốc-gia. Nông-dân thì đòi thi-hành cải-cách điền-dịa, nhưng họ vấp phải sức đối kháng của phe đại nghiệp-chủ vẫn còn dư thế lực. Công-nhân thì vốn trước đây đã từng được bọn độc-tài chiều dãi quá đáng, thường tỏ vẻ không ưa những biện pháp điều hòa và hợp-thức của các chính quyền mới muốn đặt mọi sự vào con đường chính thống, theo pháp độ. Mỗi khi các chính quyền mới này ra vẻ nhượng bộ công-nhân thì lập tức quân-đội phản ứng và can thiệp. Quân-nhân đại-diện cho một lực-lượng bảo-thủ, đối-lập hẳn với những lối biểu tình đường phố và chính bọn quân nhân mới đây đã có lần loại trừ những bộ-trưởng mà họ nghi là có khuynh-hướng quá thiên về tả phái, ra khỏi Chính-phủ Ac-giăng-tin. Tại Vê-nê-duy-ơ-la, Chính-phủ Romulo Bétancourt sống thường-trực dưới sự đe dọa của quân-đội.

Do đấy, nông-dân và công-dân cùng cảm thấy thất-vọng chua cay, nhất là khi thấy « cách-mệnh » đâm ra hủ-hóa, tư-sản-hóa, phản-bội họ một cách trắng trợn. Tại Méc-dích, đảng tiên-phong cách-mệnh, khi nắm được chính-quyền rồi thì liền bị những cám dỗ của nghề chính-trị làm cho « u-mê » ngày càng trở nên tham quyền cố vị, không nghĩ gì đến những cải-cách đã cam-kết, hứa hẹn, thực hiện cho nhân-dân khi còn ở trong bóng tối. Chỉ duy có Fidel Castro là còn cố-gắng tiếp tục cuộc cách-mệnh.

Trước hết đó là vì Castro có được hoàn-cảnh thuận-tiện : quân-đội và Batista đã bị ông giải trừ trong cùng một lúc ; sau nữa là vì ông chót mắc với nông-dân một món nợ danh-dự, ông không thể « muối mặt » phản bội nhưng kẻ đã có công liên-kết với ông khi còn ở bưng-biển. Ông ban-hành luật cải-cách điền-dịa. Lập tức phe địa-chủ và tư-sản nổi lên đối kháng, khiến cho cuộc cách-mệnh đột nhiên trở thành cam-go quyết-liệt. Castro đành phải quay về cầu viện với đám dân thành-thị và đảng cộng-sản để đàn áp bọn đối kháng. Thế là cộng-sản lại có dịp lọt được vào nội-tuyến của xứ Qui-ba...



Làn sóng căm-phẫn đối với Hiệp-chúng-quốc và thất bại trong mọi công cuộc cải-cách xã-hội tại Châu-Mỹ La-tinh đã như hùa nhau lại mà làm tăng mỗi oán hờn của mọi tầng lớp dân-chúng ở đó lên tới tột độ. Đám lửa bốc lên ngọn ngút ấy làm cho các nhà hữu-trách đâm ra lo ngại, hoảng hốt muốn tìm phương giải-quyết mà không thấy được giải pháp nào.

Các vị ấy bị đặt trước một tình-trạng tiến thoái lưỡng nan, một mặt thì cần phải có tư-bản ngoại-quốc mới có thể giải-quyết các vấn-đề xã-hội ; một mặt thì phải đối phó với tinh thần chống Mỹ của dân-chúng, được Cộng-sản cổ lệ, khuyến-kích và nuôi dưỡng hòng gây biến loạn. Mãi gần đây Tổng-thống Bô-rê-din là ông Juscelino Kubitschek mới đưa ra được một đề-nghị cụ-thể : làm sao cho « đô-la » của Hiệp-chúng-quốc tới Châu-Mỹ La-tinh không phải chỉ nguyên là « đô-la » của những đại công-ty bỏ ra để thủ lợi, và cũng phải làm

sao « đô la » ấy đừng tới tay một bọn độc-tài chuyên nghề ích-kỷ, hại dân. Ngoài ra, « đô la » sẽ tới dưới hình-thức một cuộc viện trợ trên cương vị quốc-gia có kế-hoạch qui mô, như kế-hoạch Marshall, vì từ trước đến nay Châu-Mỹ La-tinh chỉ mới nhận được có 3% tổng-số ngoại-viện của Hiệp-chúng-quốc mà thôi.

Tháng năm 1958, Tổng-thống Kubitschek đã gửi cho Tổng-thống Eisenhower một thông-diệp bày tỏ rõ ràng những ý kiến trên. Nhờ đấy đã phát sinh ra chiến-dịch, gọi là Chiến-dịch liên-mỹ. Chiến-dịch này tuy chưa đem lại kết quả gì khả-quan, nhưng sau cuộc chu du của ông Richard Nixon, Hoa-thịnh-Đốn bắt đầu thấy cảm sự cần-thiết phải hành-dộng mau để tranh thủ thời-gian với Cộng-sản. Cũng trong thời-gian đó, Tổng-thống Kubitschek giở chính-sách hăm dọa: ông ra lệnh cho vị đại-sứ của ông ở Luân-dôn đảo qua quan-sát một vòng các nước ở sau bức màn sắt với sứ mệnh tìm mối mâu-dịch. Và khi Hội-nghị liên-mỹ, gồm có Hiệp-chúng-quốc và hai mươi nước thuộc Châu-Mỹ La-tinh nhóm họp tại Buenos-Aires vào mùa xuân 1959, vị đại-biêu Si-ly là Videla Lira có lên tiếng đe sẽ mở rộng sự thông thương với khối Xô-viết, nếu Hiệp-chúng-quốc không chịu viện-trợ một cách tích-cực.

Bị bốn bề dồn ép, Hoa-thịnh-Đốn bắt buộc phải duyệt lại chính-sách đối với các nước anh em. Chiến-dịch liên-mỹ ngay nay lại bắt đầu hoạt-dộng và ông Foster Dulles, trước khi qua đời, đã tuyên-bố chấp thuận ba nguyên-tắc của Tổng-thống Kubitschek đề ra, là Hoa-thịnh-Đốn sẽ định

giá nguyên-liệu, mở mang đại-lực Mỹ-châu theo một kế-hoạch dài hạn và cam-kết việc tài trợ sẽ giao cho một cơ-quan có tính chất ngân-hàng phụ-trách. Hiệp-chúng-quốc vừa xuất ra 450 triệu đồng để tạo lập cơ-quan này, mặc dù con số trên còn cách xa với con số 10 ngàn triệu đồng của Kubitschek và 30 ngàn triệu của Fidel Castro.

Tại Châu-Mỹ La-tinh cũng như tại các nơi khác trong hoàn-cầu, cuộc đua tranh hiện đang mở ra giữa hai khối Đông và Tây. Khối nào sẽ thắng? Khối Tây đã thắng được một điểm: đó là điểm Hiệp-chúng-quốc đã chính-thức bỏ chính-sách bất can thiệp, chính-sách tuy gọi là bất can thiệp mà thật ra chỉ là chính-sách che đậy sự lạm dụng của các công-ty tư-bản lớn và sự ức chế của những tay chính-trị độc-tài. Hiệp-chúng-quốc đã bắt đầu hiệu Châu-Mỹ La-tinh không phải chỉ là một vùng rộng lớn chứa nhiều nguyên-liệu, mà còn là một khu mệnh mông đang muốn được phát-triển mạnh về mặt kinh-tế. Hiệp-chúng-quốc nay mai đây sẽ trù liệu cho hai mươi nước ở đó một phần viện trợ tài-chính và kinh-tế mà họ cần dùng.

Nhưng ngoài vấn-đề vật chất hiện đang tiến hành đó, Hiệp-chúng-quốc cũng còn phải lo tìm phương giải quyết một vấn-đề khác, không kém phần quan trọng và phức tạp. Đó là vấn-đề người. Từ trước đến nay, Hiệp-chúng-quốc, trong trường đua chính-trị thường « cá » những con ngựa rất tốt. Họ tin cậy vào những tay chính-trị mục nát mà hung tợn, mỗi lần bị lật đổ là một lần gây ra căm

phần trong dân chúng đối với người «Yanquis» (1), cho tới trước ngày ngã quỵ, nguyên thủ Vê-nê-duy-ơ-la là Perez Yimenez vẫn còn được Hoa-thịnh-đốn ủng hộ. Fulgencio Batista trước đây cũng được Bộ ngoại-giao Hiệp-chúng-quốc nâng đỡ ra mặt, cho đến nỗi đối với kẻ kế thừa ông là Castro bây giờ, vẫn còn có nhiều nhân-viên trong Bộ ngoại-giao ấy chưa chịu thừa nhận.

Bị chia rẽ vì đối lập của những phần-tử quá khích, Châu Mỹ La-tinh hiện nay còn đang ở trong tình trạng tìm thế quân-bình, trong một thế giới mà mỗi xích-mích đều bị người Cộng-sản lợi dụng triệt-để để phá hoại. Trên khu-vực bao la đó, vấn-đề

(1) Tên gọi người dân Hiệp-chúng-quốc.

người cũng cần được chú trọng như vấn-đề chương trình, vấn-đề kế hoạch. Do đây người ta có thể nghĩ rằng, chung cục của trận đấu tranh giữa hai khối Đông, Tây trên khoảng đất này, hoàn-toàn tùy thuộc vào khả năng của những người lãnh đạo của cả hai mươi nước Cộng-hòa Châu Mỹ La-tinh, khả-năng của những người cầm đầu có đủ nghị lực và uyền-chuyên để duy trì được trật-tự và tiêu-trừ được đối khổ, trước khi để cho làn sóng nhân-dân nổi dậy quét sạch một lần thứ hai nữa.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Theo tài-liệu của Gilles Anouil : « Offensive sur la chasse gardée américaine » đăng trong tạp chí *Réalités* số 165, tháng Mười 1959)

★ Người ta thường nói người trên chỉ cần làm gương mẫu trong công việc ở sở, và ngoài ra, có thể muốn làm gì cũng được. Không, người dưới bao giờ cũng muốn nhìn thấy gương mẫu của người trên ở trong công việc trước, nhưng họ cũng muốn coi cách thức vượt các nỗi khó khăn của người trên trong đời sống thông-thường thế nào ; gương mẫu càng trọn vẹn, ảnh-hưởng tất càng sâu xa.

« Đản mộng Tống sơn xuyên »

Đời Tống có người chí-sĩ tên là Trịnh-Sở-Dam. Khi Tống mất nước, Trịnh không chịu theo giặc, chung thân không lấy vợ con, khi chết có để lại câu tuyệt mệnh này :

Bất tri kim nhật nguyệt,

Đản mộng Tống sơn xuyên.

(Không biết ngày tháng đời nay,

Chỉ mộng núi sông nhà Tống)

Tâm sự của Trịnh-Sở-Dam có lẽ cũng là tâm sự của Caton, một kẻ giữ trọn lòng son sắt với Pompée và cùng Pompée tranh-dấu đến cùng để bảo-vệ tự-do chống lại César.

Mong đợi các bạn đọc đã từng theo dõi, khuyến khích nâng đỡ tạp chí Bách-Khoa trong 3 năm qua, sẽ gửi thư về tòa soạn chỉ dẫn cho các ưu điểm, khuyết điểm về cả nội dung lẫn hình thức, để Bách-Khoa bước sang năm thứ tư kịp thời cải tiến cho xứng đáng với lòng tin yêu của bạn đọc hơn nữa.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

đã có tập 5 (48-60)

Giá 105 \$ và 110 \$



Có bán tại các hiệu sách và
tại Tòa soạn **BÁCH-KHOA**
160 Phan-dình-Phùng—Saigon

Những người Việt-nam có tinh-thần cải cách duy-tân khi nước nhà mới tiếp xúc với văn-minh Tây-phương

• PHAN-KHOANG

NGUỜI Việt-nam tiếp-xúc với người Tây-phương từ thế-kỷ 17. Thời Vua Lê, Chúa Trịnh ở Đường-ngòai, Chúa Nguyễn ở Đường-trong, người Hòa-lan, người Anh, người Pháp, người Bồ-đào-nha đã đến buôn bán hoặc truyền đạo Gia-tô trong hai xứ ấy. Các nhà cầm quyền ở Bắc cũng như ở Nam đã thấy rõ tài năng về võ-bị của người Âu-châu nên đều muốn lợi dụng họ trong cuộc chiến-tranh mình đương đeo đuổi. Ở Đường-trong, Chúa Nguyễn còn dùng mấy Giáo-sĩ làm ngự-y, hoặc chuyên về thiên-văn, toán-học.

Biết người Âu-châu có điều sở-đặc hơn mình, Vua, Chúa ta đã có ý học theo để bắt chước chưa? Khi các Giáo-sĩ giúp Chúa Nguyễn về toán-học, thiên-văn, y-khoa, họ có bày dạy gì về nghệ-thuật ấy cho người Việt không? Theo lời của P. Poivre, một người du-lịch Pháp đến Đường-trong vào khoảng giữa thế-kỷ 18 thì trước kia, hàng năm, người Bồ-đào-

nha ở Macao sai sang nước ta nhiều tàm thuyền và đủ người tài giỏi các nghề; vì sao mà sai sang, và sang làm gì? Về các điều ấy, sử sách không cho chúng ta biết rõ. Chỉ thấy nói rằng năm 1744, khi Friel, một thương-nhân Pháp đến Huế xin thông thương, Chúa Võ-vương có gửi hai thiếu-niên Việt-nam là Hiếu và Lương theo ông học tiếng Bồ-đào-nha là thứ tiếng Âu-châu thông dụng nhất ở Á-đông thời ấy. Hai chàng theo Friel qua Pondichéry (Ấn-độ thuộc Pháp) và sau mấy năm, trở về, biết tiếng ấy, làm thông-ngôn được, Lương còn giỏi về môn hội-họa. Đó có lẽ là hai người Việt-nam xuất-dương học tiếng Âu-châu trước hết. Năm 1778, khi Charles Chapman, một nhân-viên của thương-hội Đông Ấn-độ của Anh, đến Đường-trong xin thông-thương, yết-kiến vua Thái-dức Nguyễn-Nhạc, vua có tỏ ý muốn nhờ quan Toàn-quyền Pengale (Ấn-độ thuộc Anh) phái sang một người để

day việc binh-bị cho dân mình, vì vua có ý chinh-phục Cao-mên, hết bản-đảo Ấn-chi cho đến Xiêm-la.

Nhưng rồi vì việc buôn bán không phát đạt, cuối thế - kỷ 17, đầu thế - kỷ 18, các thương - nhân Âu - châu lần lần rời bỏ xứ này. Còn các Giáo - sĩ thì vì các lệnh cấm đạo Ki-tô thỉnh thoảng ban hành, nên công cuộc truyền-giáo cũng không bành trướng được.

Ấy là cuộc gặp gỡ đầu tiên, gặp gỡ ngăn-ngủi giữa một số thương-nhân Âu-châu và các nhà cầm-quyền bản quốc, ở các đô - thị mà thôi, cho nên không có ảnh-hưởng gì sâu rộng trong dân-gian. Và ngoài các súng đại-bác do người Bồ lai tên Jean de la Croix đúc cho chúa Nguyễn ở Phường-dúc (Huế), các thương-nhân Âu-châu ấy không để lại dấu tích gì khiến người Việt - nam chú trọng đến văn - minh của họ. Các Giáo-sĩ tuy hoạt-dộng ở làng mạc cũng như ở đô-thị, tiếp xúc với mọi hạng người, nhưng bấy giờ chánh - quyền và đa số nhân - dân chưa có thiện cảm với họ, nên họ cũng chỉ lo sự giảng dạy về tôn-giáo mà thôi, và người Việt-nam trí-thức cũng chưa màng tìm kiếm ở họ những sở-trường để học hỏi.

Giai - đoạn thứ hai của cuộc tiếp xúc bắt đầu từ thời Chúa Nguyễn - Ánh. Sự tình - cờ của lịch - sử đã khiến Chúa gặp kết thân với Giám - mục Bách - đa - Lộc (1770). Cuộc gặp gỡ thật có nhiều hậu quả cho lịch-sử Việt-nam. Việc hoàng-tử Cảnh sang Pháp cầu viện và hiệp-ước Versailles tuy vô hiệu, nhưng sự giúp đỡ của Giám-mục và của các sĩ-quan Âu-châu mà Giám-mục mộ đến Đường-trong thì thật là đáng kể cho Nguyễn-vương. Giám-

mục đã dịch ra tiếng Việt nhiều sách võ bị Âu-châu cho Ngài xem, đã mua hộ Ngài nhiều tàu và binh-khí Âu-châu còn được dùng ở các triều đại sau ; các sĩ-quan Âu-châu đã thực hiện nhiều công-trình kiến-trúc thành trì theo kiểu Vauban mà di-tích còn lại lâu năm về sau nữa. Nhưng hình như bấy giờ chỉ vua Gia-Long là người đã hiểu biết phần nào giá-trị của văn-minh Tây-phương, còn hoàng-tử Đờm, tức vua Minh-Mạng sau này và phần đông triều-thần đều không có thiện cảm với người Âu-châu mà họ đã sống chung đụng trong một thời-gian. Lên ngôi vua rồi, vì trông thấy người Anh chiếm Ấn-độ, người Bồ chiếm Macao, người I-pha-nho chiếm Phi-luật-tân, vua Minh-Mạng lo ngại một cuộc xâm-lược của người da trắng nên luôn luôn nghi kỵ và càng xa tránh họ.



Cuộc tiếp xúc ở giai-đoạn thứ ba, từ đời Tự-Đức, mới là thật sự, vì phổ cập sâu rộng đến tất cả các tầng lớp nhân-dân Việt-nam. Sau cuộc thất thủ ba tỉnh miền Đông, rồi ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ, toàn dân Việt-nam bị bắt buộc phải nhận sự hiện diện và sự tru-thắng của người Pháp. Từ năm 1862, nghĩa là năm ký hòa-ước nhượng ba tỉnh phía đông Nam-kỳ, trở về sau, Việt-nam liên-tiếp bị thua trận, bị mất đất, mất quyền. Trong tình cảnh nguy nan, đau khổ của nước nhà ấy, ai là những kẻ đã thấy rõ nhược-diểm của mình, ưu-diểm của người, và nghĩ đến sự cải-cách, duy-tân để mong dân-tộc, quốc-gia có ngày theo kịp thiên-hạ ?

Như chúng ta đã biết, ở Việt-nam đời Tự-Đức, cũng như từ trước, việc nước là việc của vua, của quan, dân-chúng không

dự biết đến. Hạng người trí-thức, có tài, đức trong dân-chúng, tức giới sĩ-phu, có dự cũng chỉ trình bày ý-kiến lên những kẻ cầm quyền mà thôi. Mà vua, quan và sĩ-phu bấy giờ thì không hiểu thời-thế thiên hạ, cứ tưởng chỉ nước Tàu mới là nước văn-hiến, việc chánh của vua Nghiêu, vua Thuấn, lấy đức hóa dân, mới là vương-đạo, đáng bắt chước, còn người Âu-châu tuy giỏi về võ-bị nhưng cũng như rợ Hung-nô đời Hán, rợ Đột-quyết đời Đường, rợ Kim, Liêu đời Tống, đều là giống người man-di mà thôi. Họ không thấy rằng nước Thiên-tử Trung-hoa kia và nước Nhật-bản can-dâm họ đều đã bị nhục-nhã, đau đớn vì sức mạnh của tàu, súng Âu-châu, nên Trung-hoa thì từ năm 1842, Nhật-bản từ năm 1854, đều đã phải ký hòa-ước cho người Tây-phương vào thông thương, và hiện cả hai nước ấy đang lao mình vào trường học để thu thập cái khôn, cái khéo của giống người man-di.

Tuy vậy, trong số quan-trường và sĩ-phu ấy, vẫn có mấy người sáng suốt, đã thấy biết chứng bệnh dân-tộc đang mắc phải và phương thuốc cần thiết để điều trị. Để đối phó với tình thế nguy nan nước nhà đang trải qua, họ đã can can đáng lên vua nhiều lá sớ, hoặc gửi Triều - đình nhiều bức thư xin thiết hành những cuộc cải cách, duy - tân, mới mong gỡ rối cho đại cuộc.

Trong quan - trường, hai ông Phan-Thanh-Giản và Phạm-Phú-Thứ là hai vị đại - thần, nhờ mắt thấy cái giàu mạnh và văn-minh Âu-châu tại chỗ, nên có tinh-thần mới-mẻ, tân tiến nhất thời ấy. Ông Phan-Thanh-Giản « mới » cho đến nỗi vua Tự-đức cho ông là « thân Tây », nên khi gặp việc-thương-thuyết khó-khăn với Pháp, vua

đều cử ông chủ-trì. Trong cuộc thương-thuyết và ký kết hòa - ước đầu tiên với Pháp, hòa - ước Nhâm - tuất (1862), ông Phan là Chánh-sứ. Sau đó, về nài người Pháp trả lại tỉnh Vĩnh-long mà họ đã chiếm cứ, vua cũng phái ông vào đấy ở gần người Pháp mà thương-thuyết. Sứ-bộ đi Pháp xin chuộc ba tỉnh phía đông Nam-kỳ, ông cũng được giữ chức Chánh-sứ. Trước khi phái bộ lên đường, vua hỏi ông : « Ta nhất sơ thông sứ để mưu việc chuộc đất, ý quan Pháp thế nào ? » Ông tâu : « Ý họ thế nào, tôi chưa biết rõ, nhưng gấp quá, e chưa tất được ». Vua phán : « ... Thanh-Giản còn không biết rõ hướng hồ người khác ! » Và tuy quý trọng ông, mà trong việc giao-thiệp với Pháp, vua không tận tín ở ông. Xem như khi phái - bộ Bonard-Palanca đến Huế hồ giao hòa-ước Nhâm-tuất, vua ra lệnh các quan tiếp sứ không nên chấp nhận tất cả các điều yêu sách của phái bộ, gắng xin hoãn việc trả binh-phí v.v..., vua lại còn dặn riêng ông Trương-Đăng-Quế, vị lão thần trọng vọng nhất trong triều « đừng nần nghe Thanh-Giản quá » vì vua nghĩ ông này có hảo ý với Tây-phương !

Không chỉ tâu miệng với vua, bàn luận với Triều-thần xin cải-cách như ông Phan-Thanh-Giản, ông Phạm-Phú-Thứ đã nhiều lần dâng sớ, gửi tờ trình, thúc giục phải cải-cách.

Sau khi đi sứ Pháp và Ý-pha-nho về, trông thấy cái nguyên-nhân phú-cường của người Âu-châu, nhìn lại tình-cảnh suy-yếu và những khả-năng của dân, của nước mình, năm Ất-Dậu (1865), ông Phạm dâng sớ đại-ý rằng nước nhà phía đông, phía nam là một dãy hải-cường dài dằng-dặc cần phải bảo-vệ, thế

mà thủy-quân thì không biệ-n-biệt được sóng gió, không biết thuật đi bề v.v..., vậy phải cần lập-trường Thủy-học, dạy thuật hàng-hải; thời buổi này là lúc cần phải giao-thiệp học hỏi cái hay cái giỏi của người, vậy xin khiến học chữ ngoại-quốc cho tiện việc phiên-dịch để rõ tình hình các nước; cần mở mang công-nghệ, khai-thác tài-nguyên, vậy xin khuyến-kích thợ khéo, khai các mỏ trong nước v. v... Trong hai năm Quý-Dậu (1873), Giáp-Tuất (1874), ông lại dâng sớ lên vua và tư trình đình-thần xin gấp chỉnh-dốn lại võ-bị, hậu dưỡnq quan binh, mở toang cửa ra cho các nước vào thông thương, kết thân với các cường quốc để tìm bè bạn, đặt Lãnh-sự ở Hương-cảng để giao-thiệp với các nước ngoài.

Ông Phạm-Phú-Thứ có tình-thần mới mẻ và bấy giờ là một đại-thần hiểu biết việc Tây-phương hơn cả, nên sau khi thương-ước Giáp-Tuất (1874) ký kết, nghĩ ở Bắc-kỳ việc buôn bán mới mở, người ngoại-quốc đến nhóm họp đông, phải có một đại viên để giao-thiệp và xử trí mọi việc, vua Tự-đức phái ông ra giữ chức Tổng-lý Thương-chánh đại-thần. Chính ông đã đặt nền tảng cho sự tổ-chức thương-cảng Hải-phòng.

Bên cạnh hai ông Phan-Thanh-Giản, Phạm-Phú-Thứ, còn ông Trần-Tiền-Thành, cũng là người có tình-thần duy tân và, như sẽ thấy sau đây, giao-thiệp thân mật với hạng người chủ-trương cải-cách như Nguyễn-Trường-Tộ, Nguyễn-Lộ-Trạch mà ông rất tán thành ý-kiến.

Ngoài ra, có mấy quan viên khác cũng có hiểu qua đại thể thiên hạ và biết so với tình cảnh nước nhà. Sử chép :

...« Năm Kỷ-mão (1879) Nguyễn-Hiệp đi sứ Xiêm về, vua hỏi tình thế nước ấy, ông tâu : « Nước Xiêm trước kia có người Bút-tu-kê (Bồ-đào-nha) ở buôn bán nên tình-thế phương Tây cũng đã hơi biết, đến khi người Anh đến cầu thông thương, liền hòa với Anh, nên Anh không gây oán được, vì thế nên không mất đất-đai; rồi Xiêm lại giao hảo với các nước Pháp-lan-tây, Í-dại-lợi, Phồ-lổ-sí, Mỹ-lợi-Liên, Tây-ban-nha, Hòa-lan, Bút-tu-kê, cho họ đặt Lãnh-sự; Lãnh-sự Anh làm đầu, qua lại giao-thiệp, không trở ngại gì mà nước Xiêm vẫn giữ quyền, người ngoài không hiếp chế được. »

Năm Tân-tị (1881) Tu-soạn Phan-Kiểm mật tâu xin : mở thương cuộc, chung vốn lập hội buôn, khai mỏ, học tập tiếng nói và kỹ-nghệ cơ-xảo ngoại quốc.

Cũng năm ấy, Khos-đạo Lê-Đĩnh đi Hương-cảng về, vua hỏi : « có nghe thấy gì lạ không ? Người ta có nói đến việc gì ở nước ta không ? » Ông tâu : « Các nước Thái-tây giàu mạnh, chẳng qua nhờ việc buôn bán và việc binh mà thôi, dùng binh để bảo vệ nghề buôn, dùng nghề buôn để nuôi binh, vậy nên chỉnh-dốn việc thông-thương là việc cần cấp lắm. Gần đây, nước Nhật-bản bắt chước Thái-tây, thông-thương với các nước, Trung-quốc cũng làm theo cách ấy, lần lần cường thịnh. Có kẻ nói sản-vật nước ta nhiều, người thông-minh cũng đông, nếu gắng sức mà làm thì việc giàu mạnh cũng chẳng khó gì, chỉ vì văn thơ phiên quá và khi làm việc gì hay câu-nệ lắm thôi ».

Trong hàng sĩ-phu, có ông Bùi-Viện, người tỉnh Thái-bình, đậu Cử-nhân, dâng sớ xin mở mang việc buôn bán với ngoại-

quốc, Triều-đình sai ông sang Trung-quốc kinh biên việc ấy. Ở Trung-quốc, ông kết-giao với một người Mỹ, người này đưa ông sang Hoa-kỳ. Ông xin yết-kiến được Tổng-thống Hoa-kỳ và xin Hoa-kỳ cứu giúp nước Nam để đối phó với nước Pháp. Tổng-thống bằng lòng trên nguyên-tắc, và đòi phải có quốc-thư. Ông về nước xin quốc-thư, nhưng khi trở qua thì chánh-cuộc Hoa-kỳ đã thay đổi, người ta không muốn tính đến việc nước Nam nữa.

Ông Nguyễn-lộ-Trạch, người tỉnh Thừa-thiên, con quan Tuần-vũ Nguyễn-quốc-Oai và con rể ông Trần-tiền-Thành, học giỏi, đọc nhiều sách tâm-thư của Trung-hoa thuở ấy, nhiễm những tư-tưởng mới, nên không chú-trọng cái học từ chương và không chịu đi thi. Ông và nhạc-gia rất đồng ý về sự cần thiết phải cải-cách duy-tân, và nhờ đọc được ở nhà nhạc-gia những bức thư của ông Nguyễn-trường-Tộ, ông càng phấn khởi thêm. Năm 1877, bảy giờ mới 25 tuổi, ông dâng lên vua bài Thời-vụ-sách. Năm năm sau, ông lại dâng một lá sớ khác. Trong hai văn-kiện ấy, ông đều xin canh - tân nước nhà, lập hạm - đội kiểu mới để phòng thủ mặt bể, khai-thác các tài-nguyên, buôn bán với ngoại-quốc, tổ-chức lại quân-đội, học kỹ-thuật Tây-phương, giao-thiệp với các cường-quốc để tìm bè bạn.

Ngoài ra, trong các tín-đồ Ki-tô-giáo, vì tiếp xúc với các Giáo-sĩ Âu-châu sớm, hoặc nhờ cô đi ngoại - quốc, nên có nhiều người thấy rõ thời - thế hơn. Các ông Nguyễn - Đức - Hậu, Đinh - Văn - Điền, Nguyễn-Trường-Tộ thuộc hạng người ấy.

Ông Nguyễn-Đức-Hậu không để lại văn kiện gì để chúng ta biết rõ ý-kiến của ông.

Ông Đinh-Văn-Điền, người tỉnh Ninh-bình, năm Mậu-thìn (1868), mất tâm các việc : xin lập sở dinh-diễn, khai mỏ vàng, làm tàu hỏa, rước người Thái-tây qua dạy, kết giao với nước Anh, lập nhà thông-thương hàng hóa, bỏ lệ cấm binh-thư, binh-pháp để cho người trong nước tự-do học tập, quân lính thì khiến chuyên tập nghề bắn, bớt làm việc quan và cho thêm lương ăn để chúng duyệt tập cho siêng, khi lâm sự thì thưởng phẩm hàm cho hậu, kẻ tử trận thì con cháu được xét dùng, kẻ bị thương được cấp lương nuôi trọn đời v v...

Nhưng người thức thời và có tầm mắt xa rộng hơn cả trong quan-trường và sĩ-phu thời ấy là ông Nguyễn-Trường-Tộ. Ông người làng Bùi-chu, tỉnh Nghệ-an, thông nho - học. Việc quân Pháp gây sự và bắn 5 chiếc thuyền đồng của ta ở Đà - năng năm Đinh - vị (1847) khiến tâm - hồn ông xúc động, — bấy giờ ông mới 20 tuổi, — nên ông quyết bỏ lối học thi cử để theo học thực dụng, mong có thể giúp ích gì cho nước nhà. Nhờ Giám-mục Gauthier cai quản địa-phận Xá-đoài, dạy cho Pháp-văn, tìm cho đọc những sách Âu-châu dịch ra Hán-văn, lại giúp cho xuất-dương du-lịch Hương-cảng, Tân-gia-ba, nên kiến-thức ông càng mở rộng. Rồi việc quân Pháp và I-pha-nho đánh Đà-năng năm Mậu-Ngọ (1858), tiếp theo là phong-trào giết hại Giáo-sĩ, giáo-đồ, ông phải theo Giám-mục Gauthier sang Hương-cảng, ở đây ông sang Pháp. Sau khi Gia-định thất-thủ, năm 1861, ông về nước, vào làm việc với nhà chức-trách Pháp để, — theo lời ông — tìm cách giúp Triều-đình trong việc thương-thuyết giảng hòa. Bấy giờ ông Nguyễn-Bá-Nghi bỏ vào làm Tổng-thống quân-

vụ đề tiếp tục cuộc kháng-chiến, ông Tô gửi ông một bức thư bàn rằng hòa là hơn chiến. Sau đó, ông lục-tục gửi nhiều thư từ, bài trần tình, bài nghị-luận bàn về việc nước, việc cải-cách duy-tân, cho các ông Phạm-Phú-Thứ, Phan-Thanh-Giản, Trần-Tiền-Thành là ba vị trọng thần mà ông tin là đồng ý-kiến với ông. Trong các văn-kiện ấy, các bài Trần-tình-từ, Thiên-hạ đại-thể luận, Tế-cấp luận, Giáo-môn-luận là tất cả một chương-trình cải-cách, và gồm những ý-kiến rất xác-dáng, thích-hợp với nước Việt-nam thời ấy. Theo ông thì Triều-dinh nên tạm hòa với Pháp để chấn - chỉnh lại việc nước rồi mới mưu lo sự khôi-phục được. Ông cho rằng các dân-tộc mới gặp nhau ắt xung-đột nhau bằng bạo-lực, nhưng sự xung-đột ấy sẽ chấm-dứt nhờ những ảnh-hưởng văn-hóa để rồi tự giải-quyết trong một sự tổng-hợp tốt lành. Vậy người Việt-nam cần phải học người da trắng những gì họ hơn mình, rồi một ngày kia, trí thức phong-phú thêm đủ cả hai mặt Âu, Á, ta sẽ hơn họ dễ dàng. Về kinh-tế, ông trình bày các biện-pháp để làm cho nước giàu có : khai thác các nguồn lợi lâm sản, hải sản, nông sản, mỏ, đánh thuế, xuất cảng sản vật. Về ngoại-giao, ông thấy sự cần thiết giao-thiệp với các cường-quốc Âu-châu để điều hòa thế lực của Pháp.

Các văn-kiện trên đây được các đại thần ấy đem trình lên vua Tự-Đức, vua rất lưu ý, nên sai ông Trần-Tiền-Thành hỏi về thân thế tác-giả và vời vào Huế. Ông Nguyễn-Trường-Tộ chưa kịp vào, vua hỏi ông Trần-Tiền-Thành dùng người công - giáo giúp việc có nguy - hiểm gì không, và sao Nguyễn-Trường-Tộ không chịu đến Huế. Ông Trần-Tiền-Thành phải

nhắc lại lời mời, và tháng 2 năm Tự-Đức 19 (1866), ông Tô vào kinh, được ông Trần - Tiền - Thành, bấy giờ giữ chức Thượng-thư bộ Binh, tiếp đãi trọng hậu, nhiều khi mời ở lại trong tư dinh, cùng nhau thảo luận các đề nghị cải cách của Tô. Nhưng không biết vì sao mấy tuần sau, ông Tô thỉnh lĩnh rời Huế để ra Quảng-bình với Giám-mục Gauthier, đi rồi mới viết thư cho ông Thượng bộ binh biết. Từ Quảng-bình, Giám-mục cùng ông Tô trở lại Xá-đoài là địa-phận cũ của Giám-mục. Nguyên mặc dầu hòa-uớc 1862 cho phép các Giáo-sĩ tự-do đi truyền đạo, vua Tự - Đức có ý giữ chân Giám - mục Gauthier ở lại Quảng-bình. Nay hay tin Giám-mục bỏ đi, vua giận lắm, và giận đến cả ông Tô, ông Thành nữa. Vua quát ông này : « Nguyễn-Trường-Tộ mỗi việc đều làm cho triều-dinh phải nghi ngờ, người không dẹp tan các mối nghi ngờ lại còn làm tăng thêm nữa, không lạ gì đến nay không việc gì xong cả ». Nhưng chẳng bao lâu, Giám-mục và ông Tô lại vào Huế. Hình như vua Tự-Đức đã hiểu biết và tán thành những ý-kiến cải-cách của ông Tô, nên quên giận cũ, vua phái Giám-mục, ông Tô và hai viên qua sang Pháp rước Giáo-sư và kỹ-thuật-gia về để lập một trường dạy học theo kiểu Âu-Tây. Ở Pháp ông Tô có gửi thư về viện Cơ-mật (1867) bàn về một việc khai mỏ mà Triều-dinh đương thương lượng với một công-ti Pháp. Sau đó, ông gửi về Triều-thần một bức thư quan-trọng, gọi là « Tế cấp bát điều » trong đó ông nêu lên 8 khoản cải cách phải thi-hành gấp về chánh-trị, hành-chánh, kinh-tế, văn-hóa và quân-ự.

Nhưng rồi tiếp đó, quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ khiến vua Tự-đức

và Triều-dình rất tức giận, việc nhờ cậy Giáo-sư Pháp và mở trường kia phải bỏ, dư-luận sôi-nổi, các cuộc giết hại giáo-sĩ, giáo-dồ, đốt phá giáo-đường tái diễn ở các tỉnh. Ông Nguyễn-trường-Tộ ở Pháp về, văn-thân và quan chức dâng nhiều bức thư lên Triều-dình xin xử tử ông.

Nhưng hình như vua Tự-đức đã biết chắc thành tâm, thiện-chí của nhà chí-sĩ Bùi-chu nên đã không y lời xin ấy mà còn trọng dụng ông nữa. Ông được cử sung vào sứ-bộ sang Pháp để xin quân Pháp rút ra khỏi ba tỉnh miền Tây họ mới chiếm. Ông liền dâng sớ bày tỏ sự vô ích của cuộc vận-động này. Ông Nguyễn-văn-Tường cũng đồng ý ấy, nên sứ-bộ kia không đi Pháp. Bấy giờ ở các tỉnh, phong-trào bài giáo dương mạnh mẽ, nên vua khiến ông Trần-tiền-Thành chăm nom cho ông Tộ và đưa ông về Xá-đoài cho được an ổn.

Hơn hai năm sau, dư-luận đối với ông đã êm dịu, ông lại dâng thư lên Triều-dình

trình bày mối nguy của những đất đai còn lại, và xin phải thật tình thi-hành cải cách mới bảo-tồn được Trung, Bắc-kỳ. Bấy giờ Triều-dình thì chỉ nuôi một ảo-mộng là tìm cách khôi-phục Nam-kỳ, nhưng ông cho là chưa thể được. Ông xin để ông vào Nam-kỳ sắp đặt một cuộc nổi loạn của dân-chúng để thừa lúc Đệ-nhị Đế-chế Pháp (Napoléon III) sụp đổ — sự sụp đổ ông đoán biết trước — mà mưu việc lớn cho ta. Triều-dình không tán-thành ý ấy. Năm 1870, vua Tự-Đức lại triệu ông vào Huế, phái ông đưa một số học-sinh sang Pháp du học. Nhưng chưa kịp đi, ông đã chết. Rồi những biến-cố xảy ra ở Bắc-kỳ, dồn-dập, khiến vua tôi vua Tự-đức không còn tâm trí và thì giờ nghĩ đến việc cải-cách nữa.

PHAN-KHOANG

Bài sau : *Vì sao các ý-kiến cải-cách không được thực-hành ? Các cuộc duy-tân lật-cật của triều Tự-đức.*

★ Một người càng được thăng chức-vị cao thì sự kiểm-sát của cấp trên đối với người ấy càng được giảm bớt ; bởi vậy lương-tâm của người chỉ-huy càng được thăng chức-vị cao và càng được tự-do thì lại càng cần phải trưởng-đại.

« Tiền tài thứ nghĩa »

Tấn-sử có bài « Tiền-thần-luận » (luận Thần tiền) trong có câu : « *Phàm kim chi nhân, duy tiền nhi dĩ* » (người đời nay chỉ tiền mà thôi). Câu ấy có ý nói thế-lực của đồng tiền rất lớn và đi trước mọi sự. Horace cũng có câu thơ (Epître, I, 1, 54) : « *Virtus post nummos* » (Đạo đức sau tiền tài, hay tiền tài thứ nghĩa) mà ông coi là châm ngôn của người La-mã xưa.

MỘT LÁ THƯ

Anh N.,

Anh thắc mắc về một vụ vừa xảy ra làm sôi nổi dư-luận trong giới hội họa, tôi thấy có ba ý-kiến :

— Ý-kiến của một thần-nhân, Chúa Giêsu :

« Phúc cho những tâm-hồn trong sạch ».
(*Heureux les coeurs purs*).

— Ý-kiến của một thánh-nhân mà lời nói được coi như lời Thiên-Chúa mặc khải, thánh Phaolô :

« Mọi sự đều trong sạch đối với những kẻ trong sạch ».
(*Tout est pur avec les purs.*)

— Ý-kiến của một thế-nhân, vua Edouard III Anh-quốc khi thiết-lập huy-chương « nịt-tất » để si nhục những kẻ cười nhà vua nhặt chiếc nịt-tất của bà bá-tước Salisbury :

« Nhục thay kẻ có tà niệm »!
(*Honni soit qui mal y pense !*)

Liệu ba ý-kiến trên đây đã giải đáp được phần nào thắc-mắc của anh chăng ?

PHẠM-HOÀNG

AI LÀ ANH-HÙNG HÀO-KIỆT ?

★ — ĐOÀN-THÊM

TỪ nhỏ, tôi cũng như nhiều bạn, đã giàu lòng cảm phục những vị siêu-quần xuất-chúng.

Song thiện-ý tuy vẫn nhiều, đối-tượng đã theo thường-tình mà thay đổi như bao sự khác, tùy tuổi, tùy sự biến-chuyển tinh-thần, quan-niệm về cuộc đời và con người.

Khi còn thơ ấu, tôi phục nhất — làm sao tránh được ? — hiệp-sĩ và thần-tiên : Vô-Tòng hay Lý-Quì một mình đánh chết mấy hồ, Phương - Thế - Ngọc 13 tuổi mà phá nổi lôi-dài, Từ-Minh-Cao phi thân lên nóc nhà... Dương-Tiến ba mắt có chó ngao và 72 phép huyền - công, Thái-Thượng Lão-Quân tung thái-cực-đồ dốt cháy trời đất... Rồi còn lục - tục kéo đến nhập bọn, những Hercule bóp chết rắn độc, những Siegfried chém rồng, những D'Artagnan, Lagardère, Zoro với lưới gơm vô-dịch, những kỵ-sĩ chặn bò bắn trúng như Dương - Do - Cơ, những Eddie Polo hay Randolph Scott với quả dấm nên tránh thì hơn...

Tại sao tôi đã phục họ ? Khi tôi ở trung - học, đã có bạn Tâm lớn tuổi giải

thích họ rằng : tại trong tâm-hồn thơ dại của tôi, còn rớt lại những tính-tình hung-bạo của người hốc đá rừng sâu thời thái-cổ, với khát-vọng đập phá, giết hại, đè nén để tranh đoạt quyền-lợi của đồng-loại mà sinh-tồn ; nên tôi hiếu thắng và hoan-nghenh những kẻ mạnh, dù mãnh - lực đó của thân-thể, khí-giới hay bảo-bối... Tôi nghe Tâm, hơi ghê, lo mình có bản-năng man dợ. Nhưng sau biết bạn đã chịu ảnh-hưởng lý-thuyết thiên-diễn của phái Darwin và quá tin luật đào-thải tự-nhiên, nên tôi đã có can - đảm tự xét lại, vì tôi vốn hoài nghi đối với sự lập thuyết một chiều và cứng nhắc.

Tại sao Tâm không nghĩ rằng tôi phục đúng - sĩ kiếm - tiên vì sẵn có thiên-lương ? Có nhiều người cử định bạt sơn hay vào thần ra quỷ như Hạng-Võ, Quận-He, Thông-thiên giáo-chủ và bọn yêu ma đệ-tử của ông, mà tôi rất ghét vì chúng bị liệt vào hạng gian ác. Thực ra, tôi chỉ kính và ưa những hiệp-khách giữa đường gặp sự bất-bình thì tuốt gươm rút súng can thiệp giúp kẻ hèn yếu (redresseur de

torts) hoặc những chân-nhân hiền lành như Vương-Thiên Vương-Ngao...: chính vì thế mà tôi cũng không thích thần tiên Hy-lạp La-mã ở Olympe : tiền gì mà cứ không mặc quần áo tử tế, có khi đeo lá nho, lại rất nhiều nhân-tình vợ lẽ, lồi thối quá.

Dù sao, khi tôi độ 12, 13 tuổi, những người quý mến của tôi đã phải nhường bớt chỗ cho một nhóm mỗi ngày đông hơn : các nhân-vật trong sử, mà tôi đã làm quen dần : Phạm-Ngũ-Lão, Dã-Tượng, Yết-Kiên, Nguyễn - Xí, Bayard, Surcouf, Nelson, Togo... Họ giỏi mà lại có thật mới thích chứ ? Song tôi phục, chẳng những vì các anh-hùng có công với nước, còn giống như người trong truyện : Triệu-Quang-Phục có vuốt rồng làm nô thần ; Phạm-Ngũ-Lão bị đâm vào đùi mà vẫn ngồi đàn sọt ; Bayard một mình chặn đánh lui 200 địch-quân Y-pha-nho ở đầu cầu Garigliano.

Đến khi học lịch-sử nhiều hơn đọc dã-sử, tôi lại chuyển bớt lòng cảm-phục dũng-sĩ, cho những vĩ-nhân, ở bậc cao hơn : phục Trần-Hưng-Đạo hơn là tướng đoạt sáo Chương - Dương và cầm hồ Hàm-Tử ; Triệu-Khuông-Dẫn sáng lập nhà Tống hơn là Nhạc-Phi ; César, Annibal, các đại-đế Alexandre, Louis XIV, Nã-Phá-Luân đệ nhất... Chiến-công cá-nhân đâu có bằng sự-nghiệp oanh-liệt của những vị chỉ-huy thao lược ? Dũng-cảm phải nhường bước cơ mưu. Tôi học nhiều hơn thì coi thường bắp thịt và gươm súng, hiểu và trọng trí-tuệ hơn. Nhưng dù sao tôi vẫn chưa thoát ly được hẳn đường lối phán đoán cũ : vẫn hướng về võ-công và biệt-tài đánh đông dẹp bắc. Phải chăng tôi có tình-thần thượng-võ, nên cứ phục kẻ

chiến-thắng ? Dù anh-hùng chỉ dùng tài gây cảnh máu chảy xương phơi, chớ chẳng phải để bảo vệ đất nước ? Tôi thú thực cũng đã hăm mộ. Nhưng xét kỹ lại, mới rõ tại tôi chịu ảnh-hưởng lâu ngày của một số nhà viết sử, người dạy sử. Các vị chỉ viết và cho hậu-sinh học nhiều nhất về những kẻ đem quân đi đánh người để bá chủ Âu Á, và tôi đã phải nhớ cả về chi-tiết : giá thử tôi không nhớ trận Austerlitz xảy ra ngày 2-12-1805, chắc tôi đã bị rớt kỳ thi văn-dáp nào đó rồi. Trong nhiều bộ sử hay bài mà tôi đã phải học, phần lớn dành cho chiến-trận và nói nhiều về những ai hay đánh nhau hăng nhất. Hơn nữa, lại được các ông nhà văn nhà thơ tán tụng vào, nên càng say mê. Cả quyển Les Châtiments của V. Hugo và bao nhiêu bài thơ nữa của ông này, đã được viết đề ca ngợi Nã-Phá-Luân đệ - nhất cùng những chiến - sĩ của hoàng - đế bằng những lời lẽ hùng - hồn thống - thiết, mà tôi còn văng vẳng bên tai : ... « họ đã đánh thua cả hoàn - cầu, xua đuổi hàng chục vua chúa, vượt qua núi Alpes sông Rhin, và uy-danh họ còn vang dội trong tiếng kèn thép ».

...Ils ont vaincu toute la terre,

Chassé vingt rois, franchi les Alpes et le Rhin,

Et leur âme chantait dans les clairons d'airain !

Rồi lại đến ông Béranger rền rĩ hát : « người ta còn ca tụng lâu ngày dưới những mái nhà tranh, chiến - công oanh - liệt của Ngài, và trong nửa thế-kỷ nữa, người thôn quê chẳng biết kể truyện gì hơn ».

L'on parlera de sa gloire

Sous le chaume bien longtemps ;

L'humble toit dans cinquante ans.

Ne connaîtra plus d'autres histoires...

Cứ như vậy, chẳng có chi lạ nếu đã có ngày tôi tám tác khen Mussolini hò hét trước 100.000 người hoan hô dậy đất, hoặc Hitler râu Nhật dạn gót boots và giơ tay trước 180.000 hùng-binh diễn qua 6 giờ chưa hết. . Những cũng xin tha thứ cho tôi, một kẻ ít tuổi nhẹ dạ, hồi 10 triệu oan-hồn tướng-sĩ trận-vong và lương-dân vô-tội đã bị chôn vùi dưới bom đạn để thỏa mãn một vài cuồng-vọng vinh-quang !

Tôi đã hối tiếc và thâu lại cảm-phục trót phung phí bao lâu để dâng nạp cho những người xứng đáng hơn. Nhưng biết thế nào là xứng đáng, nếu tôi chỉ căn cứ vào sở-thích và ý-niệm riêng mà tôi bắt đầu ngờ vực từ Đại-chiến thứ hai : tôi đã xét lắm nhiều lần rồi.

Song nhận thức được như vậy, có lẽ tôi còn đôi chút thiện-năng. Phải rồi, tại sao tôi không dùng nó làm kim chỉ-nam giúp tôi nhìn nhận rõ ràng con đường sáng với những người đã theo hoặc đương theo ? Chỉ có họ là đáng quý, những vị giúp ích xã-hội nhân-quần, dân-tộc họ và nhân-loại. Và nếu vậy, hà-cổ cứ bị mù quáng vì ánh rực rỡ bất-chính của những tài-năng độc-hại, khi có bao người hỷ xả, hy-sinh, nỗ lực phụng-sự văn-minh, mà tôi đã chẳng buồn biết đến ? Tôi đã đọc lại sử, ngay những quyển mà tôi đã học, để cố tìm ra họ, trong các phạm-vi khoa-học, nghệ-thuật, kinh-tế, văn-chương, triết-học v.v...

Tôi đã không ngần ngại hạ bệ những Thành-cát Tư-hân hay Philippe de Macédoine, những Napoléon và những César, để đặt lên thay, những anh-hùng khai quốc như Washington, cứu-quốc như Trần-

Hung-Đạo hay Winston Churchill, kiến-quốc như Lê-Thánh-Tôn hay Cavour... Tôi trọng những vị làm phước cho người đời, như Pasteur hay Fleming, những họa-sĩ, bác-học, kỹ-thuật-gia, tu-sĩ v.v... bất cứ ở ngành hoạt-dộng nào có thể làm cho đời sống con người đầy đủ tốt đẹp hơn, trong hòa-bình và tự-do. Chẳng biết như thế tôi đã dấn-chủ-hóa tinh-thần tôi chưa ? Chỉ biết trong sự sửa chữa lầm lẫn, tôi đã quanh co mãi, mới hướng nội mình trở lại sự cao quý quan-trọng nhất mà hồi ít tuổi tôi đã chẳng muốn nghĩ tới, vì sợ khắc khổ nên khó ưa : đạo-đức ; đạo-đức mà bao lâu tôi coi như chuyện suông, không hấp dẫn bằng kiếm-hiệp Sơn-Đông, chiến-thắng Pharsale, hoặc cảnh tung hô vạn-tuế trước rừng lữ-lê Wagram.

Sau khi nghĩ ra như vậy, tôi vẫn thấy chưa hài lòng, nghĩa là chưa tự tín hẳn lần này đã đi tới ý-niệm vững chắc chưa ?

Một hôm, ngẫu nhiên trông bạn đánh cờ « Thăng quan », tôi chợt đề mắt tới ba chữ trong một ô : Đức, Tài, Công. Nghĩa là Đức đứng hàng đầu trên thang giá-trị tinh-thần, rồi mới đến Tài : có lẽ người xếp như thế, cũng đã vô-tình đồng ý với tôi.

Trong mấy chục năm, tôi hằng coi Tài là trọng nhất, nay quý Đức hơn thì phải rồi, vì Tài có khi gieo tai giáng họa. Nhưng có phải vì thế mà tôi hết phục Tài không ?

Chẳng thế nào. Vì nhân-loại cần tiến, nhất là quốc-gia đương cần phú-cường, cá-nhân có quyền theo đuổi hạnh-phúc, thì Tài vẫn cần. Và lại, nhạc-sĩ giỏi, quân-nhân dũng-cảm, nhà văn viết tiểu-thuyết ly-kỳ, kỹ-sư chế tạo ra máy móc tuyệt-xảo... vẫn có sức quyến rũ khó cưỡng...

Họ vẫn đáng phục vì ít ra họ tỏ được cho tôi thấy khả-năng con người, hoặc con người Việt-Nam, lên tới trình-độ nào, họ đem biệt-tài đền bù cho sự thiếu kém của tôi, họ đạt họ tôi đến những mức cao đẹp mà tôi không với tới tuy hằng ước vọng, họ khuyến-khích tôi tin tưởng hơn vào sự tiến-hóa của giống nòi cũng như của loài người. Cũng vì thế, ở điểm này, tôi không đồng ý với những ai quá nhiều mặc-cảm hay tự-ái, như Schlesinger đã nói, đề quả quyết rằng : chúng ta chẳng muốn thấy siêu-nhân, ta không tha thứ cho họ vì họ khiến ta cảm thấy sự thấp hèn của ta (1).

Ngoài ra, tôi thấy phải cố tránh một thói thiên-lệch : xưa kia tôi ưa thích sự gì, thì chỉ phục những người có tài về sự đó. Như khi ước ao vật ngã được tất cả các bạn nhỏ, tôi chỉ coi võ-sĩ là giỏi nhất trên thế-gian ; tôi đã tôn nhiều đại-văn-hào lên bậc thánh khi say mê vài loại văn ; song tôi cứ dừng đứng nếu ai nói đến nhà điêu-khắc trứ-danh, thương-gia triệu-phú, hay đại-doanh-nghiệp có hàng trăm chiếc tàu v.v.. Tôi đã quá bất-công đối với những người đó, mãi mới nhớ lời cò-nhân : « nhân-tài như bách hoa », hoa nào chẳng có vẻ đẹp riêng nếu ta chịu ngắm kỹ, tài nào chẳng đáng được chú ý nếu ta chịu tìm hiểu ? Một quân-đốc kỹ-nghệ lớn, một người hai bàn tay trắng gây nổi cơ - nghiệp đồ - sộ, cũng phải có thông - minh, sáng - kiến, khả - năng tổ - chức, điều động, kiểm soát và nghị-lực tranh - đấu... như một võ - tướng

giỏi : tôi không còn ngạc-nhiên tự hỏi vì sao nhiều công-ty khổng-lồ ở Mỹ lại muốn những cựu tư-lệnh lục-quân hay hải-quân làm quản-lý.

★

Đề đo lường sự thay đổi quan-niệm về những vị xuất-chúng, tôi có đọc lại Nam-Hải Di-Nhân của cụ Phan-Kế-Bính, mà tôi đã được xem nhiều lượt khi ở tiểu-học. (2)

Khi đó, tôi được hấp dẫn vào giữa giới khác thường của các đại anh-kiệt, mãnh-tướng, danh-thần v.v... đề cảm phục và thấy hào-hứng : Lê-Thái-Tổ, Quang-Trung, Phạm-Đình-Trọng, Đinh-Văn-Tả, Chu-Văn-An, Tô-Hiến-Thành... Tôi đã mừng rằng nước ta chẳng thiếu những người khỏe như Hạng-Vô, hay có phép lạ như ở Phong-Thần : Lê-Phụng-Hiêu nhổ bật cây to, Phạm-Tử-Nghi cầm gậy bạt phẳng đường đê, Từ-Đạo-Hạnh tàng hình trả thù cho cha,... Tôi đã cười ở bụng khi thấy Lê-Nhu-Hồ ăn hết nồi 20 com, 2 con lợn và 4 mâm cỗ ; con chó đá vẫy đuôi mừng Lương-Thế-Vinh ; Vũ-Công-Duyệt ngồi xếp tròn dưới đáy biển ; Mạc-Đĩnh-Chi có tướng lạ đến nỗi tôi không thể nói ra đây...

Ngày nay, tôi rất thắc mắc : tại sao anh-hùng cứu-quốc như Vĩnh-Bắc đại-nguyên-súy nhà Trần, mà bị xếp cùng với ông

(2) Nam-Hải Di-Nhân liệt-truyện do Phan-Kế-Bính soạn từ 1912, Đông-Kinh Ấn-quân Hà-nội xuất-bản, hiệu chính và in nhiều lần. Sách được ghi vào chương-trình thi Tú-Tài (ouvrage inscrit au programme du Baccalauréat và kê lại truyện 7 đại anh-kiệt, 9 danh-thần, 4 danh-hiến, 8 danh-nho, 9 mãnh-tướng, 8 thần, 6 tiên, 4 danh-nhân khác, tất cả 55 vị.

(1) « Les grands révalent aux petits leur taille, et ce qui se pardonne malaisément (A. M. Schlesinger — Le Déclin de la grandeur — Informations et Documents 15-7-56)

Tà Áo, thầy địa-lý tìm đất cắm huyệt ? Thiếu-nhi, như các con nhỏ tôi, khi đọc chẳng khỏi cảm phục lộn xộn, xáo trộn vĩ-nhân của đất nước với những người chỉ có giá-trị đối với ai tin việc huyền-ảo ?

Tôi chẳng trách tác-giả, vì cụ chỉ thuật lại những « tục truyền » phản chiếu sự mê-tín của người xưa, nhất là khi chánh-quyền cũng còn khuyến khích sự tôn thờ cá-nhân bằng cách phong sắc : hầu hết các vị có tên trong sách, đều được lịch - triều truy tặng Thượng-Đẳng Phúc-thần.

Song tôi không khỏi tiếc rằng hào-kiệt trong lịch-sử, vĩ-nhân đã biến thành « dị-nhân » : Đinh - Bộ - Lĩnh cưới rồng qua sông, Chu-Văn-An dạy con vua Thủy-Tế, Lý-Thái-Tổ phạt đánh đề Long-thần báo mộng phần nần với sư cụ, nhiều vị sinh ra có hào - quang chiếu rọi... Với sự thần-thánh - hóa đó, lạ gì Trần-Hưng-Đạo đã bị bao người gán cho nhiệm - vụ trừ tà ?

Phần lớn làm nên sự-nghiệp, vì... được đất ? nếu chỉ nhờ ngôi mộ tốt được táng nơi kết phát mà thành Vạn-thắng-vương, Bình-dinh-vương, hay Mạc-Đĩnh-Chi, Lê-Quý-Đôn,... chớ không phải có đức-tính cao cả hay tài-bộ đặc-biệt, nỗ-lực hy-sinh gì, chẳng hóa ra giá-trị vô-song của các vị đó đã bị vô-tình hạ thấp ?

Buồn hơn nữa : Đoàn - Thượng, bị chém đứt đầu chưa chết, được phụng thờ, mà chỉ phù hộ cho lái buôn chum khi có lễ đem khăn, nếu không thì đánh đắm thuyền của người ta : có lẽ nào ? và nếu quả như vậy, sao có thể cùng chung sử sách với Lý - Thương - Kiệt hay Tô - Hiến-Thành ?

Cho nên, tôi thiết nghĩ cần có sự phân biệt và xếp đặt lại, loại bỏ không những các truyện thần-tiên đề trả về dã-sử, mà cả những đoạn huyền-hoặc trong đời anh - hùng hào - kiệt của lịch-sử (1).

Và muốn cho hậu-sinh dễ cảm phục mà noi gương, thì cần có những chi - tiết gì chứng tỏ tính-tình, tư-tưởng, đức-độ, công-nghiệp, như đối với vĩ-nhân phương tây : một việc chẳng dễ dàng, vì tài-liệu còn thiếu nhiều, song cũng đáng được các sử-gia chú trọng.

Sau hết, tôi ước mong rằng, nếu có cuốn sách mới về danh - nhân, thì một số khá đông nữa sẽ có mặt, những người mà tài trí đi đôi với đức, có công-trạng gì lớn đối với dân-tộc, nhưng bất-cứ ở phạm-vi hoạt-động nào : chẳng lẽ chỉ có 55 vị, theo cụ Phan - Kế - Bính và 34, theo ông Hoàng-Tâm ? có Đào-Duy-Từ mà thiếu Nguyễn-Công-Trứ, có Hoàng-Diệu sao vắng Phan-Thanh-Giản ? Và trong đời sống một dân-tộc, đâu phải chỉ có chánh-trị quân-sự ? sinh-hoạt văn-hóa kinh-tế xã-hội cũng rất cần được phát-triển, và những ai đã lập công lớn ở các lãnh - vực đó, tất phải có tài đức khiến cho chúng ta cảm phục.

Đ. T.

(1) Có cuốn Nam-Hải Dị-Nhân mới của ông, Hoàng-Tâm xuất-bản năm 1950 tại Hà-nội. Tác-giả cũng đã có sáng-kiến bỏ các thần-tiên, song vẫn giữ nguyên những sự quái-dị hoang-đường trong đời các vị còn lại.

THUẦN-PHONG

VỀ hay là

PHÚ BÌNH-DÂN

L. T. S. San bài Về của Ông Nguyễn-Văn-Hầu trên Bách-Khoa số 69, ngày 15-11-1959, Ông Thuần-Phong, một bạn văn quen thuộc, có gửi tiếp đến cho chúng tôi bài sau đây, để giúp bạn đọc Bách-Khoa thêm một số tài liệu về loại « phú bình-dân » này.

(tiếp theo Bách-Khoa số 70)

Tánh - cách chung của về là vô cùng biến-hoán, biến-hoán từ đề-tài đến thể-tài. Có khi về đặt với một giọng văn trang-nghiêm như một bài học đạo-đức :

Có câu rằng :

« Ngôn đa ngữ thất giai nhưn tửu,

Nghĩa đoạn thân sơ chỉ ọj tiền ».

Nghĩ trong bực thất hiền,

Nghĩ trong đời Ngũ-Bá,

Nghĩ trong đời Tây-Hạ,

Nghĩ trong lúc đông-thiên,

Nghĩ mấy bực đạt-hiền,

Nghĩ mấy trang thư-sĩ,

Cũng vì rượu mà mất thành mất lũy,

Cũng vì rượu mà hư cửa hại nhà,

Bực hiền-hầu còn vậy huống chi ta,

Sao chẳng xét cứ chăm-hăm đeo-dưới
mắt ?

Trung-tiên-tiểu là ông Lý-Thất,

Quá chén rồi còn mửa xuống, mửa lên !

Lại-bộ-quan Tắt-Trát một tên,

Nhậu cho cụp rồi ngã qua ngã tại !

Việc thấy quả dám dẫu nói sai,

Thương thân người khác thế thương
thân

Lúc chưa say ta phải nói lần,

Người như vậy huống ta sao khỏi vậy ?

Chuyện đương-kim ngó thấy,

Sự thương-cô bỏ qua,

Sờ sờ trước mặt ta,

Rành rành sau lưng họ

Say rồi mặt tăng-hăng lộ-hồ,

Say rồi lưng-dũng lộ-dờ ;

Việc một chút bấy giờ,

Nỗi ba ngày chưa dứt,
 Say mắng vợ la con rất ức,
 Say làm ngang nói giữa mịch lòng.
 Rút lắt-lầm phạt hết tiền trăm,
 Hay ăn uống trở dư bạc chục.
 Có phải : nghèo vợ cực con mấy lúc,
 Hư nhà hại cửa mấy lần ?
 Có thân sao chẳng biết lập thân ?
 Nếu như vậy có thân thì cũng uổng !
 Chỉ cho bằng : nhơn nghĩa lòng hay yêu
 chuộng,
 Giữ gìn cho vẹn thủy-chung,
 Cái việc say nói chẳng hay cùng,
 Rượu là lẽ ai mà chẳng uống ?
 Nhưng mà : « Thiếu ăm trắng thần tu
 giải muộn,
 Vật quá đa, tồn mạng hữu phi ngôn ».
 Trong đời kẻ dại người khôn,
 Kẻ dại, người khôn, cũng một phần
 trong thế-giới.
 (Ngũ canh ngữ, trích)

Nếu không luôn luôn giảng đạo với một
 giọng oai-nghe đạo mạo, thì bài về thường
 nói với một vẻ chất-phác, thành-thật, hiền-
 lành, trong những trường-hợp trần-tình
 sự-sự, như bài :

Năm canh điếm-mục ca
 Ngột buồn lấy viết cùng nghiên
 Đặt thơ năm dô (1) người hiền xem qua,
 Kể từ có giặc Lang-sa,
 Muốn dân thiên-hạ nhà nhà đảo-diên,
 Dân-nhà ai nấy tru-phiền,
 Sửa cáo thuế năng quan truyền vô đây.
 Ngày thì bới lộ đồng tây,
 Tối thì ra dò, roi dây hắt hời.

Vợ ôi ! Nhà cửa mấy coi,
 Đặng tao ra dò, làng đời làm chi.
 Vai mang chiếu gối ra đi,
 Người trong thủy-thò luận gì lao-đao,
 Xảy nghe có lệnh Thầy (2) rao :
 « Canh giờ nghiêm nhặt kẻ tao đánh đòn ».
 Canh thì phải giữ vuông tròn,
 Thằng nào đủ thiếu bắt dân đi đòn.
 . . . (thiếu ?) . . .
 Canh bà thì phải đi tuôn,
 Đường quanh nẻo tắt ngõ chừng cho mạnh,
 Làm người bất tất tham sanh,
 Hễ vô hủ từ mới thành tội ngay,
 Phút đoạn câu Phó (3) mới hay,
 Rao cho dân-sự ngày rày nghiêm-trang,
 Roi dây, đuốc dể sẵn-sàng,
 Cứ lấy Thầy dạy mà troàp (truyền) cho dân,
 Cai lân (4) thì phải ăn cần,
 Thằng nào ngũ gục thì đòn lên lưng !
 . . . (thiếu ?) . . .
 Thượng-hành hạ-hiệu phải noi,
 Cầm roi đánh nó hắt hời chẳng tha.
 Đứa nào trốn tránh ở nhà,
 Không ra ngoài dò người ta canh giờ ?
 — Thừa cậu tôi chẳng dám mơ,
 Đi bán về tốt mắc chờ nấu cơm.
 Tôi nghe cậu dạy hồi hôm :
 Xảy nghe điếm-mục thì hôm ta đi.
 Cũng vì gia-thất bản nguy,
 Nên tôi trễ-nối, Cậu thì tha tôi !

(1) Dô : trạm canh trong làng ngày xưa.

(2) Thầy : chỉ Thầy Cai-lăng.

(3) Phó : chỉ Phó-lăng.

(4) Cai lân : chức việc hạ-cấp trong làng, có
 phận-sự trong phạm-vi một xóm.

Cậu Phó nghe nói thương ôi :
 — Một phen tao thứ, hai thời không tha.
 Chớ nào ắp-trường đành ta !
 Cơi rày con cúi nạp đã đủ chưa ?
 Ắp-trường đứng dậy bèn thưa :
 — Giấy còn chủ-biện, tôi chưa biết gì,
 Chặt-vật thì phải ra đi,
 Phần hờ phải cắt năm người ra canh.
 Kẻo mà gian-giảo chẳng lành,
 Lén vào làng xóm, tội đành chẳng tha
 (thiếu ?)
 Canh thì ngó Bắc xem Đông,
 Nam, Tây cũng vậy, chẳng không đâu là.
 Mãn phiên mới dặng đi ra,
 Nào ai có dặng ở nhà một đêm ?
 Quản bao hai nổi cứng mềm,
 Chừng nào tới chết mới êm thân này.
 Ôi thôi ! Còn sống lại đây,
 Ất là ra đó ngày rày bá niên !

Hay như bài :

Về Lái Rời

Tai vãng nghe vàm Thượng,
 Rằng bán châu bộ lưu-lai,
 Ghe cá ta mượn bạn các trai.
 Lên các sở chở chơi ngang ngửa.
 Tai vãng nghe giồng Thượng,
 Rằng tốt bồi đầy tho,
 Khò từ ông Bình trở vô,
 Chở nửa chiếc hai phần trở lại,
 Bụng còn át-ngại,
 Trời mỗi bữa mỗi giông,
 Chờ lạng trời ta hỡi dặt xông,
 Một con nước xuôi ra Cồ-Hủ.
 Các lái ta đã đủ,

Măng có phước làm sao,
 Nước lớn bạn xếp đông-đao,
 Ngủ một giấc mai rời cho sớm,
 Cả ta nay khỏe lắm,
 Được vài xóc mà thôi,
 Đề đòi trâu đòi gạo đòi voi,
 Ăn cơm nước xuống vàm Đất-Sét.
 Phút đâu trời đương găm hết,
 Anh em ta túi-búi từng-bưng,
 Anh em ta rần sức đồng lòng,
 Bỏ mái cuốc xuống vàm Bè-Cạn,
 Khoan khoan mái cuốc,
 Cuốc chớ ền lưng,
 Trong vàm nước chảy cầm chường,
 Khuyên anh thúc vào mẹt bạn,
 Mới truyền chúng bạn,
 Kiểm chỗ cạn xuống sào,
 Bây giờ biết liệu làm sao ?
 Trời một ngày một tối,
 Cơm ăn thời hối,
 Xẻ muối mắm kéo sinh,
 Xuống Cầu-Sơn bạn khá làm thịnh.
 Rời ra đón cá ta khỏe lắm,
 Vợ mới kêu trên nhà mua mắm.
 Đặng bán bớt vại thùng,
 Kéo bữa rày mưa gió dưng dưng,
 Ướt-át lắm bạn nằm không dặng,
 Làm quên một bữa,
 Ghé lại ngàn ngày,
 Ứng thỉnh lên kêu vợ : bỏ mầy !
 Mau lấy xóc xúc lên cho chị,
 Bây giờ mới nghĩ,
 Nước sớm sớm mai,
 Ngược rông xuôi thẳng Ba-Rài,
 Nước lớn tuốt vô Xê-Quản,

Bây giờ rán rán,
 Trong bụng bớt lo,
 Kinh Rach-Chanh khác thề Lấp-vò,
 Kinh Giồng-củ đường như Giồng-Đá,
 Đất có thiên có hạ,
 Mà thu quân vôi-vữa làm chi,
 Bến-Lức này khác thề Kinh-kì,
 Một con nước thì ra tới vịnh,
 Bây giờ định tính,
 Mặc sức (lái bạn) ăn chơi,
 Lát ngồi dựa có nơi,
 Bạn ngồi có chỗ.

Đến chừng công - kích người hèn thói
 tệ, bài về đời lấy một giọng hài-hước
 cay chua :

Quê ngụ tại phương Đông,
 Tên tôi là Ba Kẹo,
 Giàu có lúa muôn tiền vạ,
 Góp từ bạc các xu con ;
 Mắm năm xưa khéo để nay còn,
 Trà năm ngoái phơi phong cất kín ;
 Những mắng lo cần lo kiệm,
 Không hề dám mặc dám ăn ;
 Đội trời đầu chẳng đội khăn,
 Đạp đất chơn không đạp dép.
 Áo vải rách, mình tra là đẹp,
 Quần ống chơn miễn dặng che thân,
 Mặc lính mấy kẻ ở gần
 Giùm miệng chê ta rằng bần.
 Muốn cho khỏi bề hao tổn,
 Khách vào ta núp trong buồng ;
 Nói chuyện ắt thất công (công),
 Lại thêm hao trà nước.
 Chẳng dãi ai vãi hơi thuốc,

Không cho ai nửa cạnh trâu,
 Mấy đời mua rượu một bầu,
 Mấy thuở đi xe một cắc.
 Năm nay thất-ngặt,
 Thiên-hạ khốn cùng,
 Thừa cơ bán lúa mất hung,
 Góp bạc chôn cho đầy lỗ.
 Dân-sự hằng kêu-rêu mỗ :
 Gìn lòng hai chữ Thiên Trường !
 (Về rít chưa N.-Công-Kẹo, trích,
 của Đặng-Văn-Chiều ?)

Tánh-cách căn-bản và phổ-biến hơn hết
 của về là vui vẻ, vui vẻ rất hồn-nhiên,
 phản ảnh được tinh-thần lạc-quan của dân-
 tộc, mà ông Địa là một tượng-trưng :

Trà ô-long hai gói,
 Trà liên-lữ hai ve,
 Tánh Địa hay uống trà,
 Đem theo bình tích.
 Muốn ăn cháo lịch,
 Nhấn nhục, nhấn bao,
 Đường cát bồ lao,
 Đi ra mạnh cẳng.
 Dù lục-soạn một cây che nắng,
 Thuốc giấy xanh tám bịch cho nguyên.
 Cho Địa năm tiền
 Đề Địa đi đánh lú,
 Hai chục bánh ú
 Đề Địa dự phòng,
 Đến cơn đói lòng
 Đem ra Địa thực !
 Hai cân khô mực,
 Bốn lượng củ hành,
 Hai cân đậu xanh,
 Đề dành nấu cháo.

VỀ HAY LÀ PHÚ BÌNH-DÂN

Rượu chưng bầu rót ra tám nhạo,
Bốn lớp bột sam,
Hai chục bánh cam,
Đề đem tráng miệng.
Giày cườm thêu kim-tuyến,
Sắm cho Địa một đôi,
Sắm ống sấm nôi,
Đặng cho Địa hút !

(Về ông Địa, trích)

Với tánh lạc - quan, bình - dân ta có sa
vào cảnh-ngộ khất-khe, cũng rần mà cười
cho qua ngày đoạn tháng :

Về ở tù

Chiều chiều vào khám,
Như công chúa vào lầu.
Mặc áo không bầu,
Như mình mang thiết giáp.
Thầy chú đánh đập,
Như thí võ tràng an.
Quần áo lang thang,
Như mình mang giáp lụi.
Tuồng bờ lướt bụi,
Như Khương-Thượng khán binh.
Lặn lội dưới sinh,
Như Huất-Trì tắm ngựa.
Mười giờ vào cửa,
Như nhu sĩ nhập tràng.
Cơm dọn hai hàng,
Như làng ăn Trùng-cửu.
Ăn rồi lại ngủ,
Như Lưu-Bị viếng Khổng-Minh.
Trống đánh ình ình,
Như La-Thông tảo Bắc.
Mưa sa ướt mặt,

Như tưới nước cam lồ.
Áo ướt mặc vô,
Như Hoàng-cô tắm gội.
Gấm mình có tội,
Như Phật-Tồ mặc nài.
Còng sắt hai hàng,
Như Lê-Huê đeo kiềng cẳng.
Gấm mình tội nặng,
Như đức Hoàng-đế đi tu.
Bị nhốt trong tù,
Như Hồng-Hài ngồi động.
Ra đi lỏng lẻo,
Như Hoàng-Phi-Hồ tấn binh.
Dắt lên trình giấy (?)
Như ứng thí khoa tràng.
Đứng đẹp hai hàng,
Như bá quan châu ngọc các.
Ra đi thẩn thoát,
Như cỡi ngựa Long-cu.
Ra khỏi khám tù,
Như hạt châu thiên kiềng.
Gặp anh em nói chuyện,
Như Đốc-tướng dừng binh.
Kể hết chuyện mình,
Như Kiều ngâm hết cuốn.

Ở hạng trẻ con từ tuổi mẫu-giáo đến
tuổi lớp tư, lớp ba, tánh-cách vui-vẻ mới
là hoàn-toàn và tràn-trề :

Con ếch đi tu,
Nó vô trong chùa,
Nó kêu quệt quệt,
Chú chệc bán dầu
Đi ngang đầu cầu,
Chú té chú chết !

Vợ chú ở nhà

Bắt vịt làm chay !

(Về con ếch đi tu)

Con gà cục-tác,

Mỏ nhác cầm chèo,

Con mèo cầm lái,

Con nhái chạy bươm,

Con tôm tát nước,

Con diệc đòi ăn,

Thần-lăn đánh mõ,

Con thỏ đội mâm,

Con trâu đi tế,

Con dế đi hầu,

Con trâu đi kiện,

Ông huyện xử huê !

(Về con gà cục-tác)

Những bài về dẫn lại trên đây chứng tỏ rằng đề-tài của vè rất là biến-hoán ; như thể nghĩa là vè có một nội-dung phong-phú. Thật vậy, từ một câu vè ngây-ngô ở cửa miệng trẻ con, qua những bài gắt-gao châm-biếm, đến những câu thần-chú nhiệm-mầu, bài vè diễn-tả đầy-đủ các nếp sống vật-chất và tinh-thần của dân-tộc. Muốn phân vè thành loại, e cho tham-vọng ta sẽ không được thỏa-tình. Tuy nhiên, nếu vừa lòng với đại-lược, người ta có thể sắp vè thành mấy loại lớn sau đây :

1. — Về nhi-đồng, thí-dụ : câu thiệu đánh thẻ, về các thứ rau ;

2. — Về phong-tục, thí-dụ về Ông Địa ;

3. — Về nghề-nghiệp, thí-dụ : về Lái rôi, về đánh chèo ;

4. — Về thời-sự (lịch-sử), thí-dụ : về Khâm-sai, Năm canh điền-mục ca.

Đó là thứ phân loại về theo đề-tài ; còn muốn phân loại theo thể-tài, người ta phải căn-cứ vào những yếu-tố kỹ-thuật, tức là niêm-luật của vè.

Nói đến thể-tài của vè, là đề-cập đến một tánh cách biến-hoán khác. Chúng tôi đã nói ở trên rằng : vè biến-hoán từ đề-tài đến thể-tài, và chúng tôi đã xét qua phần nội-dung biến đổi không ngừng của vè. Bây giờ chúng ta cần xét phần thể-thức của vè để chứng-minh tánh-cách biến-hoán khác của thể văn bình-dân truyền-khẩu ấy.

Trong những bài vè đơn-cử bên trên, chúng ta đủ nhận thấy không bài nào giống bài nào, trong thể-tài ; chúng ta nhận thấy mỗi bài có một thể-thức riêng biệt ; chúng ta còn nhận thấy trong một bài, thể văn thay đổi từ câu này sang câu kia ; điều đặc biệt nữa là những yếu-tố : nhịp, thanh, vần, đối, cũng áp-dụng một cách biến-hoán, linh-động, không máy móc và không cố-định như trong thể thơ Đường-luật lục-bát hay song-thất lục-bát. Với bề ngoài biến đổi vô cùng vô tận như thế, thể văn vè hình như là một thể văn văn tự-do, không khép mình vào một niêm-luật nào cả, dầu là niêm-luật của thi-thơ Việt-nam, hay của văn-chương bình-dân. Nhưng thật ra, xét trong chi-tiết, chúng ta nhận thấy rằng, trong lòng bài vè, nếu chương-pháp có thay đổi, và thay đổi không cần dựa vào một định-luật nào, thay đổi một cách tự-do một cách phóng-túng, trái lại cú-pháp thường thường không thay đổi, cứ giữ niêm-luật của từng câu theo mỗi thể văn áp-dụng trong bài vè.

Bài vè gái hư ở trên hiển cho chúng ta một vài thí-dụ rõ-rệt về phương-diện chương-pháp và cú-pháp.

Về chương-pháp, trong bài này, phần đầu thể văn *lục-bát* được áp-dụng một cách đứng-dẫn, trừ phi câu thứ nhì có biến-thể. Phần thứ nhì tiếp sau thì đặt theo thể *tứ-tự* :

- 1) Làm bộ / lú lửng
T B
- 2) Bánh bò / bánh thuẫn
B T (vần)
- 3) Làm không / mí mưng
B T (vần)
- 4) Lốp trục / lốp đen
T B

Câu nối theo :

Lúa gạo đồ / lèo-thào / lợt-thợt,
T B T

là một câu thất-ngôn phú, loại thất-ngôn áp-dụng trong cặp thơ song-thất của thể thơ song - thất lục - bát và trong thể phú, vần-tế.

Câu kế đó :

Trong bếp / gà bươi // té bẹ / tanh bành
T B T B
(một câu tứ-tự) (một câu tứ-tự)

là hai vế tứ - tự ghép lại thành một câu bát-tự.

Đến câu :

Chị em / than thở / lại ngừng quần
B T B

là một câu thất-ngôn Đường-luật đúng theo luật âm-thanh.

Như thế, trong nội - bộ toàn bài về, chương-pháp vẫn thay đổi từ thể thơ lục-

bát chánh - thức đến các thể tứ - tự, thất-ngôn phú, thất - ngôn Đường - luật ; mà trong nội - bộ từng câu một, nghĩa là về phương-diện cú-pháp, thì câu nào vẫn giữ đúng thể văn của câu đó.

Sau khi phân - tách những yếu - tố kỹ-thuật trong bài về trên đây, và biết rằng sự biến-hoán kỹ-thuật trong loại về đầu cho phức - tạp song tựu - trung không ra ngoài các thể văn văn ta biết, chúng ta có thể phân về ra hai loại về thể - tài : một loại thể-tài thuần-nhưt một loại thể-tài tạp-thể.

Loại về có thể - tài thuần - nhưt gồm những bài về đặt thuần một thể văn vần nhưt-dịch, hoặc là 2 tiếng, hoặc là 3 tiếng, như bài về đánh thẻ, hoặc 4 tiếng (tứ-tự) như bài về các thứ rau, hoặc là lục - bát, như bài Năm canh diêm mực ca, hoặc 7 tiếng, tức là thất - ngôn phú, như bài về con cua (trừ hai câu đầu là thuộc thể tứ-tự).

Loại về tạp-thể gồm những bài về có thể-tài bất-nhưt, trong mỗi bài có thể áp-dụng hai, ba, bốn thể văn vần khác nhau, như những bài về Ông Địa, về Rít chúa N. Công-Kẹo, Ngũ canh từ v.v...

Đến đây thiết tưởng có thể dẫn lại một đoạn khảo về hai thể về này mà chúng tôi đã viết trong sách Giảng - Văn Đề-Tam (1) : « Trong văn-học bình-dân, bên cạnh tục-ngữ và ca-dao, loại văn phổ-biến nhưt và có hiệu-lực nhưt, là loại phú, mà bình-dân gọi là về.

« Nói là về, tựu - trung có ba loại : một loại thuộc về thể văn giản-dị nhưt, mỗi câu gồm từ 2, 3 đến 4 tiếng ; một loại tiến - bộ hơn, có về bác - học hơn

mỗi câu gồm 7 tiếng đến 8, 9, 10 tiếng ; một loại hỗn-hợp, mỗi câu gồm từ 3, 4, 5, đến 6, 7, 8, 9, 10 tiếng. Hai loại sau này thuộc về thể phú, tuy rằng bình-dân gọi là *về* ».

Thiết tưởng cũng nên thêm rằng : đầu mỗi câu 2 tiếng, đầu mỗi câu 3 tiếng, đầu mỗi câu 4, 5, 6 hay 7 tiếng, hễ một bài về gồm thuần một thể văn thì bài về đó thuộc về thể về thuần-nhứt ; còn bài nào có hai hay là nhiều thể thơ hỗn-hợp thì thuộc về thể về tạp-thể.

Kinh nghiệm cho thấy rằng, ở phương-diện nhi-dồng, thuộc phạm-vi nhà trường, lớp mẫu-giáo, thể về 2 tiếng và 4 tiếng là đặc-thể hơn hết, vì hai thể này đã vui vẻ mà lại dễ nhớ. Còn thể về tạp-thể thì luôn luôn đặc-dụng trong đời sống xã-hội, một

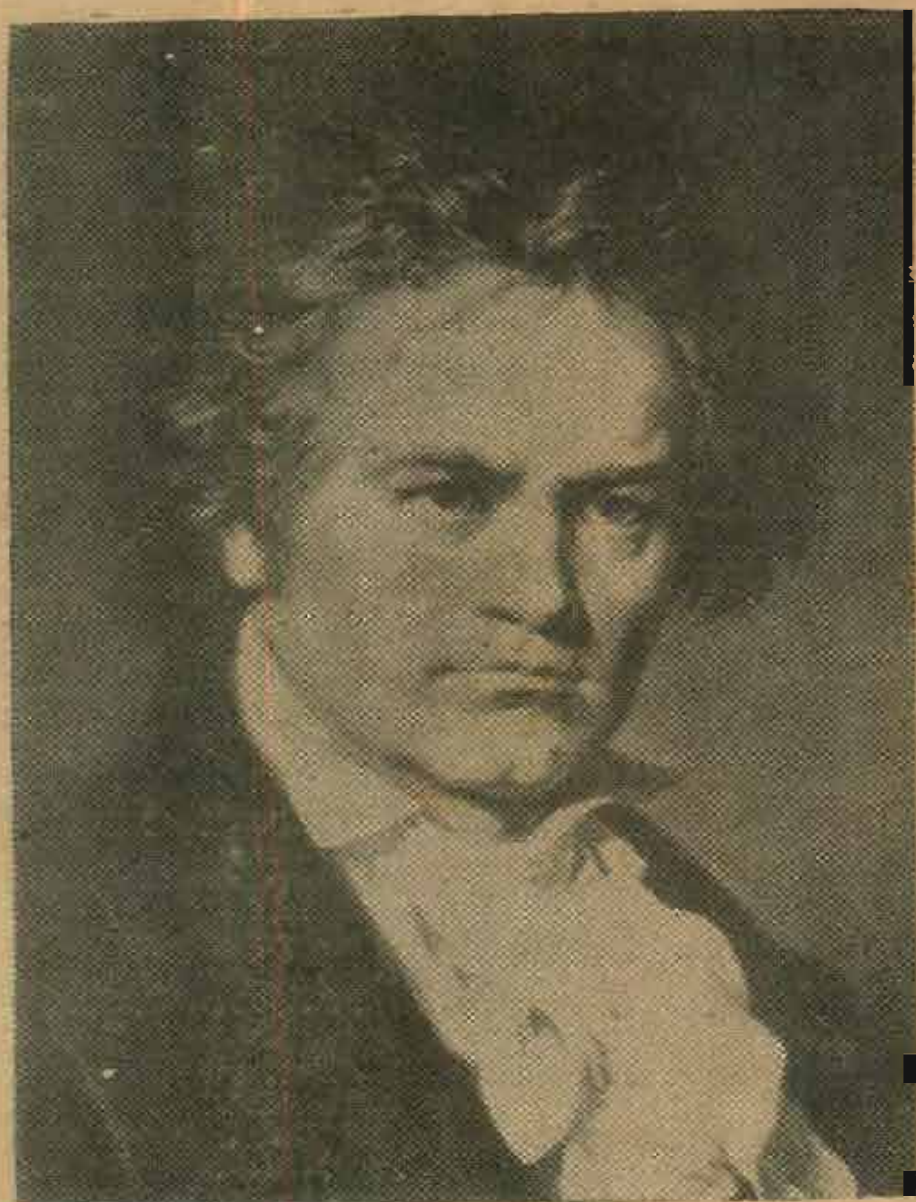
đời sống phức-tạp cần có một lối văn văn biến-hoán vô cùng để mô-tả thích-ứng, tức là thể phú bình-dân.

Quan-niệm công-dụng của về đúng như thế, nên từ xưa đã có các nhà văn đã lợi dụng thể về tạp-thể để phổ-biến luân-lý (*Gla-huấn-ca, Lục súc tranh công*), để nghị-luận đạo-đức (*Sát-Vật*), để phủ-dụ nhân-dân (*Lời Truyền-thị của Tôn-Thọ-Tường*), để truyền-bá tiểu-thuyết (*Về Bùi-Kiểm, Túy-Kiều phú*) và để đặt cả tiểu-thuyết (*Về Năm Nhỏ lấy chồng già*) ; còn thể về thuần-nhứt thì được dùng trong cuộc giải-trí trẻ con, trong sự giáo-dục (tất cả những bài về nhi-dồng, về Tam thiên tự v. v. ...)

THUẦN-PHONG

Đa nghi

Độc truyện Tam-quốc, ai cũng thấy Tào-Tháo là người đa nghi, đến nỗi đã có câu : « Đa nghi như Tào-Tháo ». Hy-Lạp xưa cũng có một bạo chúa đa nghi không kém gì Tào-Tháo, đó là vua Denys l'Ancien, Chúa-tể trị-vi Syracuse từ 405 tới 367 trước Tây lịch kỷ-nguyên. Vua Denys l'Ancien bao giờ cũng phải mặc áo giáp trong người, không khi nào dám tin người thợ hớt tóc, mỗi khi hô-hào dân chúng phải lên tận chót đỉnh một cái tháp cao và không hề dám ngủ hai đêm liên tiếp trong một cấm phòng. Nhà vua sai đục tận trong lòng núi đá một hang để nhốt các kẻ nhà vua nghi kỵ và khoét một đường hầm kín theo hình vành tai để hàng ngày ghé tai nghe tù nhân nói nhỏ với nhau : tiếng tù nhân dù nói nhỏ đến đâu cũng vang dội lên thâu tới tai nhà vua và nhà vua, rình chực kẻ nào dù có chút manh tâm hay xúc phạm tới nhà vua, là chụp bắt liền. Đa nghi phải chăng là bệnh chung của các bạo chúa ?



Nhạc - sĩ **BEETHOVEN**

(BẾT - HỒ - FÂN)

V À

Giao-hưởng-khúc số 9

★ **TRẦN-VĂN-KHÊ**

(tiếp theo B. K. số 70)

TÁM năm thai-nghén.

Từ năm 1816, nhạc-sĩ Beethoven đã định viết cho hội Philharmonic (Fi-lac-mô-ních) Luân-đôn, hai giao-hưởng-khúc mới. Năm ấy, trong quyển sổ tay của người, nhạc-sĩ đã ghi nhạc đề thứ nhứt của giao-hưởng-khúc số 9. Mãi đến năm 1818, đoạn đầu của nhạc-phẩm ấy vẫn chưa xong. Lúc ấy nhạc-sĩ phải viết Sonate số 105, Sonate số 109, Biên khúc số 120 của nhạc đề do nhà xuất-bản Diabelli (Đi-a-bê-li) đưa ra. Đến tháng 10 năm 1822, nhạc-sĩ mới bắt đầu viết phần thứ ba. Nhạc đề của phần này đã tìm được vào lúc tháng năm tháng sáu năm 1823. Ngày mùng 1 tháng bảy, trong một bức thư gửi cho công-tước Rodolphe (Rô-đôn-phơ), nhạc-sĩ viết : « Tôi hi-vọng sẽ hoàn-thành giao-hưởng-khúc cho hội Philharmonic Luân-đôn trong 15 hôm (1). Nhưng thật ra thì sáu tháng sau bản nhạc mới viết xong. Trong lúc

viết đoạn cuối cùng, nhạc-sĩ mới nghĩ đến chuyện thêm phần hợp ca vào. Vì theo tài liệu của ông Nottebohm (Nôt-tơ-bôm) thì trong bản thảo của Beethoven viết vào lúc tháng bảy năm 1823, về các phần của đoạn cuối cùng, không thấy phần hợp ca. Phổ nhạc xong mấy câu thơ của Schiller (Si-lơ), nhạc-sĩ không tìm ra câu thừa tiếp. Một hôm, ông Schindler (Sin-đờ-lơ) bạn của Beethoven, nghe nhạc-sĩ reo mừng. « Tôi tìm ra rồi ». Hôm ấy trong quyển sổ tay của nhạc-sĩ có câu : « Bây giờ chúng ta cất tiếng ngâm bài thơ bất-hủ của thi-sĩ Schiller (Si-lơ). Đến sau nhạc-sĩ sửa lại câu thừa tiếp ấy : « Các bạn ơi ! Giữ lại âm thanh. Cùng cất tiếng ca dịu dàng thân-ái » (2).

(1) Nohl *Neue Briefe Beethoven* (Những bức thư mới của Beethoven) tr. 232.

(2) Schindler *Beethoven in Paris* (Beethoven tại Bắ-lê) tr. 42.

Tháng hai năm 1824, giao-hưởng-khúc số 9 đã hoàn thành.



Nhạc thuật tuyệt vời

Về nhạc thuật, giao-hưởng-khúc số 9 khác hẳn 8 bài trước. Đã dài hơn các giao-hưởng khác, (1) lại có phần hợp ca. Số nhạc khí trong giàn nhạc cũng nhiều hơn (2).

Nhạc phẩm chia ra làm 4 phần :

Phần thứ nhất : Allegro ma non troppo un poco maestoso (không vội vàng, hơi nghiêm trang) : cung ré thiếu (*ré mineur*) nhịp đôi (mesure 2/4) : Nhạc-sĩ dẫn người nghe đi lần đến nhạc đề chánh. Nhạc từ cung này chuyển sang cung nọ (3). Sự xáo trộn cung này với cung nọ, sự do dự của nhạc-sĩ khi bước vào cung chánh là cung ré thiếu (*ré mineur*), làm cho người nghe cảm thấy nỗi khổ tâm bất rút của những ai đau khổ, đang kêu than và lần mò tìm con đường sáng mà chung quanh thì rừng rậm, cây cối um-tùm mà trời lại âm-u.

(1) So với thời gian các giao-hưởng-khúc khác : số 1 : 27 phút ; số 2 : 36 phút ; số 3 : 50 phút ; số 4 : 30 phút ; số 5 : 30 phút ; số 6 : 42 phút ; số 8 : 26 phút ; số 9 : 1 giờ 9 phút.

(2) Giàn nhạc dùng tấu giao-hưởng-khúc số 9 gồm có : 2 ống sáo, 2 kèn hautbois, 2 kèn clarinettes, 2 kèn bassons, 4 cây còi « cors » 2 kèn trompettes, 2 trống timbales, và giàn đàn dây (vi cầm thứ nhất, thứ nhì, trung và đại vi cầm altos, violoncelles, contrebasses). Trong đoạn chót có thêm 3 kèn trombones, 1 kèn to contrebasson, 1 ống sáo nhỏ, 1 cây đàn hình tam giác gồm có 3 ống đồng (triangle) và một trống to (grosse caisse).

(3) Từ *ré mineur* sang *si b majeur* rồi trở về *ré mineur*. Sau một đoạn êm, nhạc chuyển sang cung *si majeur*, hai ống sáo chen vào và nhạc chuyển sang cung *mi majeur*. Trong nhiều đoạn nhạc sang cung *si majeur*, *fa dièse* và *sol bémol*. Cung *ré mineur* là cung chánh mà sau 40 trường canh mới tìm ra.

Phần thứ hai : (Nhanh nhẹ, molto vivace, cung *ré mineur*, nhịp ba 3/4). Nhạc nhẹ nhàng, bay bướm. Phần này giống với lối scherzo. Thường thì nhạc-sĩ dùng tiết-tấu này trong phần thứ ba. Nhưng trong giao-hưởng-khúc thứ 9, nhạc-sĩ lại đề vào phần thứ nhì. Nhạc nhẹ nhàng đi từ cung này thoăn-thắt sang cung khác một cách bất ngờ (4). Sau trận bão lòng, đến những phút nhẹ nhàng. Nhạc vui tươi, đầy ánh sáng như lối nhạc đồng quê.

Không gian vang tiếng cười, nước cuộn chảy qua đồng rộng, rừng sâu. « Ít khi nhạc-sĩ Beethoven ghi lại nhạc khúc của cảnh thiên nhiên một cách thần tình như thế ». (5)

Trong phần thứ nhất, trời đen tối, trong phần thứ nhì quang đãng hơn.

Phần thứ ba : (Adagio — cung *si giảm si bémol* nhịp tư).

Đoạn này có hai nhạc đề khác cung, khác tiết-tấu, nhạc-đề cung *si giảm si bémol* nhịp tư, chen với nhạc-đề cung *ré trưởng (ré majeur)* nhịp ba. Biến khúc của hai nhạc-đề ấy chen nhau. Nhạc thông-thả khoan-thai. Mỗi khi trình-bày xong một nhạc-đề chánh, nhạc-sĩ viết một đoạn nhạc êm-ái như một đóa hoa chớm nở. Có đoạn như biểu lộ tình yêu của một cặp uyên ương và trời cũng sáng hẳn với tình yêu.

(4) Từ cung *ré mineur*, nhạc chuyển sang cung *ut rồi mi bémol, si*. Có đoạn kèn hautbois từ cung *ré majeur* chuyển sang *fa* làm cho thính-giả thích quá đến xuýt-xoa. (Theo báo Revue musicale) Âm-nhạc tập san, ngày 2-4-1831, trang 69-70, bài của Fétis (Fê-ti-xơ).

(5) Theo bài của Chrétien Urhan (Cờ-rê-tiêng Uy-rang) trong báo Le Temps, (Thời-gian) ngày 25-1-1838.

Phần thứ tư: Đoạn cuối có cả phần hợp ca. *Finale avec chœur*. Cấp điệu *Presto*. Cung *ré mineur*. Nhịp ba $3/4$. Nhạc đổi tiết tấu mấy lần: từ cấp điệu (*presto*) sang bình điệu (*allegro moderato ma non troppo*). Tiết tấu trở nên nhanh nhẹn như một hành khúc rồi chậm lại và nghiêm trang và sau cùng không mau lắm.

Nhịp đổi từ nhịp ba $3/4$ qua nhịp tư $\frac{4}{4}$, sang nhịp đôi $2/4$, trở về nhịp ba $3/4$ rồi sang nhịp tư $\frac{4}{4}$. Nhạc chuyển từ cung *ré*

thiểu (*ré mineur*) qua cung *la trưởng* (*la majeur*), sang cung *si giảm* rồi trở về cung *ré trưởng* (*ré majeur*). Sau cùng, mấy vần thơ của Schiller (Si-lơ) vang dậy, từ đoạn mở đầu với một giọng trầm (*basse*) đi dần đến giọng oanh thật cao (*soprano*). Những vần thơ ca tụng nguồn vui « ... được nhạc-sĩ tỏ lên muôn màu ngàn sắc, đẹp hẳn lên và ý thơ đi đến chỗ vĩ đại » (1).

Sau những cơn hân-học, những đoạn đời đau khổ, sau những phút vui đùa, những hồi luyến ái, nhạc-sĩ tìm thấy nguồn vui trong tình thân hữu đại-dồng. Trời dường như sáng rực lên và vùng thái dương lộ dạng đuôi tan đám mây mờ. Tiếng ca hoan hô tình thân hữu đại-dồng còn vang dậy trong lòng thanh-niên trên thế-giới.

Giao hưởng khúc số 9 ra mắt công chúng

Lúc nhạc-sĩ Beethoven viết xong giao hưởng khúc số 9, phong-trào nhạc Ý đang thịnh hành. Nhạc Ý du-dương, êm ái,

(1) Theo tập-san âm-nhạc « *Revue et gazette musicale* » tháng 3 năm 1838 — trang 97-100.

nhạc khúc lên bổng xuống trầm dễ hiểu hơn lối nhạc sâu sắc của Beethoven. Vì thế nên những người tổ-chức mấy buổi hòa nhạc do-dự, không dám trình bày giao-hưởng-khúc số 9 của Beethoven sợ tiền thù vào không đủ trả tiền nhạc công tập dượt. Nhưng nhiều người quý phái, nhiều nhạc-sĩ viết thư yêu cầu Beethoven đứng ra điều khiển giao-hưởng-khúc số 9 mà họ nghe phong phanh rằng nhạc-sĩ đã viết xong. Nhạc-sĩ bằng lòng và ngày mùng 7 tháng 5 năm 1834, tại thành Viên, (Vienne) công chúng được thưởng thức bản nhạc ấy lần đầu tiên.

Tuy lúc ấy bị diếc nặng, nhưng nhạc-sĩ cũng đứng cạnh nhạc trưởng để nhắc chừng về tiết tấu của các phần và lúc nào phải dờn to dờn nhỏ. Nhạc dứt, tiếng hoan hô vang dậy mà nhạc-sĩ như không nghe. Thính-giả đứng dậy, vỗ tay. Các nhạc công trong giàn nhạc cảm-dộng đến rơi nước mắt. Nhạc trưởng Umlauf (Umlauf) chỉ cho nhạc-sĩ thấy rằng thính-giả đã cảm-dộng lên đến cực độ. Cô Caroline Ungher (Ca-rô-lin Un-gơ) người giữ phần đọc ca trong đoạn chót của bản nhạc dẫn Beethoven ra chào thính-giả. Nhạc-sĩ nghiêng đầu chào mà nét mặt vẫn thản-nhiên. Tiếng hoan hô vang lên gần vờ cả phòng (2).

Kết quả về tinh-thần thì ngoài sức tưởng-tượng. Nhưng tiền thù vào chỉ được 2200 phờ-lô-ranh. Trừ đi 1000 phờ-lô-ranh trả cho giàn nhạc, 700 phờ-lô-ranh cho người chép nhạc, lĩnh tính 200 phờ-lô-ranh, nhạc-sĩ chỉ lãnh được 300 phờ-lô-ranh (3).

(2) Theo quyển Schindler (tên một người bạn của Beethoven) của Wasiliewski, tr. 251

(3) Theo báo *Allgemeine musikalische Zeitung* (Nhạc bác), ngày 1-7-1824, dòng 437-442.

Người nhạc-sĩ có thiên-tài, đã sáng-tác nhạc-phẩm vĩ-dại ấy lãnh tiền ít hơn người chép nhạc!

Thính-giả hoan-hô nhiệt-liệt. Nhưng báo-chí phê-bình rất dè dặt. Buổi hòa-nhạc cử-hành ngày mồng 7 tháng 5 mà mãi đến ngày mồng 1 tháng 7 báo «Allgemeine musikalische Zeitung» mới có bài tường thuật và phê-bình.

Sau buổi trình bày lần đầu tiên ông Duport đề-nghị với nhạc-sĩ tổ-chức một buổi hòa nhạc khác và chịu cho tác-giả 500 phờ-lô-ranh. Ngày 23 tháng 5 vào lúc 12 giờ trưa, giao hưởng khúc số 9 được trình bày lần thứ 2. Hôm ấy ông Duport lỗ hết mấy trăm phờ-lô-ranh.

Nhạc-phẩm ấy vượt ra khỏi biên-giới Áo. Ngày 21 tháng 3 năm 1825, hội Philharmonic ở Luân-đôn trình bày lần đầu giao hưởng khúc số 9 dưới sự điều-khiển của Sir George Smart. (Xơ Joac-jơ Xơ-mạt). Rồi lần lượt, thính-giả kinh-dô các nước Âu-châu được thưởng thức bản nhạc tuyệt vời ấy: Bá-linh (Berlin) ngày 27 tháng 11 năm 1826, Ba-lê ngày 27 tháng 3 năm 1831, (và 3 lần sau mấy năm 1832, 1834, 1837). Saint-Pétersbourg, kinh-dô nước Nga ngày mồng 7 tháng 3 năm 1836 (Mạc-tư-khoa mãi đến ngày mồng 1 tháng 3 năm 1863).

Nước Ý tuy ở gần nước Áo, nhưng ở Ý, nhạc của Rossini (Rốt-xi-ni) rất thịnh hành. Mãi đến ngày 18 tháng 4 năm 1878, hội Societa del Quartetto ở Milano mới trình bày giao hưởng khúc số 9, cũng trong năm 1878 công chúng Madrid (Ma-đờ-ri-đơ) kinh-dô I-pha-nhơ, và tại Barcelone (Bạc-xơ-lon) được nghe giao-hướng-khúc số 9 của Beethoven dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Mariano Vazquez (Ma-ri-a-nô Va-xơ-kê-xơ).

Lúc đầu, các nhà phê-bình ngoại-quốc rất dè dặt hay quá nghiêm khắc.

Năm 1825, nhà phê-bình Anh William Ayrton (Uy-liêm Ai-tôn) cho rằng nhạc phẩm ấy « quá dài ». Ông đề-nghị cắt bỏ phần hợp ca cho bản nhạc « nhẹ bớt » (1).

Năm 1828, cũng tờ báo The Harmonicon (Vơ Hạc-mô-ni-côn). Tuy còn chê bản nhạc quá dài làm chán tai thính-giả, nhưng đã nhìn nhận có nhiều chỗ đẹp.

Lần lần các nhà phê-bình tìm thấy những chỗ hay và không ngớt lời khen ngợi.

Theo Fétis (Fê-ti-xơ) trong báo Revue musicale (Tập san âm nhạc), nhạc-sĩ Beethoven đã vượt ra khỏi sự tầm thường (2). Đối với ông Filippo Filippi thì giao-hướng-khúc số 9 là một kỳ quan. (3)

Đến ngày nay, sao khi chịu bao nhiêu thử thách của thời-gian, những lời khen ngợi hay chê bay đều nhường chỗ cho một sự mến phục không bờ bến của những người yêu nhạc.

Những ai nghĩ đến hạnh-phúc của nhân loại và tình thân hữu đại đồng, tìm thấy trong giao-hướng-khúc số 9 tiếng ca của lòng mình. Lòng thính-giả theo tiếng nhạc bay bổng lên không trung, vượt qua biên-giới và hòa với lòng với bao nhiêu người khác trên thế-giới:

« Anh em ơi! Vui vẻ tiến lên đường.

« Vui như người anh hùng đi đến sự đắc thắng. » (Lời thơ của Schiller (Si-lơ) do Beethoven phổ nhạc trong đoạn cuối của giao-hướng-khúc số 9).

TRẦN-VĂN-KHÊ

(1) Báo The Harmonicon năm 1825, tr. 48-69

(2) Báo La Revue musicale ngày 2-4-1831, tr. 69-70

(3) Báo La Perseveranza do ông Colombani chép lại, tr. 331

TA BIẾT GÌ VỀ CUNG TRĂNG ?

VÕ-QUANG-YẾN

KHÔNG lúc nào bằng lúc này, với các vụ bắn hành-tinh, hỏa-tiến, người ta bàn tán nhiều hơn về các cuộc du ngoạn trên không trung. Mục tiêu trước tiên, và gần nhất, là cung trăng. Sau khi bắn được vệ-tinh nhân tạo chạy vòng quanh quả đất, các nhà bác học đã nhắm bắn hỏa-tiến lên cung trăng. Gần đây, ba chiếc Lunik I, II, III hoặc trúng nhằm đích, hoặc chạy vòng quanh nhắc ta biết các cuộc viễn du không còn là trong mộng ảo nữa mà cuộc sắp đặt đang mạnh dạn tiến hành. Nhưng bao giờ thì ta lên được cung trăng ? Đó là một câu hỏi mà chính các nhà bác học chuyên môn về vấn-đề cũng chưa dám cả quyết trả lời. Nhưng cứ theo các tiến triển hiện nay thì ta cũng có thể ước mong ngày ấy không còn là xa. Trong khi chờ đợi, tưởng cũng nên xét xem ta đã biết gì về cung trăng.

Từ hồi còn nhỏ, qua các bài hát, câu chuyện cổ-tích, « thằng Cuội ngồi gốc cây đa » đối với chúng ta là biểu hiệu của

cung trăng xa lắc xa lơ. Những hôm trăng tỏ, ngồi ngắm kỹ ta thấy trên mặt chỉ Hằng những đám sấm nổi hằn trên nền vàng lạt, hình dung một mặt người. Các nhà bác học, quen với những khái niệm ở quả đất ta, đặt tên những đám sấm ấy là « biển ». Như vậy, « Biển Mây » là miệng, mũi là « Biển Hơi », « Biển Mưa » nằm phía bên trái mũi là một mắt, mắt kia là một đám màu xám gồm có « Biển An tĩnh », « Biển Trầm lặng » và « Biển Phong phú ». Trên đầu, một mớ tóc thưa: « Biển Lạnh ». Dưới « Biển Mưa », các nhà thiên-văn học khám phá ra được một « nốt ruồi », dùng song nhãn kính có thể thấy được: đấy là thung lũng tròn Copernic, Dùng kính viễn-vọng người ta còn có thể phân biệt được nhiều núi cao, thung lũng tròn lớn, mũi nhọn. Dem so sánh với phong cảnh ở quả đất ta, cung trăng có thể ví như những vùng núi trong dãy Alpes hay những vùng sa-mạc kỳ quái. Nhìn kỹ, các núi ấy là những mỏm đá sừng-sừng, nhọn

hoắt, cạnh sắc, đường gầy thẳng đứng, ngày ngày tắm dưới một ánh nắng gay gắt. Một điều chắc chắn: trên cung trăng không có nước, không có sông ngòi, biển cả, không có rừng rậm, mây ngàn. Cung trăng chỉ là một khối khoáng chất!

Trước khi đi sâu vào chi tiết, ta nên nhắc lại vài khái niệm căn-bản. Cung trăng là hệ-tinh độc nhất của quả đất ta (có những hành-tinh như Hỏa-tinh có tới hai hệ-tinh: Phobos và Deimos.) Đường kính gần 3500 cây số, không đầy một phần ba đường kính quả đất, cung trăng có một thể tích vào khoảng 22 triệu cây số vuông chỉ bằng một phần bốn mươi chín ($\frac{1}{49}$) thể tích quả đất. Kề về trọng khối, cung trăng chỉ bằng một phần tám mươi mốt ($\frac{1}{81}$) quả đất, nghĩa là tỷ trọng cung trăng nhỏ hơn tỷ trọng quả đất rất nhiều: 3,3 đối với 5,5. Người ta biết tỷ trọng một hành tinh nhỏ khi nào các áp lực bên trong nhỏ. Như vậy trọng lực trên mặt cung trăng rất yếu, so với trọng lực trên mặt đất ta ở, chỉ bằng độ mười sáu phần trăm. Với một trọng lực yếu như vậy, cung trăng không thể giữ được lâu khí quyển và các chất dễ bốc hơi. Người ta tính từ hai ngàn triệu năm nay, cung trăng chỉ là một khối đá khô khan gồm có nhiều đỉnh cao ngất, như đỉnh Leibniz, ở cực nam, cao tới 8200 thước; so với kích thước quả đất, đỉnh ấy tương đương với 30.000 thước ở thế gian ta. Nói vậy chứ ở trên cung trăng không có biển thì không thể so sánh bề cao với mặt biển được; người ta chỉ có thể so với các mảnh đất bên cạnh và các thung lũng tròn, chênh mực lên tới hàng ngàn thước. Trong một địa thế như vậy lại không có nước thì không có cỏ cây hoa lá, sinh vật động vật.

Đằng khác vì không có khí quyển, nhiệt-độ đã thay đổi một cách kinh khủng: theo các bác học ở đài thiên-văn Mont Wilson thì 107 độ ban ngày và 153 độ dưới 0° ban đêm. Như vậy đời sống cũng khó lòng tưởng tượng được. Tuy-nhiên, ta chưa có thể bàn rộng nếu chưa biết được rõ ràng cấu tạo của cung trăng. Giờ đây, ta chỉ có thể lý-luận với những tài liệu lượm lặt được từ quả đất.

Lớp bụi trên mặt cung trăng

Nếu chưa thể bàn tới trung tâm cung trăng, ta đã có thể xem xét mặt cung trăng. Ánh sáng từ cung trăng gởi xuống ta là một thông điệp quý báu mà từ lâu các nhà thông-thái không quản công lao phân tích, đo lường.

Thường ta đã biết, khi cho ánh sáng dội vào một vật thì tùy theo ánh sáng bị thu hút, phản chiếu, hoặc khuếch tán ra sao, ta có thể biết vật ấy là viên ngà bóng nhoáng hay đám cát sù sì. Như vậy, ánh sáng mặt trời dội vào cung trăng rồi phản chiếu xuống quả đất, có thể cho ta tìm hiểu được thể chất mặt cung trăng. Trước tiên, về lượng, cung trăng không phải là tấm thảm nhung đen thu hút tất cả ánh sáng, cũng không phải là tấm gương tốt phản chiếu lại tất cả ánh sáng nhận được mặt trời. Cung trăng chỉ phản chiếu lại 7,3 phần trăm ánh sáng. So với kinh-nghiệm ở quả đất ta, mặt cung trăng phải là một chất rất sù sì, một khối đá gồm có nhiều hột.

Nhưng cách đo này chưa được phân minh vì quá thô sơ. Người ta có một cách đo khác, dùng phương-pháp khuếch tán. Người ta nhận thấy vào lúc trăng hạ huyền

hoặc thượng huyền, khi bị che mặt phân nửa, đáng lẽ cung trăng phải khuếch tán ra đúng phân nửa ánh sáng so với lúc trăng tròn, thì thật ra lại khuếch tán đến chín lần ít hơn. Vì sao ? Vì tùy theo góc nhận ánh sáng, mà cung trăng khuếch tán nhiều hay ít. Nhà bác học Nga N. S. Orlova từ lâu dụng công đo các góc ấy và ánh sáng phản chiếu tương ứng, rồi lập thành bản đồ thị. Ông kết luận rằng mặt cung trăng giống các bọt kim-thuộc ở các ngọn núi lửa trên quả đất ta, nhưng có thêm nhiều lỗ hổng.

Đằng khác, từ ba mươi năm nay, nhà bác học Pháp B. Lyot dùng một phân cực kế rất tinh vi đo ông chế ra để đo tính cách phân cực của ánh sáng từ cung trăng gửi xuống. Ánh sáng mặt trời nguyên không phân cực, nhưng tùy theo góc phản chiếu ở cung trăng, ánh sáng ấy trở nên ít nhiều phân cực. Ông cũng lập bản đồ thị và kết luận của ông gần giống kết luận trên, nghĩa là mặt cung trăng gồm có nhiều hột rất nhỏ như mun các ngọn núi lửa.

Một nhà bác học khác, A. Dollfus, còn có một phương-pháp khác tinh tế hơn. Ông nghĩ rằng nếu ở quả đất có sáng trăng thì ở cung trăng cũng có thể có « sáng quả đất ». Như vậy, ánh sáng từ mặt trời dội vào quả đất, phản chiếu lên cung trăng rồi từ cung trăng gửi về lại quả đất. Thật rắc rối nhưng đây là căn bản phương-pháp của ông. Ngồi trong khí cầu đưa lên thật cao trong khí quyển để đo, ông nhận thấy ánh sáng mặt trời sau khi qua khí quyển quả đất trở nên rất phân cực. Trái lại ánh sáng từ cung trăng phản chiếu lại ít phân cực hơn. Dem so sánh hiệu số phân cực với các tài-liệu đã có, ông cũng kết-luận mặt cung

trăng gồm có một thứ bột giống bột mun các hòn núi lửa của quả đất ta.

Đằng khác, ở Mont Wilson, hai nhà bác-học S. B. Nicholson và E. Pettitt dùng một nhiệt ngẫu lực rất kích-dộng để đo nhiệt độ ở cung trăng. Các ông nhận thấy cách thay đổi mau chóng nhiệt-độ giữa đêm và ngày ở cung trăng và ngạc-nhiên nhất là khi có nguyệt thực : ở phần bị quả đất che lấp, nhiệt-độ sụt xuống một cách vô cùng mau chóng. Như vậy nghĩa là sức nóng không được chuyển vào trữ ở trung-tâm, hay nói một cách khác, một chất gì đã bao phủ mặt cung trăng. Ở quả đất ta không có một chất gì có thể so sánh được, trừ phi một lớp bụi trong chân không. Như vậy, cung trăng có một lớp bụi bao phủ, một lớp bụi nhỏ vào khoảng một phần mười ly.

Lớp bụi ấy gốc ở đâu mà ra ?

Có hai giả-thuyết : giả-thuyết thứ nhất cho rằng lớp bụi mun ấy từ các hòn núi lửa phun ra. Vì một đẳng trọng-lực của cung trăng yếu nên rất dễ lưu bụi ấy lại, một đẳng vì không có nước chảy xê dịch và ăn mòn, các bụi ấy có thể bám lại trên mặt cung trăng cho nên qua các thiên niên kỷ các bụi mun đã đóng thành vỏ dày.

Giả-thuyết thứ hai cũng không kém phần chính-dáng. Người ta nhận thấy trên quả đất, mỗi ngày, hàng ngàn tấn chất vũ-trụ rơi xuống. Ở trên cung trăng cũng vậy, tuy ít hơn vì cung trăng kích thước và trọng khối nhỏ hơn nhưng sau hai, ba ngàn triệu năm thì lớp bụi ấy cũng đóng được thành lớp dày. Hơn nữa, chất vũ-trụ đập mạnh vào mặt cung trăng, thành nóng,

phát nhiệt, dính lại với nhau thành lớp, để lại hai bên nhiều đường nứt nẻ, đúng như ta thấy hiện nay.

Rất có thể cả hai thuyết ấy đều đúng và lớp bụi trên mặt cung trăng do hai gốc mà lại.

Địa-thể mặt cung trăng

Nhiều nhà xuất-bản (như ở Pháp : Girard, Barrère và Thomas) đã cho in bản đồ cung trăng với thể đất rõ ràng : đây là đại-dương Procellarum, kia là biển Humorum, Nublum, Crisium, xa hơn nữa là đường nứt Hyginus hay thung-lũng tròn Tycho, Clavius... Rồi đây ta không nên ngạc nhiên nghe những tên mới hơn: đỉnh Washington hay hồ Lénine... Muốn vẽ, thật ra, dùng kính viễn vọng từ quả đất đã thấy được những chênh mực vài trăm thước. Muốn biết kích thước nhỏ hơn, người ta phải dùng những phương-pháp dấu hiệu radar hay các luồng sóng điện như luồng sóng hertzien, từ vài phân tới vài thước. Rồi tùy theo « tiếng » dội của cung trăng người ta phân biệt được các chênh mực. Ở nhiều đài thiên-văn như đài Pic du Midi ở Pháp, người ta đã chụp nhiều ảnh rất rõ ràng ở cung trăng. Nhìn vào bất kỳ một tấm ảnh nào ta cũng nhận ra được hai đặc-điểm nằm giữa các vạch ngang dọc tứ tung : Những chỗ gợn như phẳng gọi là « biển » và những thung lũng tròn tậm gọi là « miệng núi lửa » kích thước rất khác nhau.

Theo thuyết của G.K. Gilbert phát ra từ năm 1893 và hiện nay còn thịnh hành, thì xưa kia từng hòn sao sa khổng lồ đã rơi xuống mặt cung trăng làm thành những lòng chảo to tướng ; sau đó, nhiều lớp

đá chảy từ đáy chảo phun ra, tràn khắp lòng chảo và làm thành những mặt phẳng kia. Có nhà bác-học đã tính tốc-độ lớp đá chảy thành « biển » kia 100 cây số mỗi giờ với một nhiệt-độ là 3200 độ !

Về các thung lũng tròn, thoát tiên người ta nghĩ đến những miệng núi lửa thật, nhưng dần dần thuyết ấy bị bác bỏ vì nhiều lẽ : về phương-diện hình thức, bờ lũy xung quanh đều đặn, bên trong lại quá phẳng không giống các hiện tượng núi lửa ở quả đất ta ; về phương-diện vị-trí, thường các ngọn núi lửa hay nãy nở trong một vùng đặc-biệt, vỏ đất dễ nứt, ở cung trăng các « miệng núi lửa » nằm rải rác tự-do không theo một thứ tự nào cả. Người ta trở lại thuyết sao sa như để giải-nghĩa cách cấu tạo các « biển » trên kia. Có điều nên nhớ là trên cung trăng không có khí quyển, sao sa không bị mất tốc-độ trước khi đập vào mặt cung trăng ; thứ nữa không có khí trời nên sao sa không bị bề ra nhỏ, thành thử các thung-lũng tròn ở cung trăng có kích thước khổng lồ so với các thung lũng tròn tương-ứng ở quả đất ta. Tuy nhiên, các thung lũng tròn của ta cũng đã khá lớn ! Meteor Crater ở bên Arizona đường kính tới 1.200 thước, Wolff — Creek trong sa-mạc Úc-châu 850 thước, không kể tới hòn sao sa ước chừng 40 ngàn tấn rơi năm 1908 trong miền rừng Tây-ti-lợi-á. Nhìn kỹ ảnh một thung-lũng tròn trên cung trăng như thung-lũng Copernic, ta còn nhận thấy xung quanh nhiều vạch tung toé từ trung-tâm như các mảnh vỡ của sao sa tung ra khi sao sa đập mạnh vào mặt cung trăng. Đây là thêm một chứng-minh cho thuyết đã đưa ra.

TA BIẾT GÌ VỀ CUNG TRĂNG ?

Còn các vạch nằm ngang dọc tứ tung thì chẳng gì khác là dấu tích những sao sa không rơi xuống mặt cung trăng mà chỉ xướt qua.

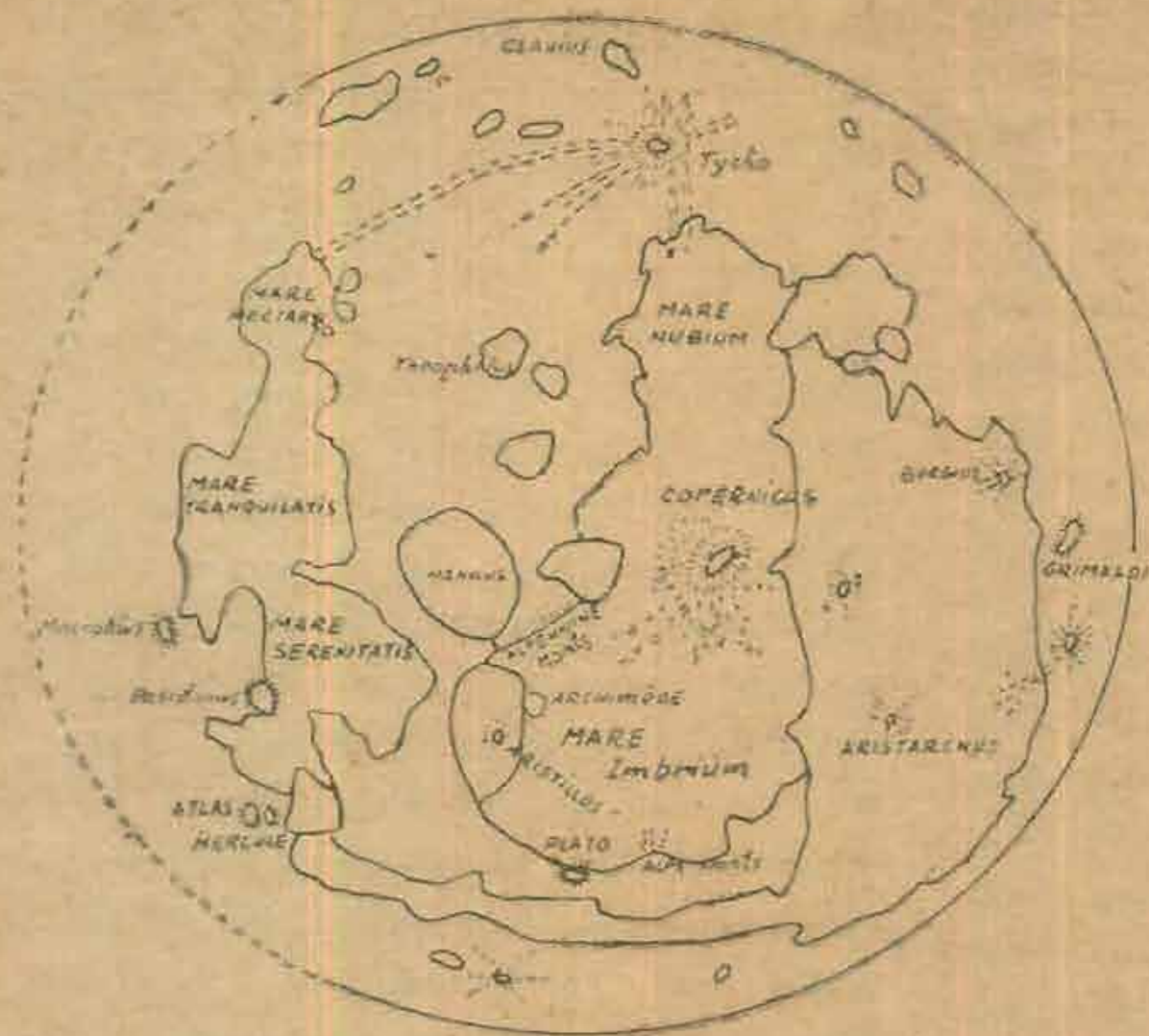
Đề tóm tắt các nhận xét trên, các nhà bác học hiện nay đồng ý đưa ra một nhận định tổng quát: xưa kia, cách đây

3) Các loại thung-lũng tròn mới, chồng chất lên các thung lũng cũ, hoặc các « biển » khi cung trăng lại trở thành nguội.

« Hòn núi lửa » Alphonse

Gần đây, báo chí đã bàn tán nhiều về một « hòn núi lửa » đang ở thời-kỳ hoạt động trên cung trăng. Nếu thật vậy thì nhận-dịnh trên không còn đứng vững. Ta nên xét lại vấn-đề đã nảy nở ra làm sao. Cách đây năm năm, ở đài thiên-văn Lick bên Mỹ, người ta có chụp hai tấm ảnh với hai luồng sóng điện khác nhau. Hai ảnh ấy có phần khác nhau. Lúc ấy người ta cho là ảnh hưởng khí quyển quả đất đã làm cho ảnh khác nhau. Năm 1956, ở đài thiên văn Mont Wilson người ta lại chụp bốn loạt hai hình và nhà bác-học D. Alter cho rằng đã có ánh lửa phát ra. Gần đây, trong tờ báo thiên-văn Mỹ P.A.S.P. (Publication of the Astronomical Society of the Pacific), hai nhà bác-học Poppendiek và Bond lại cho đăng hai tấm ảnh thung-lũng

tròn Alphonse chụp cách nhau một tháng: trong tấm thứ nhất có một đám mây giữa thung-lũng. Đám mây ấy phải mất một tháng mới biến đi hết. Hai ông kết luận là đám mây ấy không phải do sao sa gây ra vì đám mây do sao sa gây ra chỉ vài phút là biến mất, mà là do một hòn núi lửa phun ra. Năm vừa qua, vào khoảng tháng mười một, trong lúc nhân-loại đều



Những địa điểm chính trên mặt trăng

(TRÊN THẺO "LES PLANÈTES" của Pierre Guélin)

vài trăm triệu năm, cung trăng vì tác-dụng phóng-xạ bên trong đã qua một thời kỳ nóng hồi cực độ, nhưng nay đã dần dần nguội, cho nên xem xét kỹ địa-thể người ta phải phân-biệt:

1) Các loại thung lũng tròn cũ đã mòn, lúc cung trăng chưa hoàn toàn nóng;

2) Thời kỳ nóng hồi, sao sa đã gây ra nhiều « biển » cùng núi cao;

ngóng mắt về cung trăng thì nhà bác - học Nga N. Kozyrev trong tờ thông-tư thiên-văn số 197 của Hàn-lâm-viện khoa-học Nga chứng thật kết - luận của hai ông bạn đồng nghiệp Mỹ. Dùng quang-phổ-ký đo ánh sáng ở thung-lũng tròn Alphonse, ông đã phân biệt được một vạch đặc-biệt của phân tử các-bon.

Như vậy, vấn - đề núi lửa hoạt - động ở trên cung trăng lại còn phải bàn cãi, tuy nhiên ta không nên nghĩ tới những hòn núi phun lửa phùn phụt như ở quả đất ta, mà chỉ là một ít khí tách ra khỏi mặt cung trăng.

Nhưng ta chắc cũng chẳng phải còn chờ lâu để quyết định. Một đảng Lunik III chạy vòng quanh cung trăng, sau khi đã hiến cho nhân-loại tấm ảnh đầu tiên phía bên kia cung trăng mà ta chưa bao giờ thấy, rồi đây dần dần sẽ cho ta biết nhiều hơn về cấu tạo hộ tinh chúng ta. Đảng khác, các nhà bác-học Mỹ đang sửa soạn hòa-tiến Saturne để viễn - du cung Hằng. Một hai năm nữa thôi, tính hiếu kỳ của chúng ta sẽ được thỏa mãn nếu ta không còn nuôi thêm ước vọng dạo gót chân lên đến gốc cây đa của thằng Cuội.

VÕ-QUANG-YẾN

VÀI DANH TỪ

Biên An-tĩnh : Mer de Sénéríté

Biên Lạnh : Mer du Froid

Biên Mây : Mer des Nuées

Biên Mưa : Mer des Pluies

Biên Phong-phú : Mer de Fécondité

Biên Trầm-lặng : Mer de Tranquilité

Bọt-kim-thuộc : scorie

Chân-không : vide

Chất-vũ-trụ : matière cosmique

Chênh-mực : dénivèlement

Đá-cháy : lave

Kính-viễn-vọng : télescope

Nhiệt-ngẫu-lực : thermocouple

Khí-cầu : ballon

Khí-quyền : atmosphère

Khối đá có nhiều hạt : roche grenue

Khuếch-tán : diffusion

Phân-cực-kế : polarimètre

Quang-phổ-ký : spectrographe

Sao sa : bolide

Song-nhãn-kính : jumelles

Thung-lũng tròn : cirque

Trọng-khối : masse

Trọng-lực : pesanteur

Tỷ-trọng : densité

Hỏa-tinh : Mars

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental".

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20.981 à 84

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



TRẠI GIÁO-HÓA THỦ-ĐỨC

Phóng-sự của VŨ-THANH-LY

Những tâm hồn chịu đựng sương gió

Một khoảng trời rất rộng, và một hàng rào dây kẽm như không hề che dấp gì cả, một vườn sầu lả đương lên xanh tốt, đó là trại giáo-hóa Thủ-đức.

Tôi do lối cổng chính đi vào, người canh-sát già nghễnh-ngãng, đương xem báo, bỏ tờ báo xuống nhìn tôi, và cũng chẳng cần hỏi han. Lối vào rộng như đường cái, tôi có cảm-tưởng đi về một trang trại miền quê. Không-khí mát yên tĩnh, tựa hồ không có cả tiếng chim hót. Cát đỏ, đường sỏi, và hoa dâm bụt nở gay gắt.

Hai đứa trẻ kéo lê một chiếc chiếu, thấy xe tôi chạy qua, thuận mắt ra đứng nhìn.

Tôi vẫy tay gọi một chú bé lại hỏi :

— Bàn giấy ông Tổng-giám-thị ở chỗ nào em ?

Đứa bé có khuôn mặt dài như quả bầu chỉ về phía cuối sân.

— Ở đằng kia ! Ông đi thẳng, ngoẹo tay mặt.

Nó đưa tay quệt mũi, rồi lại kéo chiếc chiếu đi.

Dãy nhà phía tay trái có một số trại sinh đương làm việc, phải nói là học việc

mới đúng. Tất cả đều chăm-chú nhìn tôi, chắc lâu lâu mới có một khách lạ đến thăm.

Ông Giám-đốc đi vắng, ông Tổng-giám-thị cũng đi vắng. Tôi đi trở ra, nắng sáng trên bãi sân. Cánh cửa bỏ ngỏ, người canh-sát già lại buông tờ báo nhìn chiếc xe của tôi để giải-trí trong giây lát và tiếp tục theo dõi mục tiêu-thuyết hấp dẫn qua hai trang báo. Con đường trở ra có hai ngã, một ngã vào trong làng, một ngã đi ra đường nhựa. Tôi đã định bụng tìm mấy trại sinh để trò chuyện, nhưng chưa gặp ông Giám-đốc cũng khó lòng mà tiếp xúc cho được. Tôi thấy một điều khó giải-quyết, nếu nói chuyện với trại sinh trước mặt nhân-viên phụ-trách thì không bao giờ các em chịu nói rõ sự thật, nếu có những sự thật không đẹp, bằng tiếp xúc với trại sinh vắng mặt Ban Giám-Thị, thì điều này là điều coi như vi-phạm luật hành-chính.

Tôi dựng xe ở ngoài đường, đi trở vào. Chỉ có bãi sân với con đường cát đỏ. Đứng ngoài bờ rào nhìn vào, dãy lồng bàn ở nhà ăn như những chiếc chuông sơn xanh úp trên mặt bàn.

Không muốn làm bận rộn ông canh-sát già, tôi đi vòng ra nẻo đường về phía làng, hy vọng sẽ gặp mấy chú trại sinh ra ngoài làm công-tác.

Quả nhiên có hai đứa bé đi thùng thăng lừa một đàn bò. Một đứa khoảng 11, 12 tuổi, đứa kia không thể gọi là bé vì mặt nó già căng, mặc dầu tầm vóc nó không lớn lắm.

Việc làm quen không khó khăn, tôi chỉ đàn bò hỏi :

— Bò này của trại ?

Đứa lớn nhanh nhẩu :

— Thưa, phải !

— Em vào trại từ bao giờ ?

Nó cười, khuôn mặt đỏ nhả nhúm ;

— Dạ ! lâu lắm !

Đứa nhỏ vẻ thông thạo :

— Nó ở trại khi lên 6 tuổi. Năm nay nó 18 tuổi.

Tôi không rõ trong khoảng 12 năm nó học được những gì, có điều dễ nhận thấy là đứa lớn không muốn nói chuyện thật thà với tôi, nó nói theo đúng chính sách, toàn là những điều tốt đẹp, theo nó thì thời gian 12 năm trong trại giáo-hóa là 12 năm a1-nhàn, cực lạc.

— Em ăn uống đầy đủ không ?

— Dạ ! đầy đủ lắm ! Ăn có thịt có cá, quần áo mặc một năm bốn bộ.

— Không có quần dài sao ?

Nó nhìn xuống đôi chân đen thui :

— Mặc như thế này đủ rồi. Ngày rét mới phải mặc quần dài.

Ở trong Nam thì có mấy ngày rét ; như vậy quanh năm nó mặc quần cộc.

Tôi hỏi tiếp :

— Em vào trại về tội gì ?

— Dạ ! Đi chơi lang bang, rồi lính họ bắt.

Đứa bé xen vô :

— Nó không có bố mẹ, nó ở với tụi ăn trộm ăn cắp, người ta bắt đem lên Thủ-đức. »

Hai mươi năm về trước, trại giáo-hóa còn gọi là nhà trừng giới, ở làng Ông-yem, thuộc tỉnh Thủ-dầu-một. Năm 1947, Chính-

phủ tự-trị đem về làng Linh-đông quận Thủ-đức tức là địa điểm trại giáo-hóa bây giờ, đến năm 1955 chính quyền Cộng-hòa mới đổi lại là trại giáo-hóa, do Bộ xã-hội coi sóc.

Đứa bé nói một cách thông-thạo, khinh thị đứa lớn ra mặt, nhưng thằng lớn không hề phản đối. Tôi tính mua cho mỗi đứa ít bánh, nhưng không có hàng quà bánh nào gần đây, gặp dịp thằng lớn chạy đi đuổi bò, tôi trở lại nói chuyện với đứa nhỏ :

— Em bị bắt về tội gì ?

— Không ! Tôi con người trong trại.

— Tức là con nhân-viên giám-thị ?

— Ba tôi làm vườn, vừa trông coi bọn nhỏ khỏi trốn.

— Chúng có hay trốn không ?

— Thỉnh thoảng ! Bắt được họ đánh mỗi đứa năm roi.

Tôi chỉ hàng rào :

— Rào dậm sơ sài như thế kia, chúng muốn trốn lúc nào chẳng được.

— Tuy vậy ít đứa trốn lắm. Mấy năm trước còn có lính. Bây giờ họ bỏ hết lính đi. Như ba tôi vừa làm vườn, vừa canh chừng gọi là.

Tôi nghĩ đến ông cảnh sát già, đáng điệu như « ần sĩ ».

— Còn ông cảnh sát làm gì ?

— Ông ngồi đó cho có việc, chứ ông chẳng làm gì cả.

Đứa bé nói tiếp :

— Ở đây, đứa ở trại lâu năm canh chừng đứa mới vào trại. Nhưng không hiểu tại sao hôm qua có một đứa được gác cổng, thế mà nó bỏ trốn.

— Nó lớn tuổi chưa ?

— Lớn lắm, đến 20 tuổi.

— Chắc nó muốn về thăm nhà. Em xem đã đưa nào trốn mà thoát được về nhà không ?

— Phần nhiều người ta bắt được lại cả. Cũng có đứa trốn đi ít bữa, rồi tìm về thú tội. Nhưng tôi đã nói với ông, ít đứa trốn lắm.

Một người đàn bà đội mớ sắn đi qua, nó chỉ người đàn bà :

— Chị tôi đó. Chị tôi có nhà ở trong làng.

Đứa lớn quay trở lại, hai đứa hùa nhau đuổi bò đi. Tôi hỏi theo một câu :

— Trong trại có nhiều người được ra ngoài làm thông thả như em không ?

Thằng lớn lấy đất đắp một con bò :

— Có mình tôi !

Mặt nó cổ làm ra tươi tỉnh, nhưng tôi thấy 12 năm khôn? tình quyến thuộc, sống giữa bọn trẻ của tội lỗi và sương gió đã làm nó mất hết những gì gọi là trong sáng của tuổi niên-thiếu. Như cành cây đem bưng gốc đè vào đất lạ, như con hươu con nai không sống nơi rừng hoang, núi rậm. Tôi chưa rõ đứa con trai giáp tuổi trưởng thành này nghĩ gì về cuộc đời. Nếu không phải là những hình ảnh buồn nản.

Nguyên-nhân ở sự « đổ vỡ » của bọn trẻ là cuộc sống cấp-bách của chúng ta hiện nay

Sau khi đi qua một hệ-thống giới thiệu, tôi được ban Giám-đốc trại Giáo-Hóa chỉ dẫn cận kề.

Từ tổ-chức của trại ngày mới thành-lập, cho tới công cuộc trại đang tiến-hành bây giờ.

Đại-lược, tổng số trại sinh là 367 em, gồm 192 em do Tòa-án gửi đến, và 175 trẻ con hoang, bị giữ ở các quận cảnh-sát về tội vô gia cư, ngủ đường ngủ chợ.

Từ năm 1947 đến năm 1956, trại thuộc quyền Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Từ năm 1957 đến hiện nay, trại thuộc về Bộ Xã-hội.

Số giám - thị là 11 người, cộng với 5 giáo-viên dạy văn-hóa, 8 chuyên-viên dạy nghề, 2 huấn - luyện - viên thể - thao. Ban Giám-đốc gồm một ông Chánh Giám-đốc, một ông Phó Giám-đốc, và một ông Tổng Giám-thị. Toàn trại không có một người lính gác nào cả. Về phần Y-tế, có một Y-tá thường trực, và một bác - sĩ hàng tuần đến khám bệnh. So với thời trước, trại trường giới phải có 65 giám - thị, một đội lính canh phòng mang vũ khí, và trại sinh bị coi như tù - nhân, phải cạo trọc đầu, không được học tập, phải làm lao-công rất cực nhọc.

Điều tôi muốn tìm hiểu là do hoàn-cảnh nào đã thúc đẩy một số em nhỏ phạm-pháp. Vì gia-đình không chăm lo giáo-dục, hay vì ảnh-hưởng chung quanh, ở bè bạn.

Em Nguyễn-Văn-Luôn, lên 9 tuổi, hai lần can tội móc túi, nó còn bố mẹ. Bố nó làm nghề sửa xe, mẹ bán hàng rong. Trông tướng mạo thẳng Luôn cũng đủ biết nó nghịch ngợm. Một đứa trẻ có chiếc đầu to, đôi mắt sếch, và tay chân luôn luôn tấy mảy. Khi ông giám-thị gọi lại, nó dẫu hai



tay vào túi. Không hiểu nó xin dẫu được một bộ áo ngủ màu xanh, vì các trại sinh khác đều mặc áo ngắn tay trắng, quần đùi đen. Viên giám-thị nói :

— Lần thứ nhất nó ăn cắp, tòa án tha bổng. Lần thứ hai, xét thấy cho nó về nhà rồi lại đi ăn trộm nữa, các ông ấy gửi lên đây.

— Nó bị giữ cho tới bao giờ ?

— Đúng lý cho đến tuổi trưởng-thành, nhưng nếu bố mẹ làm đơn xin, chúng tôi họp hội - đồng, xét thấy nó đã ngoan, và gia-đình có thể giáo-dục được thì chúng tôi trả về.

— Tôi tin nó không phải ăn cắp chuyên nghiệp.

— Cái đó chưa biết. Nhưng có điều chắc chắn, bố mẹ nó không hề nhìn tới con cái. Lần thứ nhất, nó nghe chúng bạn dụ dỗ, lời nó khai trước tòa-án như vậy. Lần thứ hai, vì muốn có tiền ăn quà, bố mẹ không bao giờ trông nom đến nó. Nó đã được tui ăn cắp huấn-huyện gần thành thạo nghề móc túi.

Tôi đoán ông có một ân-ý ông không muốn nói thẳng. Biết đâu chính người bố, hay người mẹ không muốn đề con như vậy hòng kiếm thêm chút đỉnh cho ngân quỹ gia-đình.

Một trường-hợp khác, trường-hợp thằng Cu, thằng này cũng khoảng 9, 10 tuổi. Nó ở với bà dì bên Thủ-thiên. Vốn tính rắn mắt nghịch ngợm, nên dì nó gửi lên trại Giáo-Hóa, nhờ trại nuôi đỡ một miếng ăn, vừa phần đề « uốn nắn » giúp. Lẽ dĩ-nhiên nhân-viên trại không nhận, vì nguyên-tắc là phải ở tòa-án hoặc quận cảnh-sát gửi đến.

Lần thứ hai, quả nhiên nó « vào lọt » được trại Giáo-Hóa với tội trạng móc túi, thằng nhỏ khai trước tòa-án nó bắt được năm chục bạc chứ không phải móc túi, lẽ dĩ-nhiên không ai tin, có một nhân chứng là người mất cắp và một nhân chứng nữa. người dì. Với hai nhân chứng cụ-thể như vậy nên thằng Cu vào được trại Giáo-Hóa bằng cửa chính, đề chờ 11 năm nữa, đủ 21 tuổi mới được trả về xã-hội.

Như Khôn-Ôn một Miền-kiều, đã nhập Việt-tịch, quê ở Châu-đốc can tội tòng-phạm cướp và toan hiếp dâm.

Khôn-Ôn người cao lớn lực-lượng như « Nguyễn-Công-Án », điều không ai tin, nó mới có 12 tuổi. Thật tuổi nó phải đến 20, nhưng vì nó khai bằng tiếng Miền, nên có sự lăm lăm, và Khôn-Ôn được gửi vào trại Giáo-Hóa, chờ đến tuổi trưởng thành (1) mới được trả tự-do.

Trong thời-gian hai năm ở trại, viên Giám-thị cho biết, tính nết nó hiền lành chăm chỉ. Sự cướp bóc phạm pháp chẳng qua là a-dua theo chúng bạn, nếu có bề

bạn tốt, chắc Khôn-Ôn cũng là một thanh-niên cần mẫn, lương thiện như tất cả những người lương thiện khác.

Riêng trường-hợp Mã-lệ-Quý, một học-sinh Hoa-kiều ở Chợ-lớn thì có điều đặc biệt.

Gia-đình Mã-lệ-Quý giàu có. Ông thân-sinh Mã-lệ-Quý là người nghiêm khắc. Vì bận việc buôn bán nên ông không rảnh thì giờ trông nom đến con cái Mã-lệ-Quý đi theo bọn côn đảng, tụ tập, chọc ghẹo thiếu-nữ, đánh lộn ngoài phố. Dần dần, từ chỗ khuấy phá, đến chỗ tổ-chức ăn trộm xe đạp dặng lấy tiền ăn sài.

Mã-Lệ-Quý bị thọt cổ và bị đưa lên trại Giáo-hóa. Người bố biết việc thì sự đã rồi, ông dặn người nhà không được tới thăm, hy-vọng thời-gian ở trại có thể sửa đổi tính nết của nó được chăng.

Chung qui, hầu hết những đứa nhỏ phạm pháp là vì gia-đình hoặc nghèo túng, hoặc bận công việc, không coi sóc đến con cái. Còn những đứa không cha mẹ sống trên lề đường, chúng nghiêm-nhiên bị đặt trước một sự xấu không thể lựa chọn, và bọn này như một thứ môi trường để truyền bá cái hoang toàng, cái vô trật-tự, những mầm mống phá phách, sang các đứa trẻ khác.

Một vài phương-pháp giáo-hóa, và cái giếng nước của trại Thủ-đức

Ông Tổng Giám-Thị giới-thiệu với tôi số trại sinh tôi muốn gặp, đoạn ông trình bày vấn-đề sửa chữa.

— Thật là một điều khó. Vì tôi không thể coi các trại sinh là tù-nhân. Cũng không thể coi chúng như học-sinh trong

một ký túc xá. Phải dung-hòa giữa hai tình-trạng. Trước hết, gây cho chúng cảm-tưởng trong một gia-dình rộng lớn, kèm với những lời dạy dỗ là hình phạt, nhưng không quá nghiêm khắc.

Tôi phải am tường tính nết của từng đứa, và lựa phương pháp uốn nắn cho khéo.

Ông trở lại trường-hợp thằng Cu.

Chú nhỏ này vốn sống không có tình thương gia-dình. Bà dì nó đã giao được cho chúng tôi như trút được một gánh nặng.

Trong lối xóm nó phá phách, gây gổ, tuy nhỏ tuổi nhưng nó không từ một cuộc đánh lộn nào cả.



Mới vào trại, buổi đầu nó đã làm các trại sinh phải than-phiền, nó dẩu bánh dưới gầm ghế, tranh nhau ăn với bạn ngồi cùng mâm, cãi lộn, đánh lộn không kiêng nể một ai. Duy chỉ có nước trốn về Sài Gòn là nó chưa dám làm. Một bữa tôi gọi lại, tay tôi cầm cây roi, nhưng không đánh, tôi đưa cho nó và bảo :

— Tôi giao cho trò cây roi này. Trò phải mang luôn bên mình, nếu bỏ ra tôi sẽ lấy nó đánh trò đủ chục roi. Khi ăn phải mang theo, khi ngủ khi chơi, bất cứ khi làm gì đều phải giữ nó luôn bên mình.

Phương-pháp đó khiến thằng bé sửa đổi dần dần được tính nết. Sau một tháng, nó đem roi trả tôi, vì tự nó nhận thấy ít hay

cãi lộn, và các trại sinh khác cũng nhận thấy như thế.

Còn thằng Phúc, thằng này hay trốn và hay ăn cắp vặt. Tôi bắt được nó đến lần thứ ba, nếu dùng hình phạt trừng trị có lẽ nó còn trốn nữa. Chúng tôi suy nghĩ, rồi dùng một cách đơn giản là thả lỏng cho nó, để nó chơi mặc sức, giờ các bạn đi học, đi làm việc, vẫn cho nó chơi. Buổi tối hay buổi trưa để nó một mình đi lại

ngoài sân không kiểm thúc gì cả. Sau một tuần lễ như vậy, nó chán không nghĩ đến việc trốn khỏi trại nữa.

— Ông có biết tại sao nó không muốn trốn ?

— Vì nó được thả lỏng. Cũng như những đứa trẻ

ở nhà ông hay nhà tôi. Nếu càng kiểm thúc, nó càng tìm cách phá ra khỏi, như nồi nước sôi dậy chặt nhất định phải bật vung. Mờ vung, nước khắc lắng xuống. Đó chỉ là một kinh - nghiệm về tâm-lý.

Tôi hỏi tiếp :

— Còn tính ăn cắp vặt ?

— Cũng không khó gì cả. Có hai lẽ, lẽ thứ nhất, nó ăn cắp để dự trữ tiền bạc, vật dụng dùng vào việc trốn, lẽ thứ hai, lấy một vài lần rồi thành thói quen. Tôi giao cho nó trách-nhiệm phải trông nom đồ đạc của chúng bạn khi bọn này đi vắng.

Ông kết-luận :

— Với mỗi đứa trẻ, dù bướng bỉnh

đến đâu cũng có thể áp - dụng khoa sửa chữa không phải dùng đến roi vọt. Tuy nhiên bên cạnh sự mềm dẻo, vẫn phải có một cái roi cho chúng sợ. Tôi làm nghề này gần ba chục năm, những điều tôi mình chứng được, không phải là lý-thuyết mà là thực-hành.

Tôi nói với ông những điều tôi nghĩ về nguyên-nhân đã đưa bọn trẻ đến trại Giáo-hóa, hay một cách khác, sự « suy-nhược » của một số trẻ nhỏ sau thời chiến - tranh, ông đáp :

— Tôi lãnh phần sửa chữa, bên cạnh những người có trách-nhiệm khác, hằng lo đến sự sửa chữa cho lũ trẻ vô thừa nhận, phạm-pháp. Nhưng tìm ra nguyên-nhân là phần của các ông. Tôi muốn nói, phần lớn của các ông. Chúng tôi chỉ suy nghĩ những trường-hợp trực tiếp. Thí dụ như bọn nhỏ muốn trốn, thì tìm vì nguyên-nhân nào mà nó hay trốn.

Tôi nhìn ra sân trại, quang cảnh vẫn vắng lặng như một lớp học giờ học trò ngồi viết bài.

Một vùng ánh sáng rất rộng và một đóa hoa dâm dụt nổi bật trên nền xanh lá cây. Tiếng chim sẻ kêu như ngày mùa ở thôn quê.

Khi tiễn chân tôi ra cửa, ông nói thêm, trại cần được các nhà hảo tâm gửi tặng sách báo. Và một điều cần nhất, có nước uống đầy đủ trong mùa nắng sắp tới, vì trại có mấy giếng nước, đều ở trên địa thế cao, cho nên mạch nước dễ khô cạn.

Tôi nghĩ việc đó thuộc về phần các nhà cầm - quyền. Cũng không phải là điều nan giải, thêm một cái xe nước là mọi việc đều êm đẹp cả.

V. T. L.

Hãng TRƯỜNG

XUẤT-NHẬP-CẢNG

Đại - Lý

Văn-Phòng tại SAIGON :

11, đường Pasteur

Điện-thoại : 20.432

Địa-chỉ Điện-tín: ETRUNIMEX SAIGON:

: NHA-TRANG :

39, đường Phan-bội-Châu

: QUI-NHƠN : 29, đường Gia-Long

ĐÀ-NẰNG : 52 Bến Bạch-Đằng

TÀU :

«NHỰT-LỆ» — «TRƯỜNG-SƠN» — «ĐẠI-HẢI» — «THĂNG-LONG»

«TIỀN-PHONG» — «THỐNG-NHỨT» — «PHÚ-QUỐC»

Thường xuyên : SAIGON — NHA-TRANG — QUI-NHƠN — ĐÀ-NẰNG

Chuyên chở cẩn thận và mau chóng

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A Queen's Road Central

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. * A *); à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN); à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Malta (British and French Bank); à Bâle (Banque pour le Commerce International); à Mexico (Banco del Atlantico); à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

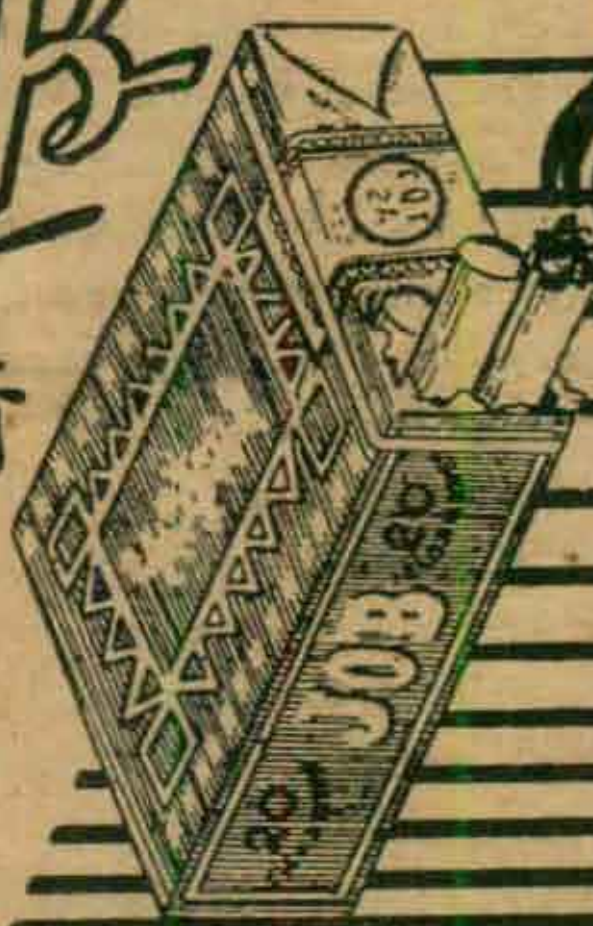
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ỀM DỊU
 KHỎI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XÃ NƯỚC TIỀNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟



Tiếng chuông báo nguy trong làng biên-khảo :

LẠI MỘT TRƯỜNG - HỢP

QUÊN ĐỀ XUẤT - XỬ !

★ — PHẠM-CÔNG-THIỆN

THƯỜNG thường mỗi một công-trình biên-khảo công-phu, các học-giả đều đề một bảng sách tham-khảo hoặc ở trước tác phẩm hoặc ở cuối tác-phẩm (*bibliographie*) để chứng tỏ công việc nghiên-cứu đứng đắn của họ. Bảng kê sách tham-khảo ấy đồng-thời còn giúp đỡ, hướng dẫn độc-giả đi tìm những tác-phẩm giá-trị để nghiên-cứu sâu rộng thêm về đề-tài đã đọc. Có nhiều học-giả thận-trọng còn đề tên nhà xuất-bản các tác-phẩm tham-khảo, cùng năm và chỗ xuất-bản, và ghi luôn những trang tham-khảo nữa. Việc kê bảng sách tham-khảo là một thông-lệ ở ngoại-quốc : nhưng ở Việt-Nam thực ít ai giữ được thông-lệ ấy. Chứng cứ là nhà văn biên-khảo được chú-ý khá nhiều hiện nay như ông Nguyễn-Nam-Châu mà cũng vẫn còn vấp phải điều sơ-xuất đáng trách là quên đề xuất-xử.

Có người gọi ông Nguyễn-Nam-Châu là « nhà phê-bình văn-học » (cf. Đại-học

số 11, trang 6). Tôi tưởng gọi như vậy cũng chưa đúng hẳn vì ông Nguyễn-Nam-Châu mới chỉ là một biên-khảo gia thôi. Tôi đã được đọc tất cả tác-phẩm của ông Nguyễn-Nam-Châu, nhất là quyển *Những nhà văn-hóa mới* và *Sứ-mệnh văn-nghệ*, tôi sẽ xin dành lại một bài phê-bình riêng vào một dịp khác để có thể nói đầy đủ hơn.

Hôm nay tôi chỉ tạm dẫn ra một trong những thiên khảo-luận của ông Nguyễn-Nam-Châu, *Vercors*, hình-ảnh một thể-hệ trí-thức (tạp-chí Đại-học số 8, trang 46-47) để xin góp một vài nhận xét.

Viết về Vercors đáng lẽ người ta phải đọc hết những quyển tiểu-thuyết chính của Vercors rồi lại còn đọc thêm những sách khảo-cứu về thân-thể, sự-nghệp và tư-tưởng của Vercors nữa. Nhưng đàng này, người ta có thể ngờ rằng ông Nguyễn-Nam-Châu không kịp đọc tất cả tài-liệu

như vậy và dường như ông chỉ mới nghiên-cứu, có một cuốn sách thôi mà cuốn ấy nhan-đề là *Littérature du XX^{ème} siècle et Christianisme* của Charles Moeller (nhà xuất-bản *Casterman*, Tournai, Belgique, 1957). Khi viết về Choloikov và Thierry Maulnier (*Niềm hy-vọng của con người theo Thierry Maulnier (Văn-hóa Á-châu số 14)* Pasternak và Choloikov, hai chúng nhân một thế-giới (*Văn-hóa Á-châu số 19*) phải chăng ông Nguyễn-Nam-Châu cũng không tham-khảo ngoài cuốn sách trên đây ? (cf C. Moeller, op. cit., trang 349-381, trang 382-416).

Dưới đây, tôi xin ghi lại những đoạn của hai thiên khảo-luận về Vercors của ông Nguyễn-Nam-Châu và của Charles Moeller để bạn đọc khỏi mất công tra cứu.

Thiên khảo-luận Vercors của Charles Moeller trong cuốn *Espoir des Hommes*.

[...] Né en 1902, Vercors, pseudonyme de Jean Bruller, est marqué par le sens du tragique qui caractérise l'humanisme depuis 1929 [...] il est né le 26 février 1902 ; ses parents, enthousiastes des fêtes du centenaire de Victor Hugo, voulurent l'appeler Victor Hugo [...] il n'est pas écrivain de profession, mais dessinateur [...] Jusqu'en 1940, les dessins de Vercors sont marqués par le désespoir devant l'absurdité de la vie :

Comme à tout jeune esprit lucide, c'est l'absurdité du monde qui m'est apparue tout d'abord. Pour qui connaît les dessins ... D'un rire amer, que provoquent la bêtise, la vanité, l'égoïsme, l'hypocrisie, l'inconscience, quand ce ne sont pas le cynisme et la cruauté (PMH, p. 350-351).

Bộ « *Littérature du XX^{ème} siècle et Christianisme* » của Charles Moeller gồm có 3 cuốn :

— Cuốn 1 : *Silence de Dieu* (viết về Camus, André Gide, Huxley, Simone Weil, Graham Greene, Julien Green, Bernanos) dày 420 trang ;

Cuốn 2 : *La Foi en Jésus Christ* (viết về Sartre, Henry James, Roger Martin du Gard, Joseph Malègue) dày 365 trang.

— Cuốn 3 : *Espoir des hommes* (viết về Malraux, Kafka, Vercors, Choloikov, Thierry Maulnier, Bombard, Sagan Reymont, dày 506 trang.

Thiên khảo-luận Vercors của Nguyễn-Nam-Châu trong tạp-chí *Đại Học* số 8.

[...] Vercors tên thực là Jean Bruller sinh ngày 26 tháng 2 năm 1902, đúng vào năm Bách-chu-niên sinh-nhật của thi-hào Victor Hugo. Cha mẹ của Jean Bruller, đã vô - cùng phấn - khởi và định gọi chàng là Victor Hugo [...] Jean Bruller đã đi vào cuộc đời bằng nghề họa-sĩ và diễn-tả nổi công - phần, xao - xuyến ấy trong các họa-phẩm của mình : niềm công-phần, và xao-xuyến trước cái vô - lý của cuộc đời [...] ông đã diễn-tả lại tâm-trạng ấy như sau :

« Cũng như mọi tâm - hồn thanh - niên sáng suốt khác, lúc buổi đầu, tôi chỉ thấy có một sự vô-lý của cuộc đời. Những ai đã biết các bức họa...

... Mọi nụ cười cay đắng, mai-mĩa trước sự lố-lãng, kiêu-hãnh, ích-kỷ, giả-hình và vô tâm, nếu không phải là tàn bạo độc ác của cuộc đời » (P.M.H. trang 350-351).

L'état d'âme de Vercors à cette époque transparaît dans le personnage d'Arnaud, dans *Les yeux et la lumière*. Resté seul sur un plateau où il guette la venue de soldats ennemis, Arnaud se demande comment, alors qu'il est désespéré et ne croit à rien, il a accepté de s'engager dans cette « résistance » où il sait qu'il trouvera une mort dont il ne voit pas la signification. Il évoque alors son passé « d'homme douloureux que le néant de la vie terrestre désespère » :

...C'était depuis des années un désespoir nu et glacé. Avec même un revers qui n'était pas sans agrément : une certaine douceur de vivre..... Savoir que tout se vaut, que la réussite ou l'échec le bien et le mal, l'admiration cela ne veut plus rien dire passé la tête de ces fourmis rampantes que sont les hommes sur la minuscule planète qu'ils habitent (pour s'y agiter l'espace d'une seconde et mourir), qu'au fond tout cela est égal, tout à fait indifférent, oui, voilà qui rendait l'existence, en somme, tellement plus facile.

(Y.L. p. 132-133)

(Charles Moeller. op. cit, trang 321 - 323)

[...] « Eviter de souffrir », « voguer la vie », cette morale semble couler de source à partir du désespoir : logiquement, l'auteur des dessins cruels publiés sous le titre *Danse des vivants* aurait dû refuser de prendre part à la guerre de 1940. Sartre

Cái tâm - trạng ấy của Vercors sau này còn thể-hiện trong tâm-trạng của Arnaud, một nhân-vật trong cuốn « *Les yeux et la lumière* »... Anh chàng gia - nhập phong-trào kháng Đức. Lúc ấy đứng trên một cao-nguyên để chờ địch quân tiến tới, anh ta mới tự hỏi không hiểu làm sao mình lại gia-nhập một phong-trào vô-vị để đón lấy một cái chết vô nghĩa lý như thế này. Chàng nhớ lại quá khứ của mình thì thấy cũng chẳng nghĩa lý gì nốt. Chỉ là cuộc đời của « một anh chàng đau-khò, tuyệt-vọng vì cái hư-vô của cõi đời trần thế » mà thôi. Anh ta nghĩ :

« Đã từ bao năm rồi, chỉ là một sự tuyệt vọng trần-truồng, lạnh lẽo. Có cả một thứ mặt trái của nó cũng khá : một chút sống êm dịu nào đó.... Biết rằng mọi sự cũng đáng lắm, thành-công hay thất bại, sự tốt hay sự xấu, sự thán-phục v.v... (sic) như thế không có nghĩa là bảo đã hiểu được thân-phận con người là những con kiến bò trên cái mặt của hành-tinh nhỏ bé này (để cựa quậy trong đôi phút rồi chết). Như thế chỉ có nghĩa là rút cục mọi sự cũng như nhau cả, mọi sự đều không nghĩa lý gì. . »

(Y.L : tr. 132) (sic).

(Ông Moeller trích dẫn đoạn văn nào của Vercors thì ông Nam-Châu cũng trích-dẫn đoạn văn đó !)

(Nguyễn-Nam-Châu, op-cit. tr. 47-49)

[..] Nếu chỉ có một thế-giới loài người là găn-gũ thực-tại, mà rút cục con người ấy chỉ lại là những kẻ nhỏ nhoi, vô nghĩa, mỏng manh và tuyệt vọng, thì phải làm sao đây ? Sartre cũng đã đi đến sự khám phá ấy, và rút cục đã chọn

écrivait plus tard (en 1943), à partir de sa philosophie de la « liberté pour rien », qu'il n'y a aucune différence entre celui « qui conduit les peuples et celui qui choisit de s'enivrer solitairement »...

(C. Moeller, op. cit. trang 326)

Durant cinq années Vercors recherche le chemin qui devait rendre à Pierre Cange sa qualité d'homme. *La puissance du jour*, paru en 1951, apporta sa réponse. Pierre essayera d'abord de vivre « comme les bêtes », en menant l'existence du pêcheur de poisson qui se contente de travailler pour entretenir sa vie (PJ, p. 146, 149, 155).

[...] S'il a perdu sa qualité d'homme, il a gardé sa condition d'homme ; il ne peut s'en évader (PJ, p. 156). Il sait qu'il n'est ni ange ni bête (PMH, p. 37-38) et qu'il lui est donc impossible de se sauver dans l'abrutissement d'une vie animale, dans l'évasion des plaisirs, dans l'attendrissement de l'amour ou dans les paradis artificiels de l'œuvre d'art.

Pierre regarde son destin en face. Dé-muni de toute croyance religieuse, de toute certitude métaphysique, refusant toute solution facile, il ne connaît plus la route du salut. Lui-même doit faire le premier pas, mais les circonstances d'abord, les efforts de ses amis ensuite, vont remettre en marche le mécanisme paralysé. Les circonstances : une nuit de tempête où l'on est venu le réveiller pour lui demander son aide dans le sauvetage d'une barque en perdition. Pierre se dévoue pour les autres ; sans qu'il s'en

sự tự-do tuyệt-đối, dù là sự « tự-do vô-vi » (liberté pour rien) [...] vì con người và cuộc đời là vô-lý, đáng nôn mửa, cho nên « kẻ lãnh-đạo các dân-tộc hay kẻ lựa chọn cuộc đời nghiện ngập ích-kỷ một mình cũng không khác gì nhau ».

(Nguyễn-Nam-Châu, op. cit. trang 50)

Năm 1951, ông viết cuốn *La puissance de jour*, trong đó diễn lại tất cả lịch-trình mà Pierre Cange đã qua để tìm lại phẩm-giá đó.

Ban đầu, anh chàng thử sống như loài vật, bằng cách theo đuổi nghề đánh cá để mưu-sinh (PJ, trang 146-151) (sic) ; dần dần anh chàng trở nên kẻ cô-đơn tuyệt - vọng (trang 170). Anh ta đã mất hết phẩm - giá con người, nhưng vẫn phải bám sát lấy cái thân phận làm người, không thể nào thoát khỏi. Anh chàng cũng biết rằng mình không phải chỉ là con vật, cũng không phải là một thiên thần. Anh cũng hiểu rằng giữa cái vô-lý của cuộc đời này, không thể nào cứu-vãn nỗi con người bằng những cách « sống như xúc-vật, quên đời trong khoái-lạc, cảm-động trong tình-ái, hoặc sống giả tạo thú vui của nghệ-thuật được ».

Pierre nhìn thẳng vào số phận mình. Không còn niềm tin tưởng nào ở tôn-giáo, nghệ-thuật hay lý-tưởng nào nữa. Nhưng sự cứu-thoát đã đến bằng trực-giác trong một hoàn-cảnh tình-cờ : một đêm mưa bão có người đánh thức anh ta dậy để cấp cứu một con thuyền sắp đắm. Anh ta quên mình mà hăng-hái cứu-vớt những người bị nạn. Qua cơn đó, anh sức tỉnh và thấy rằng : « vô tình, anh ta đã hành-động cho ra con người » (malgré lui, il agit en homme, trang 147-156). Anh ta kinh-hoàng,

soit douté, l'élan qui nous fait courir au secours de nos frères, s'est réveillé. Lorsqu'il constate que « malgré lui, il a agi en homme » (PJ, p. 147, 156), il est heureux et épouvanté, enragé même à la vue de l'impossibilité de s'exiler de la fraternité avec les autres hommes et de vivre comme les bêtes.

(C. Moeller, op. cit., trang 335)

Vân-vân và vân-vân...



Xem như trên đây, chúng ta thấy ông Nguyễn-Nam-Châu thực đã quá vội vàng : mới đọc có một chương *Vercors et la qualité d'homme* trong cuốn *Espoir des hommes* (Littérature du XX^e siècle et christianisme, III) của Charles Moelles mà ông đã viết về Vercors ngay.

Nhưng ông Nguyễn-Nam-Châu cũng không dịch trọn thiên cáo-luận của Moeller; ông đã thêm bớt, sửa đổi rất khéo léo. Charles Moeller biên khảo về Vercors trong 28 trang; Nguyễn-Nam-Châu viết lại trong 12 trang (Đại-học số 8 trang 46-57). Như vậy, trong bài ông Nguyễn-Nam-Châu chỉ có phần mở đầu và phần kết luận là do chính ông viết, còn trọn phần nòng cốt của bài ông đều mượn lại của giáo-sĩ Charles Moeller. Ông đã vừa phỏng dịch vừa phỏng tác, vừa tóm tắt ý vừa đề nguyên ý và chỉ còn quên ghi lại xuất xứ ! Viết đến đây, tôi chợt nhớ tới câu của ông Nguyễn-Văn-Trung viết cũng trong tạp chí Đại-học số 8 : « Người ta tự hỏi khi... không đọc những tác-giả mà mình khảo-cứu, ai dám viết và làm sao có thể

sung-sướng và thấy rằng không thể nào xa rời anh em đồng loại mà sống ích-kỷ cô-đơn được.

(Ng. Nam-Châu, op. cit., trang 52).

viết một cách đứng đắn được. Nhưng có hề gì, ở cái thời có những người dám chép lại một cuốn sách cũ để tên mình này thì chỉ cần « cắt » của người khác mà « may » lại.» (Đối thoại, Đại-học số 8, trang 6).

Ông Nguyễn-Nam-Châu có ở vào trường hợp mà ông Nguyễn-Văn-Trung đã nêu lên một cách chua chát trên đây không ? Hay ông chỉ vì vội vàng, vì dăng trí, hoặc nhà in, nhà xuất-bản vì sơ xuất mà không đề xuất xứ ? chúng tôi xin nhường lại để bạn đọc phê-phán.

PHẠM-CÔNG-THIỆN

Ký tới : Bức thư trả lời Ông Phạm-Công-Thiện của Ông Lê-Thành-Nhân.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

ĐẦU ĐAU, NGƯỜI LÀM VIỆC NHIỀU



đều thích dùng
bút Parker T-Ball
VÌ NÓ VIẾT RẤT ÊM

Con người chính chắn làm sao ! Y biết rằng : tuồng chữ của y phải sạch và nét nhỏ, vì thế y dùng PARKER đầu hòn đạn, cây viết kỳ-diệu, đặc-tính của cây bút đầu hòn đạn hảo hạng này là : Nét đậm, rõ ràng, đều đặn, viết ra mực ngay, không nét nào bị đứt khoảng. Chỉ cần cọ nhẹ một tí là mực ra tức khắc.



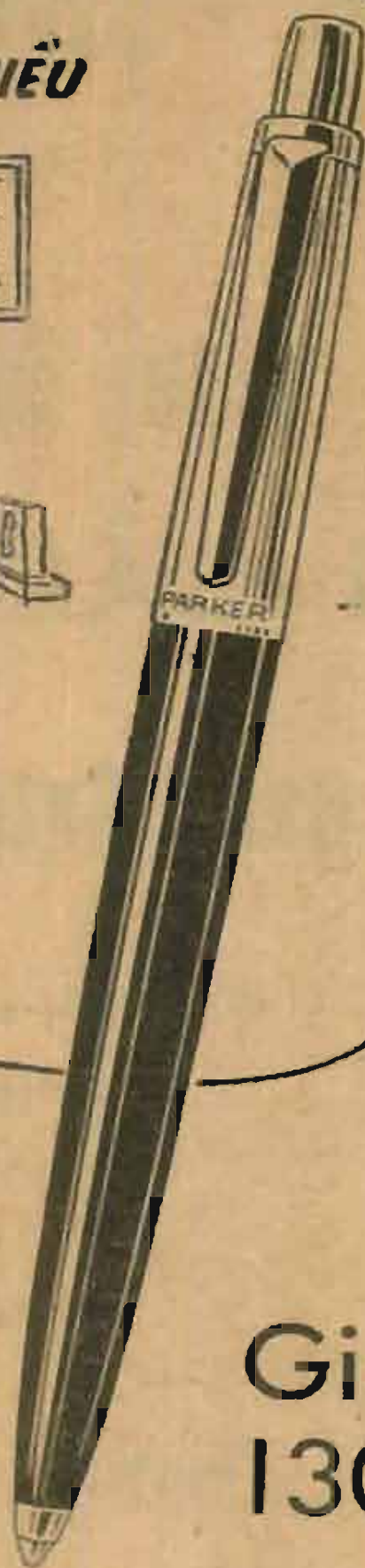
**HÒN ĐẠN CÓ NHIỀU LỖ NHỎ :
SẢN PHẨM ĐỘC-HỮU CỦA PARKER**

Hòn đạn có xẻ nhiều rãnh nhỏ bám sát giấy.
Hàng ngàn tế-bào nhỏ li-ti giữ mực luôn luôn
sẵn sàng để viết tức khắc.

Parker *T-Ball* đầu hòn đạn

MỘT SẢN-PHẨM CỦA  PARKER PEN CÔNG-TY

9-8214 Fr.



**Giá :
130\$**

TRẢ LỜI CUỘC

PHÒNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ XXXVI. — Cô TRÚC-LIÊN

Tên thật : *Vô-Thị-Tuất.*

Sinh năm 1929 ở Tân-hưng (Sà-đéc)

Nhập tịch làng văn, làng báo từ năm 1948.

Làm thơ, viết truyện dài, truyện ngắn.

Cộng tác với các báo : *Mùa gặt mới (Huế), Tin điện, Tiếng chuông, Tuần san Phòng Thương-mại, Nhân loại, Cách mạng quốc-gia, Giáo-dục phổ thông, Phổ thông, Vui sống...*

[...] Theo tôi, văn-nhân nước Việt ta rất thành-công trong truyện ngắn, từ những truyện có cốt truyện đến những truyện không có gì cả ; chỉ một mảnh đời vụn vặt, chỉ một tâm-trạng gút mắt, thế mà nhiều lúc tôi đọc say sưa, thích thú y như khi đọc tác-phẩm của những văn hào tiếng tăm thế-giới.

Có lẽ anh không mấy hài lòng câu trả lời của tôi. Thật sự, khi cầm bút, tôi cũng định nhắc lại một truyện đang thích, nhưng cùng lúc, bỗng dưng dồn dập đến trong đầu tôi bao nhiêu truyện khác, cuối cùng tôi đâm lúng túng trước sự lựa chọn quá khó khăn ấy.

Biết làm sao, tôi chỉ là một kẻ đứng trước khu vườn đẹp, nhìn trăm hoa đua nở, tay muốn ngắt một đóa, nhưng lại

tiếc rẻ bao nhiêu đóa khác cũng mận mà hương sắc, đành không hái đóa nào, như thế có lẽ hơn, phải không anh ?

Riêng về truyện ngắn nước người, lại càng khó hơn nữa, anh ạ. Tôi đọc Somerset Maugham, Vicky Baum, Giovanni Guareschi, André Maurois và nhiều nhà văn quốc-tế khác, mỗi người đều có một lối diễn-tả riêng, một quan-niệm đời sống riêng, có người hợp với tôi về văn-chương, người khác lại hợp về tư-tưởng hoặc về tình-cảm. Có thể nói mỗi truyện đọc qua đều không nhiều cũng ít để lại lòng tôi một chút gì lưu-luyến. Thế mà hôm nay, dù cố mọi óc để tìm một trong những truyện cũ thì cốt truyện quên mất, tư-tưởng hay cũng phôi-phá, còn chẳng chỉ một thoáng đẹp, dư vị của cái thích lúc bấy giờ mà thôi.

Vậy tôi chỉ xin nhắc lại một truyện mới nhất tôi vừa đọc nhưng rất thích : « *Les hommes de dix-huit ans* » của *Dorig Ollivro*.

Chuyện xảy ra trong một trường Đa-Tô giáo.

« Một buổi sáng, vừa đến trường, cha Cadie cời áo ngoài, lấy nón xuống để máng lên móc. Tình cờ mắt ông đưa đến một vật gì trắng trắng nép sau vòng da bên trong nón, ông tò mò dỡ ra thì là một bức thư tình của một nam sinh-viên gửi cho một nữ sinh trường kế cận. Thì ra từ lâu rồi, cô cậu dùng chiếc nón đáng kính của ông làm hộp thư để trao đổi những mảnh tình vụn vặt. Từ ngạc-nhiên qua giận dữ, ông định làm to chuyện. Nhưng qua lúc suy nghĩ, ông lại để yên xếp trả bức thư vào chỗ cũ, một vì lòng tò mò muốn hiểu thêm tuổi trẻ, hai vì thấy trong thư toàn những lời đứng đắn, không vượt ra ngoài lễ giáo. Từ đấy ông phiêu lưu theo mối tình của đôi thanh-thiếu-niên ấy.

« *Tous les jours, Saint-Yves écrivait à la Providence ; tous les jours, la Providence répondait à Saint-Yves, et le vénérable chapeau se remplissait de soupirs ennuyés, d'admonestations vigoureuses, de confidences attendries et de millions de baisers* » (1)

« Đến một hôm, hai trẻ bỗng giận nhau vì ganh đua sự học ; qua những ngày dài dằng dặc, ông băn-khoăn lo nghĩ, chờ đợi bức thư xin lỗi. Nhưng tuổi trẻ hiếu thắng, không ai chịu nhường ai, ngày nào chiếc nón cũng rỗng không và mỗi lúc tan học ông lại tất tả đi xuống phòng máng áo, móc gần rách vành nón, vẫn không có gì. Nhìn

đôi mắt trẻ thơ héo dần, lòng ông càng buồn hơn mỗi khi cầm chiếc nón.

« *...Cependant, sur le chemin de la Providence, le chanoine Cadie promenait avec tristesse son vénérable chapeau. Ce vénérable chapeau que parfumaient jadis toute la grâce des printemps et qui n'était plus qu'un couvre-chef pareil à tous les autres couvre-chefs, sans joie ni trésor secret* ». (2)

Một cốt truyện nhẹ nhàng, đọc xong thấy lòng vui lên theo cuộc tình duyên thơ dại và buồn cười nỗi băn-khoăn của một người đã thoát tục, bắt buộc phải dùng mưu chước để cho đôi trẻ làm lành với nhau. Ông âm thầm không cho chúng biết một bàn tay thứ ba đã gián tiếp giúp vào, để rồi mấy năm sau, hồn nhiên nghe lời thú tội của đôi trẻ giữa buổi tiệc tân hôn.

Tác-giả có một lối văn dí dỏm, đầy thi vị, nụ cười nhẹ nhàng sẽ luôn phảng phất trên môi người đọc, vì mỗi câu mỗi lời đều gợi lên một hình ảnh buồn cười nhưng đẹp đẽ.

★

Anh có hài lòng chút nào không ? Có lẽ chuyện tôi kể xoàng quá anh nhỉ, nhưng

(1) Ngày nào trường nam Saint-Yves cũng viết thư cho trường nữ Providence, và ngày nào trường nữ Providence cũng trả lời cho trường nam Saint-Yves, và cái mũ đáng kính chứa đầy những tiếng thở dài buồn bực, những câu trách móc quyết-liệt, những lời tâm-sự cảm-động và biết bao là triệu cái hôn.

(2) . Nhưng mà, trên đường đưa đến trường Providence, nhà tu hành Cadie đi, về một cách buồn bã, mang theo cái mũ đáng kính của mình. Cái mũ đáng kính này, xưa thơm ngát cả cái duyên dáng của mùa xuân, giờ đây chỉ là một cái « chụp đầu » giống như tất cả thứ chụp đầu khác, chẳng chứa một niềm vui, không giấu giếm một kho tàng bí-mật.

(Người phụ-trách cuộc phỏng-vấn dịch)

lúc đọc tôi thích thú vô cùng. Trong truyện không có những nhân vật phi-thường, không có những tư-tưởng cao cả, chỉ có đôi tâm-hồn ngây thơ chưa hiểu đời, bơ vơ trên đường tình, và một nhà tu hành không biết chút gì về luyện ái cũng cố đem hết sức mình để gián tiếp dìu dắt cho đôi trẻ bước vào con đường tươi sáng.

gạt bỏ được tự ái và ích kỷ của tuổi nông-nghềnh.

Tôi thích giọng văn trong sáng đầy thú vị của tác-giả và nhất là cốt truyện, đó là phản ảnh của của sống hằng ngày với đủ cái rắc-rối, buồn, vui, toan-tính, và đủ cái nông nghềnh [...]

CỎ TRÚC-LIÊN



★ XXXVII.— SƠN-NAM

Họ Phạm. Sinh năm 1926 tại làng Đông-thất, quận Gò quao (Rạch-glá).

Viết báo, viết oãn, chuyên vẽ cảnh, người, vật, phong tục, đời sống miền Hậu-giang.

Từng cộng tác với các báo: Nhân-loại, Bông lúa, Lẽ sống, Phụ-nữ diễn đàn, Văn-hóa Á-châu, Vui sống. Hiện chủ-trương nhà xuất-bản Phù-sa.

Đã xuất bản: « Chuyện xưa tích cũ. I » (1957); Con cá thu thi, Chiếc ghe ngo, Đón gong thưng Quít, Thùng thiết giết anh hùng (trong loạt « Tin yêu đất Mẹ » của nhà xuất bản Trùng-dương). Đã xuất bản: Nguyễn-Trung-Trực (cùng Ngọc-Linh...), Tìm hiểu đất Hậu-giang.

« Truyện ngắn (Việt và ngoại-quốc) nào bạn cho là hay nhất, hoặc ưa thích nhất ? »

Câu hỏi thật khá rắc rối ! Có nhiều truyện hay nhưng tôi không ưa thích. Có những truyện tôi ưa thích nhưng nó không hay...

Tự bấy lâu nay, trong « làng văn chợ báo » đã xuất hiện mấy tiếng « lành mạnh, xây dựng » hoặc Chân, Thiện, Mỹ để làm tiêu-chuẩn hầu định-đoạt giá-trị một áng văn... Nói chung, những truyện ngắn mà tác-giả muốn xây-dựng, lành mạnh... đều hay, nhưng tôi không thích. Tại sao ? Có lẽ vì tình-cảm của người viết truyện không chân-thành đến mức độ 100 phần 100. Họ có thiện-chí đấy — nhưng họ quá gò ép họ. Tôi liên tưởng đến những chàng (và những nàng) lực-sĩ, thân hình thiếu tráng-kiến, bắp thịt

chưa nở nang đầy đủ, nhưng rón co tay, thót bụng, vận nội-công, gồng lên... Và ngoài da lại còn thoa thêm một lớp dầu mỡ bóng loáng...

Vì bản chất thiếu tráng-kiến nên các lực-sĩ này chỉ biểu-diễn « quanh quẩn mãi một vài ba dáng điệu »... Và một số khán giả đâm ra thương hại họ...

Tôi nói thành thật như thế, không phải là công kích ai — hoặc khuyên tất cả mọi người đừng luyện tập làm lực-sĩ, suốt đời cam tâm giữ thân hình eo-uột bịnh hoạn !

Nghệ - thuật phải hồn nhiên, — đồng thời cũng phải trau chuốt về kỹ-thuật. Hồn nhiên và trau chuốt là hai điểm không mâu-thuẫn nhau ; trái lại, dung - hòa nhau để tạo nên cái Đẹp.

Một khi người ta đã khỏe mạnh thật sự thì cần gì ở trần, gồng tay, thoa mỡ dầu...

Cứ đi đứng tự nhiên, mặc quần áo che phủ thân thể... Dầu ngồi chồm hồm, ngồi xếp bằng hoặc trọt tể... thì động - tác, dáng điệu cũng vẫn đẹp như thường...

Tôi rất khắt - khe với loại truyện ngắn, tiểu - thuyết. Nếu đọc thì đọc vài đoạn (truyện do tôi viết ra, tôi lại càng không đọc vì nhột nhột quá). Văn hay chẳng luận... đọc nhiều... Có lẽ vì khí hậu, thời tiết nóng nực.

Thời tiết, khí hậu quan-hệ mật thiết đến văn-đề thường-thức văn xuôi... Ở miền Nam nước Việt, bấy lâu nay đồng - bào « nói thơ, nói truyện Tàu » ; một người đọc (hoặc ngâm nga) đề cho những người xung quanh nằm trên vóng lim dim đôi mắt mà thưởng-thức.

« Ai ơi lắng lặng mà nghe »...

Câu ấy không phải là tiếng của cụ Đồ - Chiếu kêu gọi những độc - giả của ông — nhưng chính là tiếng của người nói thơ Văn - Tiên nói với cử tọa nằm vóng lim dim ở chung quanh. Điềm ấy rất quan - trọng. Những người khắt - khe cho rằng thơ Lục-Văn-Tiên, truyện Tàu (do các người Việt miền Nam dịch lại) ngô nghê, thô kệch. Biết đâu những đoạn, những chữ ngô nghê ấy là những công thức cần thiết... để người nghe có thể lãnh hội, *Cả kêu tức là chằm kêu* (1). « *Thứ này đến thứ...* » « *Đây nói về lúc Tiết-Đình-San...* » tức là qua chương mục khác... vân vân...

Tóm lại, truyện hay phải là truyện đọc ra tiếng mà « nghe » được, truyền cảm được. Cốt truyện phải có — cốt này có thể tóm tắt trong một phút nhưng vẫn có thể nói mãi mà chưa hết.

Tôi còn nhớ lối giữa năm 1938, nhật báo « *Điện-Tín* » ở Nam do ông Lan-Đình Bùi-Thế-Mỹ làm chủ bút, có tổ-chức một cuộc thi truyện ngắn toàn-quốc. Ban giám khảo đã đặc-biệt chú ý đến truyện « *Muồng-Tênh* » của ông Không-Nghi ở Sầm-giang, và định chấm giải nhất, nhưng tiếc thay, ông Không-Nghi lại có một truyện khác dự thi mà kém xa truyện « *Muồng-Tênh* », thành ban giám khảo cho ông Không-Nghi viết chưa đồng đều, nên đề truyện « *Muồng-Tênh* » xuống hạng ba. Số « *Điện-Tín* Tết năm kị-mão, 1939 », có đăng truyện này, mà năm rồi, tạp chí « *Nhân-Loại* », số 3, bộ mới, ngày 30-9-1958, có đăng lại.

Hai mươi năm qua, đọc lại, tôi vẫn còn thích « *Muồng-Tênh* ». Cốt truyện đơn giản quá ! Anh chàng Muồng-Tênh, người Kờ-me, (tôi không muốn dùng tiếng mới : Cam-bốt) ao ước sống cuộc đời « *Bô-hê-miên* » với người yêu, bên cỗ xe bò...

Nhưng rồi nàng phụ chàng, ưng người giàu có. Chàng đau khổ, nhưng thay vì giết người khác hay tự giết mình, chàng gọi tặng cỗ xe với đôi bò — tất cả sự nghiệp của chàng, vì nàng mà có — cho người chẳng giữ lời nguyện, gọi là « *mừng đám cưới* » ai. Rồi chàng ra đi (đi bộ) với hai bàn tay trắng để làm lại cuộc đời, lòng thơ thới, trong khi «... cảm-dộng vì chàng, tiếng đồn « *Khène* » dlu dặt trong khoảng không gian » :

« *Đêm đã đến rồi, em hãy ngủ.* »

« *Anh hôn em và ôm em vào lòng.* »

« *Đôi ta nằm trên cái giường đẹp bằng đồng.* »

Ồi ! cỗ xe bò lắc lư trên đường gió bụi mịt mù, làm sao sánh được với cái giường đẹp bằng đồng vững chãi trong cái nhà chắc chắn !

Cái tâm-lí chất phác... Nhưng tôi xin nhường lời cho bậc đàn anh xấu số, ông Lan-Đình Bùi-Thế-Mỹ :

« Mô tả cái tâm-lý chất phác của người dân quê Cao-miên, ông Không-Nghi, tác-giả truyện « Muồng-Tênh », đã thành-công một cách tốt đẹp. Câu chuyện tình-ái ông đã vẽ trong « Muồng-Tênh » cũng giống như một bài Đường-thi hay một bức tranh thủy mặc của Tàu, khiến cho người ta sau khi đọc xong, hay ngắm rồi, hãy còn như cảm thấy hương thừa vị sót. »

Ông Không-Nghi đã khéo diễn tả tâm-hồn của người Kờ-me, dễ-cai đức tánh của dân-tộc bạn.

Thoạt xem qua, chàng Muồng-Tênh của chúng ta dường như khờ dại. Nhưng cái khờ dại ấy là sự khờ dại hình-thức cổ ý. Khờ dại vì chơn chất, thật thà. Thà là... thật thà mà bị hiểu lầm là dại còn hơn điểm dàng, xảo quyết mà... được tiếng là khôn.

Truyện ấy viết rất ngắn. Đọc qua ba bốn câu đầu là chúng ta sống chìm trong bầu không-khí đặc-biệt... Vòm trời vừa sáng sủa vừa âm-u... Đâu đây, hình dáng hàng cây thốt-nốt phơi mình trong bụi trắng bên bờ hồ Ton-lé-sap ; những người không sợ nắng đang bước những bước chậm chạp, đều đều, cồ kính...

Tôi chỉ đơn cử một thí dụ trên đây.

Có nhiều truyện ngắn xưa (đã đăng trong « Tiểu-thuyết thứ bảy », « Phong-hóa »...)

đã được tôi thích thú hồi tôi còn trẻ. Nhưng đến bây giờ đọc lại thì thấy lạt lẽo quá, đôi khi lại « vô duyên » nữa...

« Ainsi commença le déclin de Zarathoustra ». « Bao nhiêu nhan sắc đã tàn phai, Bao nhiêu người đẹp răng long cả ! »

Nhưng tôi biết ơn những nhà văn tiền-bối ấy. Họ vẫn có đóng góp phần nào... Sách của họ vẫn tái bản, bán chạy. Tôi không muốn công-kích và đả phá họ. Nhưng tôi sao vẫn thấy tác-phẩm họ như những món địa-khai (fossile): sau mười năm đau khổ của toàn dân, tôi mong được đọc những gì không cũ-kỹ quá, đừng xa lạ quá...

Làng văn nước Việt đang sản-xuất nhiều cây bút viết truyện ngắn... Họ làm việc rất tài tình, hạ bút thành văn, viết một mạch không cần đọc lại, dưới cơn mưa dầu nắng lửa miền nhiệt đới, trong quán cà-phê Tàu hoặc trong nhà lá của đô-thành... (bên cạnh tiếng than vãn của vợ con và đôi khi của... cả bao tử mình)... Họ viết cả trăm truyện hàng năm... Trong 100 truyện ấy cũng có một truyện hay, nếu chúng ta có công và cố công tìm kiếm.

Tôi không đề cập đến những cây bút dịch cầu thả hoặc phóng-tác truyện ngắn Tây, Tàu, Mỹ, hoặc « mạ » lại truyện ngắn cũ của chính họ hoặc của người khác.



Tôi ít đọc sách chữ Pháp (sách chữ Pháp bán mất quá !) — chữ Anh thì tôi không biết.

Ngoại trừ những loại cồ-diễn trong chương-trình Pháp ngày xưa, tôi được dịp đọc thêm vài quyển khá hay — mua... đại

giảm giá. Người Âu, người Mỹ theo một quan-niệm nhân-sinh, vũ-trụ hơi khác người Á - đông chúng ta. Đọc họ đề mà biết, đề mà so sánh vậy thôi !

Trong hàng ngũ văn-sĩ Mỹ, Henry Miller là cây bút thành thật nhất, độc đáo nhất. Ông này viết những mẩu chuyện, những mẩu tùy bút, ngắn có, dài có... Lối hành văn táo bạo, những ý tứ thô tục — thô tục vì quá thành thật. Henry Miller là người hiểu rộng, khát - khao chân - lý. Những mẩu chuyện của ông được màu triết - lý nên khó mà tóm tắt được. Ngoại trừ vài quyển ác độc (không nên cho người vị thành - niên đọc) ta nên xem qua đề cảm thông : *Plexus, Dimanche après la guerre,*

Le cauchemar climatisé... Le sourire au pied de l'échelle...

Jacques Chardonne (người Pháp) viết rất êm dịu, rất sâu sắc, đọc không nhúc đầu.

Vasco Pratolini (người Ý) có tâm hồn rất đẹp.

(*Chronique des pauvres amants, Destinée...*)

Trên kia, tôi đã nói : quan - niệm về nhân - sinh, và vũ - trụ của người Âu, Mỹ hơi khác người Á - đông chúng ta, tôi còn quên : còn không giống nhau về quan-niệm thẩm-mỹ nữa.

SƠN - NAM



✱ XXXVIII. — BÒ VÂN-TRANG

Tên thật Nguyễn-Huệ-Trang. Sinh năm 1925 tại Phước-long (Rạch-giá).

Chuyên về mẫu-giáo ; sáng-tác theo hướng đi của Tân giáo-dục, và truyện thường lấy cảm hứng cùng đề-tài, nhân-vật của ngành giáo-dục mới này.

Đã xuất bản : Người ăn trộm (1957, truyện giáo-dục nhi-đồng) và Phụ-huynh nên biết khi cho con em đi học. Người mẹ sáng suốt (1957, cùng soạn với Thiên-Giang).

Có lẽ suốt đời tôi không thể quên được cái cảm-giác bồng-bột, say mê sau khi đọc hai truyện ngắn « Nhóm lửa » (1) và « Miếng thịt bò » (1) của Jack London : cái lối văn cuộn cuộn như nước lớn nó cứ cuốn tâm trí mình theo như cuốn cánh bèo lề bặt. Đã đọc thì không dừng được, và khi dứt truyện mà cái say mê cũng còn cao

như đang đọc nửa chừng. Đã vậy, cái phần triết-lí trong truyện càng găm càng thấy thấm.

Luật đào thải trong truyện « Miếng thịt bò » vừa xác thực vừa tàn nhẫn, lưu lại trong lòng tôi một dư vị chua cay còn lâu mới phai đi được.

« Nhóm lửa » mô tả một con người tận lực chiến đấu với Thiên-nhiên để giành sự sống. Kỹ-thuật viết đưa đến cho người đọc một cảm-giác hăng hái mặc dù con người trong truyện sau cùng đành thất bại !

Nói chuyện ao người mãi mà quên mất ao ta !

(1) Trong quyển « Một thiên tình hận », những truyện hay nhất của Jack London, do Anh-Liên chọn và dịch. Chim Đàn xuất-bản, Sài-gòn, 1955. Tuyển tập này gồm có năm truyện : Một thiên tình hận (An Odyssey of the north) Miêu-kì (Maouki) ; Miếng thịt bò (A piece of Steak), Mất mặt (Lost face) và Nhóm lửa (To burn fire).

Lỗi hành văn của anh *Bình-Nguyên-Lộc* trong truyện « *Hồn ma cũ* » (1) không thể coi thường ! Anh trở lại phăng dây, dò lỗi, mở gút dĩ-vãng một cách tài-tình, khéo-léo vô cùng. Câu chuyện vừa thương tâm, vừa tức cười ! Không biết hiện giờ trên trái đất đang « *đau đẻ* » đây, trong số những người chống chế độ này, chống chủ-nghĩa nọ, có ai chỉ vì một « *duyên cớ nhỏ xiu lúc ban đầu* » mà hò hét nơi này, mà phất cờ nơi nọ hay héo mòn ở một góc

(1) Đăng tập chí *Bách-Khoa*, số 4, ngày 1-3-1957, giai-phẩm « *Văn-hóa Này nay* » đăng lại, trong tập 2, giấy phép xuất-bản ngày 29-5-59.

trời mô, như anh chàng trong truyện « *Hồn ma cũ* » hay không, anh Ngu-Í nhỉ ?

À, nhưng còn tái bút câu này : Anh nhớ cách ngôn có câu : « *Hôm qua không giống hôm nay và ngày mai lại khác nữa.* » Vậy thì tuy khoảng trên tôi bảo rằng « *suốt đời tôi không quên...* », nhưng nếu một ngày nào đó có ai hỏi lại tôi, như anh đã phỏng-vấn tôi đã bảy tháng nay và hôm nay còn chịu khó nhắc lại lần cuối cùng, mà nghe tôi trả lời khác hẳn thư này, thì tôi cũng vẫn... có lý nhé ! [...]

VÂN-TRANG



★ XXXIX. — TRAN-VĂN-KHÊ

Sanh ngày 24-7-1921 ở Chợ-giữa, (làng Đông-hòa, tỉnh Mỹ-tho).

Theo ban Thuộc trường Đại-học Hà-nội từ 1941 đến 1943, từng làm Nhạc-trưởng Tổng-hội Sinh-viên Việt-nam.

Dạy học tư và làm phát-viên các báo «Thần chung, Tiếng chuông, Việt báo» tại Pháp.

Tốt nghiệp trường Chánh-trị Paris, môn Giao-dịch quốc-tế (1951) và Tiến-sĩ Văn-chương Pháp với luận án « Nền nhạc Việt cổ truyền » (VI-1958).

Hiện chuyên học và khảo nhạc cùng viết báo, diễn thuyết về nhạc Việt ở các trường Đại-học các nước châu Âu đề giới thiệu dân tộc Việt qua âm nhạc xưa, nay ; cộng tác với tập chí Bách-khoa từ 1958. Đã xuất-bản : « Con chúng ta sẽ làm gì ? »

(Ký : Quang-Hải, Phạm-Vân-Tươi, Sài-gòn, 1952)

Ng. thân mến,

« *Biết thì thốt, không biết dựa cột mà nghe* ». Trong cuộc phỏng-vấn văn-nghệ của *Bách-Khoa*, tôi chỉ muốn dựa cột mà nghe.

[...] Nhưng nếu phải trả lời với bạn rằng truyện ngắn Việt hay truyện ngắn quốc-tế nào *hay nhất* thì tôi cũng xin hàng. Ngay như những nhà văn đã từng đọc truyện ngắn nhiều hơn tôi cũng khó mà là cho truyện nào *hay nhất*. Muốn sắp hạng như thế phải đọc rất nhiều, phải

tự đặt trước nhiều nguyên-tắc căn-bản để làm tiêu-chuẩn, rồi đưa vào đó mà phân tách từng truyện để xem xét coi truyện nào từ nội-dung đến hình-thức đáng cho là truyện hay nhất. Công việc đó ra ngoài khả-năng của tôi. Vậy thì đành nói với Ng. truyện nào tôi thích nhất. Nhưng tôi vẫn thấy bối rối. Dầu Ng. hỏi tôi trong cổ-nhạc Việt tôi thích bài nào, điệu nào nhất, tôi cũng không thể trả lời dứt khoát. Có hôm tôi thích nghe điệu Bắc vui tươi, có hôm muốn

thả hồn mơ màng theo hơi Xuân, hay đắm đuối theo hơi Ai, Oán. Cái « thích nhất » của con người tùy từng lúc. Và đã nói là « thích nhất » tức là xem xét sự vật bên ngoài một cách chủ-quan. Ng. bằng lòng vậy chứ ?

Hiện giờ, trong lúc tôi đang viết thư này cho Ng., tôi thấy thích nhất truyện « Rừng mấm » của *Bình-Nguyên-Lộc* đăng trong *Bách-Khoa*, số 36, ngày 1-7-58.

« Một gia-đình nông-dân đã vì quá nghèo phải rời bỏ xứ Cao-lãnh « có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm » để đi khai phá vùng U-minh, nơi rừng sâu, nước độc, vắng cả « tiếng gà gáy, tiếng chó sủa ». Những người lớn như ông nội, cha, mẹ thằng Cộc tất nhiên có cái lý của họ, khi họ bằng lòng đến ở tại « cái xó không người » ấy. Nhưng thằng Cộc, nhân-vật chánh trong truyện, tuổi vừa 13, không hiểu được. Nó chỉ thấy khổ vì thêm chè, thêm xoài và thêm cả người. Đến khi bị một chị từ xa đến đây nhờ bôn bôn treu nó và hứa gả con Thôi, em gái của chị cho nó, thằng Cộc, vừa đến tuổi dậy thì đã mơ màng mái tóc con Thôi với nước da trắng mịn, đến muốn bỏ vùng U-minh mà đi, « đi đâu cũng được, miễn là ở đó có làng xóm, có người ta. »

Nhưng khi nghe ông nội nó nói đến những người xưa « ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung-phong tốp đầu liều chết đuối, lội qua tộ nước động hủ đường để làm cầu cho bạn đi sau vào đến nơi có thức ngọt, » cũng như cây mấm làm chắc đất

phù sa để cho sau này cây tràm và bao nhiêu cây ăn trái mới mọc được », thì thằng Cộc bằng lòng ở lại đất U-minh. »

Chỉ trong một truyện ngắn mà tác-giả nêu lên được một ý-nghĩa tượng-trưng : lòng hi-sinh, can-dảm của bậc tiền-nhân để mở đường Nam-tiến cho dân-tộc Việt và của lớp người đương thời đang tiếp tục công-trình của ông cha.

Lại có nhiều chi-tiết về tâm-lý như cái thèm của thằng Cộc. Nó thèm khế chua, thèm xoài ngọt là những món mà trước kia nó đã biết hương-vị mà nay nó không có nữa. Nó lại thêm một chuyện mà nó chưa biết bao giờ : nó thèm cái êm dịu khi nó hò đối đáp với con Thôi.

Chuyện lại đầy những nét vẽ lại đời sống gian khổ của người nông-dân trong đồng Cà-mau, một vùng « nóng, ẩm, còn muối mòng thì quơ tay một cái là nắm được cả một nắm dầy ». Phải đốt rừng, khoét rừng để làm ruộng, phải chịu làm 10 công đất mà gặt chỉ 8 giạ, phải dời lúa bằng cá khô, ăn rùa ăn rắn trừ cơm, mang đất từ xa lại, để trong nồi lụng dít, đặt nồi trên giá ba chơn để trồng rau, phải biết xem « bề dài của bóng giá mà tính giờ ».

Câu chuyện lại kể bằng một lối văn nhẹ nhàng, tự nhiên ; câu văn dùng toàn những chữ đặc-biệt miền Nam. Thịnh-thoảng một câu hò đem chút âm-thanh vào cảnh quá im-lặng của vùng Cà-mau, như một làn gió nhẹ.

Nhưng chuyện dẫu như thế mà không gợi được trong lòng tôi một tiếng dội thì chưa chắc tôi thích nó nhất.

Đảng này, từ nội-dung đến hình-thức, chuyện *Rừng mấm* của Bình-Nguyên-Lộc làm tôi bồi hồi.

Tôi thông-cảm với ông nội và cha mẹ thằng Cộc và nghĩ rằng chắc cũng có lúc họ thấy mệt mỏi, chán nản, nhưng viễn-ảnh của vùng Ô-Heo ngày mai thịnh-vượng hơn ngày nay, người đến sau sẽ gặp đất tốt hơn, có hoa quả có ruộng vườn, cho họ đủ can đảm mà ở lại.

Trong công cuộc sưu - tầm tài - liệu về Việt nhạc - sử, tôi đã gặp cảnh ngộ tương tự như thế : một mình dò dẫm, không thấy đâu là ánh sáng, nhiều khi đọc suốt 10 hôm liền không tìm được một chi tiết về nhạc-sử. Trong lúc mệt mỏi, nghĩ rằng mình mất thì giờ ngày nay để người đi sau mình đỡ nhọc công đôi chút lòng thấy phần khởi để tiếp tục việc khai phá vườn Việt-sử còn hoang vu.

Đọc đến đoạn nói về cái thềm của thằng Cộc, tôi nhớ lại nhiều đêm trăng bên này, tôi thềm nghe một câu hò, thềm được, như ngày xưa, « chèo ghe » dọc theo bờ sông, cạnh các bụi dừa nước, hay nhiều hôm thềm thấy tàu chuối phát phơ, những cái thềm mà người khác có thể cho là vô lý nhưng đã nhiều lần làm tôi ngơ-ngẩn suốt canh trường.

Tôi thích chuyện « *Rừng mấm* » nhất, vì nội-dung và hình-thức câu truyện hay, đẹp, nhưng một phần lớn vì tôi đề cảm thông với người với cảnh trong truyện, cảnh đồng Cà-mau, nơi tôi nương náu suốt mấy tháng trời trong buổi đầu của cuộc kháng-chiến.



Trong văn-chương quốc-tế, thật ra tôi thích truyện dài hơn truyện ngắn. Thành ra khi đọc câu hỏi của Ng. gửi đến, thử ôn lại trong trí nhớ chỉ có tên Alphonse Daudet (An-phong-xơ Đơ-đê) là còn rõ rệt nhất. Chấn Ng. còn nhớ rõ hơn tôi những chuyện mà chúng ta dịch ra Việt-văn 21 năm về trước, trong các giờ học tiếng nước nhà ở lớp Đệ - tứ tại trường Trương-Vĩnh-Ký, với ông thầy « Xiu hữu mai... » dáng nhỏ thó, tiếng to to, giọng đặc biệt Nghệ-Tĩnh, lòng thiết tha với tiếng mẹ đã làm chúng ta càng thêm tin, yêu văn-chương Đất Nước. Lối văn giản dị nhẹ nhàng như những câu nhạc, nhiều câu ngắn trở đi trở lại như điệp khúc của một bài hát đã làm cho tôi thích Alphonse Daudet. Nhưng trong các truyện, tôi thích nhất truyện « *Buổi học cuối cùng* » (*La dernière classe*). Chú học trò nhỏ vùng Alsace (An-za-xơ) của nước Pháp, một hôm định trốn học vì lỡ không thuộc bài văn-phạm, nhưng rồi cuộc, lại đến trường để dự buổi học mà cậu không hề là buổi học cuối cùng về Pháp-văn. Từ hôm sau, học-sinh phải học tiếng Đức vì vùng Alsace bị Đức-thuộc. Lần đó, trong giờ Việt-ngữ, tôi có cảm-giác rằng tôi là tên học trò nhỏ đó, và câu nhắn nhủ của ông giáo yêu nước suốt 40 năm tận tụy với nghề vang trong đầu tôi : « Khi một dân-tộc sa vào cảnh nô-lệ, ngày nào còn giữ được ngôn ngữ của mình, thì như giữ được chìa khóa để mở ngục tù giam hãm mình. »

Và khi dịch câu « Vive la France ! » của ông giáo Hamel viết lên bảng đen, tôi không thể viết « Pháp-quốc vạn-tuế ! » mà tôi lại viết : « nước Việt muôn

TRẢ LỜI CUỘC PHÒNG-VẤN

năm ! » — Ngoài khoản câu chuyện ấy làm cho tôi thấy yêu nước Việt, tiếng Việt muôn phần, « Buổi học cuối cùng » lại làm cho tôi liên tưởng đến « Buổi hòa nhạc cuối cùng của cô tôi ». Như Ng. đã biết, cha mẹ tôi mất sớm, cô tôi nuôi tôi từ thuở nên mười đến lúc thành nhân. Ng. nhớ chăng năm đó, cô bị lao nặng. Tôi dạy học tư ở Sài Gòn, mấy lần muốn về thăm cô nhưng rồi lại thôi vì e sợ cô đòi tôi đem đứa con trai đầu lòng tôi về cho cô thấy mặt. Các bác-vĩ khuyên tôi đừng nghe lời cô vì đứa bé còn non nớt sợ dễ bị truyền-nhiễm. Nhưng một hôm, tôi đánh bạo về thăm cô. Có cậu năm tôi ra chơi nhà, cô lúc đó tắt tiếng không nói được, viết trên một mảnh giấy câu : « Con hòa đờn với cậu năm cho cô nghe một lần trước khi cô chết. Cũng như tể sống cô vậy. » Tôi vừa đờn mà nước mắt ràn rụa. Người đã hi-sinh cả đời nuôi tôi nên người có lẽ hôm nay nghe tôi đờn lần chót. Đến mấy đoạn hay, cô tôi gật đầu cố sức mỉm cười — Tiếng đàn dứt, cô tôi nắm tay tôi nhìn mặt khóc. Nhưng nước mắt cô tôi đã cạn và lúc này cô tôi cười như mếu, mà khóc không ra một giọt lệ ! Đến lúc

sắp mất cô tôi, tôi mới biết quý người cô vừa là cha vừa là mẹ, người tôi yêu kính nhất trên đời. Biết như thế mà cô tôi còn sống được bao nhiêu ngày và tôi đã làm gì để đền đáp nghĩa cả tình sâu ?

Tâm-trạng tôi lúc bấy giờ không khác gì tâm-trạng của đứa bé trong truyện. Cái gì sắp mất đối với mình thường có một giá-trị đặc-biệt.



Có lẽ « Ng. phòng-vấn-viên » đã thất vọng. Tôi đã quá chủ-quan, trong mấy câu trả lời. Hai câu chuyện trên tôi thích nhất vì những lý-do riêng biệt hơn là vì giá-trị văn-chương tuyệt-đối của nó. Nhưng hẳn « Ng. người bạn » cũng có chỗ hài lòng : người bạn xa xôi của Ng. đã thành thật với chính mình, và trong vài phút đã đưa Ng. trở lại thời đôi chín...

« Nhưng nào đâu những áng tuyệt của thời xưa ?... »

Quê người, Trung-thu Ký-hội (1959)

TRẦN-VĂN-KHÊ

CẦN GẤP

Chúng tôi cần gấp mấy tập thơ thời liên-chiến sau đây :

- Điều-tàn của Chế-Lan-Viên
 - Hận chiến-trường của Trần-Thanh-Tĩnh
 - Gửi hương cho gió của Ngô-Xuân-Diệu
 - Tiếng địch sông Ó, Lòng hối hận của Phạm-Huy-Thông,
- để làm tài-liệu. Bạn nào còn giữ, xin cho chúng tôi mượn để sao lại — tại chỗ, hay được đem về — chúng tôi rất cảm ơn.

B. K.

★ XL. — TRANG-THẾ-HY

Sinh năm 1924 tại An-hóa, (tỉnh Mỹtho, bây giờ thuộc tỉnh Kiến-hòa).

Bắt đầu viết từ 1957. Đã viết cho : tạp-san Nhân-loại, Vui sống, Ngày mới, Bách-Khoa, Phụ nữ diễn đàn...

Chuyên về truyện ngắn tâm tình thời đại.

Anh Nguyễn,

Trong bức thư sau cùng của anh nhắc nhở về cuộc phỏng-vấn, có câu : « ... Bằng như anh không vui lòng góp ý, thì cũng xin anh cho biết vì sao để chúng tôi rút kinh-nghiệm... »

Mặc dù trong ý-thức, tôi có chờ đợi một câu hỏi với tinh-thần đó, nhưng khi đọc nó, tôi có hơi buồn buồn. Tôi cảm-nhận rằng có lẽ anh đã gặp một số chuyện phiền bức chung quanh cuộc phỏng-vấn mà anh phụ-trách.

Vì sao lại có chuyện không vui lòng góp ý khi mình được mời phát-biểu với một thiện-ý quá rõ-ràng và nghiêm-chính ?

Cho nên, trong thư này, điềm tôi muốn nói trước nhứt là sở-dĩ tôi chưa phát-biểu về cuộc phỏng-vấn chẳng qua vì tôi suy nghĩ coi có nên phát-biểu hay không, chớ không phải là tôi thiếu nhiệt-tình hưởng-ứng đối với một cuộc phỏng-vấn như B. KH. đang tiến hành.

Và tại sao lại có sự cân nhắc nói trên ? Tôi quan-niệm rằng trên con đường tìm sự thật, con người không phải chỉ cần đến những ý-kiến hay nhứt gần sự-thật nhứt, mà vẫn phải cần đến những ý-kiến tầm-thường nhứt hay thậm chí những ý-kiến kém cỏi, phiến-diện, xa sự thật nhứt. Bởi chính nhờ nó mà tính-chất đa-dạng của nguồn cảm - nghĩ con người được phô bày ra.

Nhưng mặt khác tôi lại cho rằng người muốn phát - biểu ý-kiến — dù tự nguyện hay được hỏi đến — cần phải nghiêm-khắc đối với mình bằng cách suy xét cho kỹ để coi mình có tư-cách phát-biểu về vấn-đề được đặt ra hay không. Bởi có nói phải có chịu trách-nhiệm. (Về khoản này, tuy không muốn chút nào, tôi vẫn thấy phải nói đến một số trường-hợp đã làm tôi buồn bã chung quanh cuộc phỏng-vấn. Như một nhà khảo-cứu văn học nọ nói rằng ông không có đọc truyện Việt-Nam. Hoặc có vài nhà văn, nhà báo, học giả khác phớt bỏ không nói đến truyện ngắn Việt-Nam mà không nói về lý-do gì. Thái-độ khinh bạc hoặc bộc-lộ hoặc ngấm ngấm này sẽ tác động như thế nào đối với các bạn trẻ yêu văn-ngệ Việt-Nam và chỉ mới biết yêu về mặt cảm-tính ?).

Căn-cứ vào quan-niệm trên, tôi cho rằng tôi chưa có đủ tư-cách phát-biểu về những điều anh phụ-trách trước B. KH. mà hỏi tôi. Bởi :

- a) văn-nghiệp tôi chưa thành hình rõ-ràng (1);
- b) số vốn đọc và hiểu của tôi còn non (2)

(1) Nhưng anh quên rằng trong « Lời nói đầu » Bách-Khoa số 58 tôi đã viết : « ... làm phiên từ những bức dân anh nổi tiếng đạo « Nam-Phong », qua những bạn đồng lứa thời 39-45, đến những bạn mới trước bạ tên mình vào làng văn làng báo sau khi một tờ giấy cắt hai tỉnh Sông Núi ».

(2) Nhưng chúng ta thử hỏi có mấy ai dám tự hào cho cái vốn « đọc và hiểu » của mình đã « già » rồi ? Mà chúng tôi nào dám nghĩ đến cái « tuyệt đối », cái « chu toàn » « cái vĩnh-viễn » trong việc mình làm.

so với tầm quan-trọng của vấn-đề được đặt ra tham khảo dù rằng tổ-chức đặt ra vấn-đề đó (là B.KH.) đã khuôn hẹp lại yêu-cầu đến một mức cần-thiết cho sự phát-biểu được dễ-dàng, Làm việc gì — dù việc làm đó là « nói » — tôi vẫn tự hỏi coi nó có giúp

ích được gì cho người chung quanh chẳng, có làm sáng tỏ được điều gì chẳng ?

Chứng đó ý đủ giải-đáp hai trang « vì sao » ? Của anh chưa, anh Nguyễn nhỉ ?

Thân kính,
TRANG-THẾ-HY



★ XLI.— PIERRE — KÈN DARIVILLE

Sanh năm 1912 ở Huế.

Giáo-sư Triết-học, từng dạy Việt-văn ở ban Tư-tài các trường Pháp ở Sài-gòn (mẹ vốn người Việt miền Trung).

Vốn thông-tin-viên ở Pháp cho nhật báo « L'écho du Vietnam », 1948 (Tiếng dội của nước Việt) của Nguyễn-Phan-Long và hiện là biên-tập-viên cho tạp-chí « France-Asie » (Pháp-Á), từ 1948.

Viết báo, làm thơ, dịch văn, dạy học, diễn thuyết.

Tất cả những hoạt động về văn-hóa của ông đều hướng về một trọng tâm : nối liền hai dòng văn-hóa Việt, Pháp.

.....

— Giờ đây, truyện ngắn làm tôi thích nhất, thì anh đã biết rồi.

Tôi trở mắt nhìn anh.

— « Con thần-lần chọn nghiệp » của Hồ-Hữu-Tường. (1)

— À, phải rồi. Tôi dở thật ! Anh đã đề công dịch nó ra tiếng Pháp, thì hẳn là anh phải thích nó nhiều.

— Đúng hơn, là tôi thích nó nhất, vì nó đặt một vấn-đề trọng-đại của thời buổi chúng ta : vấn-đề Tự-do Chọn lựa, vì nó bao hàm một triết-lí : triết-lí về : Cứu-cánh và Phương-tiện.

(1) Đăng ở tuần báo « Mới », số 26, ngày 16-5-53 và ở nhật báo « Phương Đông », số 83, ngày 15-8-1954.

« Không bao giờ bằng lúc này, ở thời nguyên-tử chúng ta, loài người khao khát Tự-do, say mê Bác-ái, đòi hỏi Dân-chủ,

« Vậy, ta có thể nào thực-hiện Dân-chủ, Dân-chủ chân chính, bằng những biện-pháp phản Dân-chủ chẳng ?

[...] « Dân-tộc nào cũng cho mình là Dân-chủ cả. Song thử hỏi có mấy dân-tộc trên địa-cầu này đã dám tự-hào cho mình chỉ dùng những phương-tiện thật là Dân-chủ để thực-hiện cái chế-độ lý-tưởng mà loài người đã đồ không biết bao nhiêu là mực với máu ?

— Khoan ! Anh bước qua địa-hạt chính-trị rồi đó ! Đây là một cuộc phỏng-vấn văn-nghệ, Hãy « trở về những con cừu của chúng ta ! »

— Biết làm sao giờ ! Một khi triết-lí đem ra hành-động thì làm sao khỏi đụng chính-trị.

« Thôi, anh muốn « Triết » thì tôi nói « Lý » vậy.

« Con thần-lần chọn nghiệp của Hồ-Hữu-Tường gọi một...

— Một bài học ?...

— Tôi van anh. Chúng ta đâu phải ở trong lớp mà học với bài. Một... thôi thì dùng tạm : một «con đường», gọi một con đường Triết-học ; đó là :

« Các quốc-gia trên thế-giới cùng quyết tâm đạt Tự-do, được Bác-ái, đến Dân-chủ mà không dùng đến Bao-lực, Bất-công, Giả-dối, thì nhân-loại bước một bước khá dài trên con đường tiến tới Hòa-bình thật-sự [...]

« Một nhà sư tưởng rằng tụng đủ 1.000 lần kinh Di-Lạc, rồi tự thiêu mình, thì sẽ đắc đạo. Hai người khách lạ biết chuyện, thương hại cho người tu không sáng suốt. Một con thần-lần nghe được tiếng người quyết tìm cách ngăn người toan tự hủy. Rán uống hết đĩa dầu cho đèn tắt : sư chẳng thể tụng trọn bài kinh thứ 1.000. Nhưng kẻ nóng lên Niết - bàn đề tâm rình, bắt được thủ-phạm, nổi giận, mắng, rồi lấy dùi mỏ đập bẻ đầu con vật đáng thương. Rồi đêm ấy, có hai linh hồn nghe Phật dạy. Nhà sư bị tội tham, sân, si, sát sanh, nên phải chờ lớp người — do tro xác mình cháy hóa-nên — đắc đạo mới thành chánh quả. Con thần - lần đã chọn cách cưỡng bách đề độ nhà sư, là phạm đến tự-do kẻ khác, là kẻ áp bức, là hành-động trái với tinh-thần của Phật, nên được cho hóa sanh kiếp khác — như lời nó cầu

xin —, đề dùng phương - pháp tự-do mà độ vô số chúng sanh do những hột tro của xác nhà sư đã bị tung ra khắp bốn phương trời. Nhưng từ ấy đến nay, hồn con thần-lần chưa biết chọn phương-pháp tự-do nào mà độ hằng hà sa số người do tro xác họ hóa thành »...

Bằng anh ngừng trước mặt tôi, ngó tôi mà như chẳng thấy ; giọng anh xa xôi và mơ hồ như nói với người vắng mặt hay nói với kẻ ở một thế-giới nào xa, xa thật là xa :

« Thật chưa hề một lúc nào có một linh hồn bị trừng phạt phải đau khổ đến thế ».

[...] Chúng tôi im lặng, hai người cùng đuổi theo một ý-nghĩ chung [...].

— Thôi, hứa với hện là việc của mai sau. Giờ, tôi trả lời tiếp về truyện ngoại-quốc. Tôi thích truyện « *Les Aventures du dernier Abencérage* » (1)

Tôi ngắt lời anh :

— Của Chateaubriand ?

— Phải của Chateaubriand. Một truyện gọi là truyện ngắn dài hay một tiểu-thuyết ngắn cũng được (2). Mà anh cũng có đọc nó rồi à ?

— Lâu lắm. Hồi tôi 14 tuổi, lúc mới bước chân vào trường trung-học Trương-Vĩnh-Ký, mượn của thư-viện nhà trường.

— Thế anh còn nhớ gì không ?

(1) « Những cuộc phiêu-lưu của người thanh-niên cuối cùng dòng A-be-xê-ra-j' », viết năm 1807, xuất bản lần đầu năm 1826.

(2) Trong bài tựa, tác-giả gọi nó là « nouvelle ».

— Bộ anh định làm giám-khảo «truy» thí sinh sao ? Hai mươi bốn năm rồi...

— Ít hơn tôi. Tôi đọc nó lúc 13 tuổi. Đến nay được ba mươi bốn năm rồi. Đâu, anh thử nhớ lại coi. Ngày xưa...

— Ngày xưa..., nhưng mà không xưa gì mấy, vì câu chuyện xảy ra ở cuối thế-ki XV, ở nước I-pha-nho, tận một vùng mà tôi nhớ mãi-mãi có nhiều trái lựu và nhiều quả lựu-dạn, thì phải.

Anh phì cười :

— Grenade, có nhiều thiếu-nữ đẹp nồng nàn như « đầu tường lửa lựu... đơm bông ».

— Người Á-rập đã bị người I-pha-nho đuổi ra khỏi nước. Người cuối cùng nổi dõng « Abencérage » từng kiêu-hùng ngự-trị ở xứ này, lên về thăm lại « quê-hương », viếng mộ ông cha... Tình cờ chàng Á-rập đạo Hồi-Hồi này gặp dịp chịu ơn một nàng quý-tộc I-pha-nho sùng đạo Da-Tô. Thế rồi, hai bên nhìn thẳng, hai lòng cảm-thông. Họ yêu nhau, say đắm và trong sạch. Nhưng vì thuộc hai chủng-tộc cự thù, hai tôn-giáo chẳng đội trời chung, hai gia-tộc còn một món nợ máu... Họ có thể tay trong tay đi trọn đường đời, nếu nàng vào đạo Hồi-Hồi, hay chàng theo đạo Da-Tô. Rồi đến đoạn cuối, chàng giao cho nàng quyền định đoạt, thì nàng chỉ thốt một câu ngăn ngừn : « Chàng hãy trở về sa-mạc » rồi ngã ra bất tỉnh.

— Về chi-tiết, tôi không nhớ hơn anh đâu. Tôi chỉ nhớ rằng « nó » đã làm tôi khóc.

— Lúc anh mới 13 ? Tôi thì chỉ ngồi-ngồi...

— Tôi khóc, vì truyện ấy...

Anh bước ra bao-lơn, phải chẳng dễ thấy trên đầu mình, không phải là cái trần nhà trắng bạch, thẳng băng, như đèn xuống, mà là cả một vòm trời xanh nhẹ nhẹ vươn lên ?

— Tôi đã khóc nhiều, vì truyện ấy gợi cho tôi một nỗi xót đau, đó là vấn-đề chủng-tộc, vấn-đề chủng-tộc nặng nợ với nhau, không phải nợ thương yêu, mà là nợ oán cừu. Mình phải cúi đầu mà chịu, mà lỗi nào tại mình. Sinh ra đời, mà mình phải nhận lãnh, không chịu cũng chẳng được nào. Vấn-đề chủng-tộc, nó làm tôi đặc-biệt chú-ý sau những giọt nước mắt tuổi 13, cho mãi tới nay, 46 tuổi rồi, nó vẫn làm tôi quan tâm đặc-biệt, mà mãi tới nay, nó cũng còn là một vấn-đề chung của thế-giới, chứ chẳng phải riêng cho một quốc-gia nào, một đoàn-thể nào.

— Còn tôi, tôi nhớ mãi một câu của bà cụ hoàng xứ Grenade, mẹ ông vua trẻ không ngôi kia, mẹ người trai chót của dòng Abencérage ấy :

« Khóc đi, cứ khóc đi — khóc như một đứa nữ-nhi — khóc cái giang-san mà mi đã không biết bảo-vệ — bảo-vệ như một kẻ tu-mi ! »

— Về truyện ngoại-quốc, tôi còn thích tập truyện đời xưa sáng-tác của Phạm-Duy - Khiêm, tập « Légendes des terres sereines » (3).

— Về truyện ngoại quốc ?

— Anh ngớ ngẩn rồi ! Trả lời anh, tôi đứng vào hàng ngũ người Việt.

— Nhưng Phạm-Duy-Khiêm...

(3) « Truyện truyền-kỳ ở những miền thanh-thản ».

— Phạm - Duy - Khiêm đã viết bằng tiếng Pháp, thì ta xem như là một nhà văn nước ngoài. Anh đã quên rằng văn học Pháp đã dành một chỗ ngồi xứng đáng cho Maeterlinck, nhà văn hào Bỉ mà viết văn, làm thơ, soạn kịch bằng tiếng Pháp sao ?

[...] Sở-dĩ tôi thích các truyện đời xưa của Phạm-Duy-Khiêm viết, vì ngoài văn tài của tác-giả, trong những truyện ấy, còn tiềm tàng một tư-tưởng gì, một luận đề vĩnh-viễn nào đó nó nằm trong cõi vô thức của con người, dầu xưa hay nay, dầu da có màu vàng hay trắng. Tôi thích những truyện mà đề tài là những cuộc tình duyên tuyệt vọng, những cuộc tình duyên kéo theo đau khổ, những cuộc tình duyên người ta không khi nào quên được, những cuộc tình

duyên thành nợ thành năn, những cuộc tình duyên nó làm người ta đi lần vào cõi chết : « Le Cristal d'amour, La fille de l'Empereur de Jade, L'ombre et l'absent, la Montagne de l'Attente... » (4)

Anh hít một hơi thuốc lá dài, rồi nhả mạnh khói, khoan khoái như vừa trả xong một món nợ tình...

NGUYỄN-NGU-Í thuật lại

KỶ TỬ: Bình-Nguyên-Lộc và 3 độc-giã của Bách - Khoa : Đặng - Trần-Huân, Phan-Ngọc-Châu và một độc-giã ở Côn-đảo.

(4) Khố tình, Con gái Ngọc-Hoàng, Thiếu-phụ Nam-xương, Hồn Vọng-phu...

XUÂN CANH - TÝ

★

BÁCH-KHOA

☆ SỐ KỶ-NIỆM ĐỆ-TAM CHU-NIÊN

☆ SỐ XUÂN CANH - TÝ

Ra mắt bạn đọc ngày 15-1-1959

Sẽ là công-trình chung

của các bạn thiết tha đến mọi vấn-đề chính-trị, kinh-tế, văn-học, nghệ-thuật... hăng gửi bài cộng-tác với BÁCH-KHOA.

★ của các văn-nghệ-sĩ đã từng góp sáng-tác, xây-dựng cho BÁCH-KHOA phần văn-nghệ càng ngày càng có biệt sắc.

★ của các bạn đọc bốn phương đã sốt sắng chỉ dẫn cho BÁCH-KHOA tăng thêm ưu-điểm, sửa chữa khuyết điểm, hầu cải-tiến cho thêm hoàn hảo.

Đồng hồ Mỹ TIMEX

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Cần :

Thường thức cho biết :

« PHỞ THỦY - TIÊN »

ĐẦY ĐỦ HƯƠNG VỊ HƠN HẾT.
CHỖ XINH LỊCH VÀ RỘNG RÃI NHẤT THỦ-ĐÔ.
NHẠC NGOẠI-QUỐC (đĩa). GIÁ BÌNH DÂN.

Địa-điểm : 166 đường Phan-dình-Phùng. Saigon
(gần đường Công-Lý).

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS. RÉSERVATIONS
65, RUE LÉ-THANH-TON - SAIGON

TÉL. : { 22.102
SGN. 34

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

CÙNG vào khoảng tháng này năm ngoái, hai nhà văn gặp nhau, một người hỏi :

— Công việc của các bác đó tiến hành tới đâu rồi ?

Người kia đáp :

— Mới dịch xong. Còn dương kiếm người để viết chữ Hán. Cần người có học, viết cho đỡ lăm, mà chữ viết sáng sủa.

— Sao không viết lấy ?

— Nhiều công việc quá. Và lại chữ các bác ấy không đẹp.

★

Ăn Tết xong, hai nhà văn đó lại gặp nhau. Cũng vẫn người lần trước hỏi :

— Đánh máy tới đâu rồi ?

— Mới được khoảng một phần ba. Tôi mới lại thăm bác Đản. Bác ấy phần nản đánh không quen, lăm lổ nhiều, có trang phải đánh lại.

Tác-phẩm : ĐƯỜNG THI trích dịch

Tác-giả : Đỗ-Bằng-Đoàn
(dịch nghĩa và chú giải)

Bùi-Khánh-Đản
(dịch văn)

Tác-phẩm in ronéo gửi tặng các văn-hữu



— Sao không mượn người ?

— Không có tiền, mà thứ nhất là muốn làm lấy cho cẩn thận, có thể mới thích.

★

Ít tháng sau, lại hỏi :

— Gắn xong chưa ?

— Không biết vì cả tháng nay không gặp. Hay chúng mình lại đó chơi xem sao.

— Ừ đi thì đi.

Xe tắc-xi đậu sau chợ Bến-thành. Họ đi vào một đường hẻm, rẽ sang tay mặt, leo hai cầu thang, theo một hành lang thăm thăm và tối om, nong nặc mùi cà-rì, ngừng trước một cánh cửa xanh, gỗ, gỗ... Có tiếng đánh máy lạch-xạch ở trong.

Cửa hé mở.

— Làm việc dữ nhì ?

— Vâng. Mời hai bác vô. Các bác ấy thúc quá đi, thành thử chủ-nhật cũng

không dám nghĩ. Một người bạn Âu-phục, nét mặt dần dỗi, phong-trần, đương đánh máy, quay ra trả lời như vậy.

— Thế bao giờ xong ?

Một nhà nho, tóc đã bạc nhiều, bạn áo trắng dài, đương xếp giấy niềm nở đáp :

— Nào biết được bao giờ xong ? Có được làm thẳng một hơi đâu. Ấy, hôm nọ một lão nho coi chú-thích về tên *Vọng-hương-đài*, bảo : « Như vậy còn thiếu. Phải kê thêm sự tích cái đài này thì mới rõ được tâm-sự tác-giả chứ. Cái người cất *Vọng-hương-đài* này chắc cũng ở trong hoàn-cảnh tựa tựa chúng mình bây giờ mỗi khi hướng về phương Bắc. « Lời ông ấy có lý ». Thế là chúng tôi phải ngừng các công việc lại, tra-cứu thêm trong các sách không ra, sau cùng phải lên Thủ-đức, nhờ một ông bạn Huê-kiêu kiểm cho mới được. Mất mấy ngày mới thêm được vài hàng chữ đấy. Rồi phải đánh máy lại, quay lại. Một quá, các bạc ạ.

Phòng hẹp và tối, mỗi chiều chừng ba thước, bề bộn giấy má và sách vở. Khách cầm lên mấy tờ mới in ronéo xong, ngâm nga ít câu, góp vài ý-kiến rồi cáo từ, để chủ-nhân làm việc.



Đến đầu Thu, họ lại hỏi nhau :

— Bao giờ mới xong ?

— Nghe nói còn đâu có mấy chục trang nữa.

Đến Trung-thu có tin « đã bắt đầu đóng rồi đấy ». Người cho tin, nói thêm :

« Không ngờ dày tới mức đó. Có lẽ tới non một tấc. Vĩ đại ! »

Nhưng từ khi sách bắt đầu đóng cho tới khi sách tới tay các bạn văn, còn phải đợi hơn một tháng nữa.

Và bây giờ thì đã có khoảng hai trăm bộ « Đường thi trích dịch » ở trong tay những khách yêu thơ, do dịch-giả, ông Đỗ-Bằng-Đoàn và ông Bùi-Khánh-Đản gửi tặng.



Sách lớn bằng bộ *Việt-Nam tự-diên* của hội Khai-Trí Tiến-Đức mà dày thì gấp hai. Số trang chỉ trên dưới 900, số-dĩ sách dày như vậy là vì dùng thứ giấy in ronéo.

Sách gồm năm phần :

— phần tiểu-sử các tác-giả có 54 bài thơ trích dịch.

— phần thơ thất, ngôn luật, gồm 107 bài.

— phần thơ thất ngôn tuyệt cú, gồm 167 bài.

— phần thơ ngũ ngôn luật, gồm 112 bài,

— phần ngũ ngôn tuyệt cú, gồm 117 bài. trong số đó có sáu bài ngũ ngôn và thất ngôn cổ-phong đáng lẽ phải để vào một phần sau, nhưng vì đã lỡ in nên không tiện rút ra.

Tổng cộng là 557 bài thơ, mỗi bài có phần chữ Hán và dịch âm, phần dịch văn, phần dịch nghĩa và phần chú thích.

Sách tham-khảo gồm năm chục bộ : ba chục bộ chữ Hán và hai chục bộ chữ Việt.

Đó mới chỉ là tập thứ nhất, gọi là *Xuân tập*. Hai ông Đỗ và Bùi còn định dịch tiếp khoảng 500 bài nữa, vừa thơ cổ phong, vừa từ, xếp vào tập thứ nhì, gọi là *Thu tập*.

Sách không bán vì dịch - giả tự xét còn nhiều khuyết điểm, mới quay vài trăm bản tặng các bạn văn đề xin góp ý-kiến rồi sau sẽ sửa chữa, thêm bớt. Nội một tinh-thần thận trọng đó cũng đáng cho ta quý rồi.



Có những vị rất ghét thơ, hễ trông thấy thơ là ngoảnh mặt đi. Những vị đó có những lý lẽ riêng mà một số người có thể cho là chính đáng ; chúng tôi không dám bàn tới.

Nhưng cũng có những vị yêu thơ, ngạc nhiên, hỏi : « Tại sao từ trước tới nay người ta chỉ dịch Đường - thi, mà không dịch Hán - thi, Tống - thi, hay Minh - thi, Thanh-thi ? » Chúng tôi xin đáp : Chẳng riêng gì hai ông Đỗ và Bùi thích thơ Đường, mà hầu hết những nhà khảo về văn-học Trung-hoa, ở phương Đông cũng như phương Tây, đều thích thơ đời Đường hơn những đời khác. Đã đành trước đời Đường, có nhiều bài thơ siêu thoát của Đào-Tiềm, thanh nhã của Tạ-Linh-Vân và sau đời Đường, nhất là trong hai đời Tống và Thanh, còn biết bao thi-sĩ tài cao, ý lạ ; nhưng xét cho cùng thì không thời nào thơ nhảy vượt bậc và phát-triển mạnh mẽ như đời Đường. Từ thề cổ phong biến ra thề luật, thơ Đường đã tiến biết bao về nhạc, điệu, so với thơ Tấn, Hán. Mà

so với thơ Tống, thì thơ Đường điêu luyện hơn, rục-rỡ hơn nhiều ; so với Thanh thì giọng thơ Đường hùng hơn, phóng khoáng hơn. Là vì không có thời nào mà văn-nhân, thi-sĩ được kính-trọng, được tự-do phát-biểu tư-tưởng như đời Đường. Vua Thái-Tôn, Huyền-Tôn, Mục-Tôn, Văn-Tôn đều làm thơ và quý thi-sĩ. Vua Huyền-Tôn cho vời Lý-Bạch. Lý không thêm tới mà nhà vua cũng không buồn. Vua Văn-Tôn bị Giả-Đạo không nhận được ra mắng là lỗ mắng, mà rồi chỉ lẳng lẳng đi ra. Ngay như Vũ-Hậu, độc-tài đến nỗi Lâm-Ngữ-Đường bảo là tàn-nhân hơn cả Hitler, Mussolini, Nga-hoàng Catherine họp lại, mà cũng ham mộ văn-nhân, vời họ lại kinh-đô có đến vạn người ; và khi đọc xong bài hịch của Lạc-Tân-Vương trong đó Lạc chủi mụ thậm tệ, mụ không hề oán, còn trách kẻ tà hữu là không biết thu-dụng một người có văn tài bực đó. Nhờ không-khí tự-do ấy mà thơ phát-triển về đủ loại. Cái giọng hiên ngang của Lý-Bạch, cái giọng chua chát của Đỗ-Phủ, Bạch-Cư-Dị, ở triều Minh, triều Thanh, làm sao mà vang lên được ? Sở dĩ người ta quý thơ Đường là ở chỗ ấy.

Đó là về phẩm. Còn về lượng, Đường-thi cũng trùm cả cổ kim. Theo bộ *Toàn Đường-Thi* thì đời Đường có tới 2200 thi-sĩ và năm vạn bài thơ. Riêng Đỗ-Phủ đã có trên ngàn bài ! Tôi tưởng con số năm vạn đó còn dưới sự thực rất xa. Nếu thời đó có được máy in như thời nay, thì số thơ gộp được sẽ lên tới hàng ức hàng triệu, vì ta có thể chắc chắn rằng bất kỳ người nào có học ở đời Đường, từ các thư sinh tới những

vị hoàng-đế, từ các ông hòa-thượng đến các con buôn, từ các kỹ-nữ tới những nàng công-chúa, hễ thông chữ nghĩa thì tất có làm thơ.

Cho nên nói tới thơ Trung-hoa, ai cũng nghĩ đến thơ Đường, mà dịch thơ Trung-hoa thì trước hết phải dịch thơ Đường.



Từ bốn chục năm nay, không kể những người tùy hứng lâu lâu dịch vài bài đăng trên nhật báo hoặc tạp chí số người dịch Đường-Thi rồi in thành sách ở nước ta có đến non chục, nhưng phần nhiều chỉ dịch được những tập mỏng. Ngay như hai nhà có danh nhất là Tân-Đà và Ngô-Tất-Tố cũng chỉ lưu lại mỗi nhà được vài ba chục bài. Người dịch nhiều nhất là Trần-Trọng-Kim : tập *Đường-Thi* của cụ gồm 336 bài, đều dịch trong khi cụ lánh nạn ở Tân-gia-ba năm 1944. Hồi đó, một người có tâm huyết như cụ, đâu có thể chú hết ý vào thơ được, cho nên công việc dịch của cụ chẳng qua chỉ là để giết thì giờ và chờ vận : lượng tuy nhiều mà phẩm thì không mấy.

Ngày nay hai ông Đỗ-Băng-Đoàn và Bùi-Khánh-Đàn làm lại công việc của cụ Trần, tiến xa hơn và sâu hơn : xa hơn vì số thơ hiện đã dịch nhiều gấp rưỡi cụ Trần, mà công việc đó còn tiếp tục nữa ; sâu hơn vì dịch công phu mà chú thích lại càng công phu hơn nữa. Hai ông không những chỉ dịch thơ Đường mà còn muốn thâu thập hết thấy những tài liệu liên quan tới thơ Đường để lưu lại cho người sau nghiên-cứu.

Tôi vẫn thường lo lắng rằng nền cổ học của Trung-hoa và Việt-nam nếu lúc này

đây các nhà cựu học không dịch gấp cho quốc dân đọc thì sau này lần lần sẽ mai một thôi.

Đừng nói gì ở nước ta, ngay như ở Trung-Hoa, những nhà tân học từ 40 tuổi trở xuống, cũng chỉ học nhiều về bạch-thoại, chứ có thông cồ-văn đâu. Vì những lý-do chính-trị, người ta muốn họ dứt bỏ hết những sản-phẩm — bất kỳ là xấu hay tốt của thời-dại phong-kiến. Cứ theo cái đà này thì tôi e rằng năm ba chục năm nữa, người Trung-Hoa và người Việt-Nam muốn khảo về văn-hóa cồ của mình, phải đọc những sách Nhật, hay của Anh, Pháp mới !

Hai ông Đỗ và Bùi thấy rõ tình-trạng đó, nên nhân việc dịch thơ Đường, tìm tòi, khảo-cứu trong hết thấy những sách có thể thu-thập hoặc mượn được, để ghi chép tiểu-sử các thi nhân đời Đường, các giai-thoại về thơ Đường và giải-thích rất tỉ-mỉ những điển-tích và ẩn nghĩa trong thơ Đường.

Trong một cuộc họp bạn, hai ông nói : « Chúng tôi cho phần dịch văn của chúng tôi không phải là quan-trọng, chúng tôi không giám mong rằng dịch hơn các người trước ; chúng tôi chỉ cầu dịch nghĩa cho đủ, tìm hiểu những điều cho kỹ, rồi chép lại để sau này, những người ít biết chữ Hán cũng có thể hiểu được ; và lúc đó sẽ không thiếu gì những nhân-tài dịch văn hay hơn chúng tôi. Nhà danh bút Lương-Chiêm-Siêu ở Chợ-lớn hiểu mục-dịch ấy nên có nhã ý chép cho chúng tôi ở đầu sách bài *Thành đông táo xuân* của Dương-Cự-Nguyên. Hai câu cuối bài đó như sau :

*Nhược đất Thượng lâm hoa tự cầm,
Xuất môn đô thị khán hoa nhân.*

Chúng tôi rán gây lại cái « vườn xuân » này chính là để chờ những khách thăm hoa vậy ».

Chủ-trương đó rất hợp thời nên được nhiều người tán đồng. Và rút cục, công việc mới đầu tưởng chỉ là một tiêu-khiển riêng của hai ông, sau thành một sự hợp-tác của một nhóm người yêu thơ, yêu văn, hóa cổ, gồm cả hai phái cựu học lẫn tân học và thú-vị hơn nữa, cả học-giả Việt-nam lẫn Trung-hoa : người thì cho mượn sách quý, người thì tìm kiếm giúp tài-liệu, có người góp ý, có người góp giấy hoặc góp công.



Công việc bắt đầu cách đây gần sáu năm.

Tháng giêng năm Giáp-ngọ (1954), một đêm mưa phùn, hai ông Đỗ và Bùi rủ nhau lên Hồ-Tây (ở Hà-nội) chơi. Nhân nghĩ đến thời cuộc, biết trước sắp có một biến chuyển lớn lao, ông Đỗ ngâm lên bài *Tặng biệt Nghiêm-Sĩ-Nguyên* của Lưu-Trường-Khanh, mà cùng với bạn phần nản về những kẻ làm cho tình-thế mỗi ngày hư hỏng một tí, đến bây giờ, thấy sự sụp đổ thì đã quá trễ : Cặp thực trong bài thơ của họ Lưu hợp với tâm-sự lúc đó, nên hai ông ngâm đi ngâm lại :

*Tế-vũ thấp y khan bất kiến.
Nhàn hoa lạc-dịa thính vô thanh.*

Khi đứng dậy ra về, thì lại thấy hai câu đó cũng rất hợp với cảnh nữa ;

mưa phùn rơi nhẹ nhẹ, thấm ướt áo lúc nào không hay. Thích bài thơ đó quá, hai ông bàn nhau dịch ra quốc-văn, rồi dịch thêm ít bài khác nữa.

Hồi đó ở Hà-Nội, không kiếm đâu ra được những cuốn *Đường-Thi* bằng chữ Hán, hai ông nhớ được bài nào dịch bài đó. Ít bữa sau, may gặp cụ Cử Phạm-Xuân-Quang, được cụ khuyến khích cho mượn một bản chép tay *Đường-thi*, và chú thích bằng chữ Nôm, hai ông hăng hái tiếp tục công việc, trong năm tháng dịch nghĩa được 324 bài và dịch văn được 21 bài.

Rồi tới Hiệp-định Genève, vì di-cư và lo sinh kế, hai ông phải tạm ngưng khoảng hai năm. Trong cái rủi đôi khi có cái may. Chính nhờ di-cư vào Sài-gòn mà hai ông có dịp gần gũi các nhà cựu - học đất Bắc quy tụ cả ở đây, nhất là có dịp làm quen một số giáo-sư và học-giả Huế-kiểu và do sự giúp đỡ chỉ bảo của các vị đó mà tìm được một số sách quý như :

Hán-kỷ

Quán-lâm thi-thoại

Đường-thi kỷ sự

Trung-hoa danh-nhân truyện

gom được non hai ngàn bài vừa thơ vừa từ, chép được tiểu - sử trên một trăm thi-gia, tra được nhiều điểm lạ, hiểu được rõ ẩn nghĩa và chỗ thâm thúy của nhiều bài thơ, sau cùng sửa được vài điều nghi vấn. Càng tìm hiểu sâu, hai ông càng ham mê, càng hăng hái ghi chép, chỉ sợ không kịp, y như những người biết trước sắp có một cơn lụt, vội vàng gom góp những vật quý trong nhà để gởi đi nơi khác vậy. Và tìm được bài nào, hai ông dịch bài đó, không sắp theo tác-giả (vì hiện nay công việc dịch

vẫn chưa xong, chúng ta còn chờ *Thu tập*) ; mà cũng không lựa chọn, cho nên tôi đã nghe nói có người trách hai ông dịch cả những bài lãng mạn, hoặc khinh bạc, hoặc ngông nghênh. Tôi nghĩ trách như vậy là khắt - khe : thơ Đường đôi khi có lãng mạn, khinh bạc thì cũng rất tế nhị, kín đáo hơn thơ Hồ - Xuân - Hương, Dương - Khuê, Cao - Bá - Quát, Baudelaire, Verlaine mà người ta vẫn thường trích giảng đầy trong các sách giáo-khoa đấy.



Dưới đây tôi xin giới - thiệu vài chỗ tra cứu của hai ông để độc-giả thấy công phu ra sao.

Vị nào đã đọc những tập *Đường - thi tam bách thủ* dù in bằng mộc bản hay thạch bản đều nhận thấy rằng tiêu - sử các thi - gia chỉ ghi rất sơ sài trong vài hàng chữ ; ngay như Lý-Bạch, Đỗ-Phủ cũng chỉ được nhiều lắm là bốn hàng. Có hồ như người Trung-hoa không chú trọng mấy đến những tài liệu đó. Kiểm trong các bộ *Trung-quốc Văn học sử* cũng không thêm được bao nhiêu. Ông Đỗ-Bằng-Đoàn đã phải tra trong các bộ *Trung-quốc văn học tác-giả tiêu-thuyết*, *Trung-hoa danh nhân truyện*, *Lịch đại danh nhân dật sự*, *Toàn Đường thi thoại*, *Đường thi kỷ sự*, và hai bộ sử *Cựu Đường-Thư*, *Tân Đường-Thư*, mới viết được khoản 100 trang về hơn 100 thi gia đời Đường. Riêng về Lý-Bạch, ông viết được hơn 6 trang mà trang cuối kể sự tích đền thờ họ Lý. Ông nhớ hồi còn ở Bắc, được nghe một cụ Cử kể chuyện rằng cụ Hoàng giáp làng Tam-Đặng khi đi sứ

Trung-hoa có ghé thăm đền thờ họ Lý ở Đường-Đồ, tỉnh An-Huy, về nước thuật lại như vậy : đền thờ đó rất nhiều tao nhân mặc khách đến viếng, và để thơ vào vách nhà tiền Đường, nhưng bài nào cũng vậy, cứ đề ban ngày thì ban đêm bị nước mưa hắt vào làm trôi hết mực, chỉ có mỗi một bài của một người thơ mộc đề là còn nguyên nét. Ông Đỗ cho chuyện đó là lạ, muốn chép lại, nhưng không biết có đích xác không, hỏi các nhà cựu học, không cụ nào biết bài thơ của người thơ mộc đó ra sao, sau phải nhờ một ông bạn Huê-kiều viết thư qua Hương-Cảng hỏi, và bốn tháng sau có kết quả. Thì ra cụ Cử nói trên đã nhớ lộn : bài thơ đó không phải của một người thơ mộc, mà là của Mai-Chi-Hoán, một thi-nhân đời Minh, và sớ-dĩ nhớ lộn chỉ vì trong hai câu cuối, Mai-Chi-Hoán có nói đến Lỗ-Ban đề mĩạ hạng đề thơ trên vách.

*Lai lai vãng vãng nhất thủ thi,
Lỗ Ban môn tiền lộng đại phủ.*

*Kẻ qua người lại để thơ vịnh.
Đã múa rìu ngay cửa Lỗ Ban.*

Bùi-Khánh-Đản dịch

Ôi ! Chỉ có bốn câu thơ mà tốn công mấy người trong 4 tháng !

Chúng tôi vẫn biết câu chuyện mưa trôi thơ đó chỉ là hoang đường mà cũng chẳng giúp ta hiểu thêm được thi tài của Lý-Bạch ; nhưng nó đã giúp ta thêm hứng-thú khi đọc sách mà lại giảng cho ta được xuất xứ của thành ngữ « múa rìu qua cửa Lỗ Ban ». Thành-ngữ đó do bốn chữ « Ban môn lộng phủ » 班門弄斧, mà bốn chữ này do câu :

Lỗ Ban môn tiền lộng đại phủ
của Mai-Chi-Hoán, vì nó xuất hiện ở
Đương-Đồ, sau bài thơ của họ Mai.

★

Cũng nhờ lòng sốt sắng của vị học-già
Huê-kiều đó mà hai ông Đỗ và Bùi ghi
thêm được hai tài-liệu quý về văn-học
Trung-quốc : khúc cồ nhạc phủ *Chiêu quân*
xuất tái (trang 46, phần chú-thích về bài
Vịnh Minh Phi Thôn của Đỗ-Phủ) và bài
Cao đường phú của Tống-Ngọc (trang
271-B, phần chú thích bài *Thanh bình điệu*
— *kỳ nhị* — của Lý-Bạch).

★

Về phần dịch nghĩa, phải kể công lao
góp ý của nhiều nhà cựu học, nhất là của
cụ Cử Nguyễn-văn-Bình : cụ đã coi lại
cho lời không rườm mà đủ nghĩa ; và của
ông Hoàng-Vụ-Nông, một vị giáo-sư Huê-
kiều ở Thủ-dức.

Chẳng hạn bài *Lương-Châu-tử* của
Vương-Chi-Hoán, từ trước người nào
cũng nhận là rất hay — chính nhờ bài đó
mà Vương nổi tiếng là « thi thiên tử » —
nhưng chưa ai phân-tích cái hay đó ra.
Nhờ đọc một cuốn sách ông Hoàng-Vụ-
Nông cho mượn, ông Đỗ tìm hiểu thêm ; và
tôi xin chép lại dưới đây nguyên văn cùng
lời phê-bình của ông Đỗ để độc-giả thưởng
thức :

Hoàng hà viễn thương bạch vân gian

Nhất phiến cô thành vạn nhận san.

Khương dịch hà tu oán dương-liễu

Xuân-phong bất độ Ngọc-môn quan.

« Tác-giả nói ngoài hiên hiu-quạnh và
rét quanh năm, dương-liễu là giống thực
vật còn không mọc được thì người đi
thú chịu làm sao nổi. Bài thơ ý tứ xa
xôi để người đọc phải suy nghĩ mới
hiểu. Câu 1, đã lựa chữ hoàng cân với
chữ bạch tả cảnh ngoài biên mênh mang
bát ngát. Câu 2, chữ nhất câu với
chữ vạn tả chỗ đồn trại hiu quạnh.
Câu 3, phá luật rất tài tình (oán
dương-liễu) tả nỗi người thương khi ly-
biệt còn oán cây dương-liễu (1), cảnh
người lính thú ly-biệt thì không có
dương-liễu mà oán. Tiếp xuống câu 4,
nhẹ-nhàng tả nỗi rét mướt ngoài biên. »

★

Hai câu :

Thương nữ bất tri vong quốc hận,

Cách giang do xứng Hậu-dinh-hoa

từ trước nhiều người vẫn cho rằng tác-giả,
Đỗ-Mục, trách người « thương nữ » sao
không nhớ cái tủi mất nước mà còn hát
mãi khúc Hậu-dinh-hoa. Hiểu như vậy là
sai vì đương thời Đỗ-Mục, nhà Đường
còn thịnh thì làm gì có cái tủi mất nước ?
Cho nên dịch giả chú thích rằng : « tác-
giả phân nản vì tiếng hát ai-oán nên vua
Hậu-Chủ (đời Trần) mất nước, thế mà
người con hát không biết, nay còn hát
khúc ấy. » Cũng như ngày nay ta trách sao
cứ hát những khúc Nam Bổng, Nam Ai,
dư âm của một dân tộc đã mất nước là dân
tộc Chăm. Lời đó đúng.

(1) Khi tiễn bạn đi xa, người xưa bẻ cành
dương-liễu để tặng bạn làm roi ngựa, nên có khúc
hát *Chiết liễu* tặng người đi, mà kẻ chia tay
thường oán cây dương liễu cho là vì nó mà phải
xa nhau.



Nhờ chú thích danh từ *thụ lục* trong bài *Tập linh đật* — kỳ nhất — của Trương Hựu mà tôi hiểu được ý mỉa mai của tác giả. Mới đọc nguyên văn :

*Nhật quan tà chiếu Tập-linh-đật,
Hồng thụ hoa nghinh hiên lộ khai.
Tạc dạ Thượng-hoàng tâu thụ lục,
Thái-Chân hàm tiểu nhập liêm lai.*
(Vua Huyền-Tôn)

tôi tưởng *thụ lục* là trao tờ sắc phong nàng Thái-Chân làm Quý-Phi. Hiểu như thế thì bài thơ không có ẩn nghĩa gì cả. Tôi khi đọc lời chú, thấy *lục* tức là *phù lục*, một thứ bùa vẽ lên giấy trắng mà các đạo gia ban cho đệ tử, tôi mới hiểu rằng Trương - Hựu đã bóng bẩy « chê vua Huyền-Tôn làm việc dâm ô ở chỗ thờ tự tôn kính. » Không biết chúng ta nên phục tinh-thần « dám ăn dám nói » của thi-sĩ hay tinh thần khoáng đạt, của các ông vua thời đó.



Khi so sánh mộc bản và thạch-bản, thấy có chỗ nào khác nhau, dịch giả cân nhắc ý-nghĩa rồi lựa một bản. Chẳng hạn bài *Tiên tử động trung hữu hoài Lưu-Nguyễn* của Tào-Đường, câu 5, mới đầu dịch-giả theo thạch-bản, chép là :

*Ngọc sa dao thảo diên khe bích.
Lưu-thủy đào hoa mãn giản hương*

Sau được ông Hoàng-Nguyên cho biết trong mộc bản mà gia-dình ông còn giữ, không phải là *diên* (沿) *khe-bích* mà là *liên* (連) *khe-bích*. *Liên khe biếc*, có

phần hay hơn là *theo khe biếc*, mà *liên* gần với *mãn* ở câu sau hơn, cho nên ông Đỗ sửa lại là *liên*. Nhưng ông đã sơ sót, quên không ghi ở phần chú-thích rằng ông đã theo bản nào và vì lý-do gì.

Cũng bài đó, trong câu cuối :
Thử-sinh hà xứ vấn Lưu-Lang...

Có người bảo chữ *vấn* (hỏi) chính là chữ *mịch* (tìm) nhưng ông nghĩ *vấn Lưu-Lang* có thể có nghĩa là hỏi tin về chàng Lưu, nên chưa dám quyết-định.



Một thí-dụ nữa là bài *Hoàng Hạc-lâu* của Thôi-Hiệu. Câu 6 bài đó tôi vẫn nhớ là :

Phương thảo thê-thê Anh-Vũ châu.
芳草萋萋鸚鵡洲

(Cỏ thơm mơn mớn ở bãi Anh-Vũ)
mà sao dịch-giả lại chép là :

Hoang thảo thê-thê Anh-Vũ-Châu.
荒草凄凄鸚鵡洲
Cỏ hoang rầu rầu ở bến Anh-Vũ)

Nhưng lật qua trang sau, đọc phần *Phụ chú* thấy ông Đỗ dẫn lời của Thánh-Thán thì tôi phải nhận là có lý. Thánh-Thán thì cả những khi nguy biến cũng có vẻ danh thép, huống hồ là ở đây lại không nguy-biến một chút nào. Bãi Anh-Vũ là chỗ chôn Nễ-Hành, một danh-sĩ đời Tam-Quốc, đi sứ cho Hán, sang Kinh-Châu dụ Lưu-Biêu về hàng, nhưng vì tính nói thẳng mà bị tướng của Lưu-Biêu giết. Như vậy trong một bài hoài cổ, Thôi-Hiệu không nhắc đến bãi Anh-Vũ thì thôi, đã nhắc tới thì tất phải có giọng buồn, nhất là cảnh lúc

đó lại về chiều, có khói sóng trên sông.
Đề : *Cỏ non mơn mẩn. Chăng lạc điệu ư?*

Nhưng đó chỉ là một giả-thuyết, chứ bây giờ ai mà biết chắc được Thôi-Hiệu đã viết ra sao. Ta cứ biết bản nào hay thì lựa.

Cũng trong bài đó, câu 5 :

Tình xuyên lịch lịch Hán-Dương-Thụ
ông Đỗ cũng như nhiều người trước dịch *lịch lịch* là san sát. Tôi tò mò tra *Từ-Nguyên* và *Từ-Hải* thì thấy chưa *lịch lịch* là phân minh. Xin góp ý-kiến với dịch-giả.



Tôi thấy ông Đỗ tuy có ý so sánh các bản đề lựa, nhưng có lẽ chưa kịp so sánh từng bài một. Như bài *Tảo phát Thiên-thai Trung - nham tự độ Quan - lĩnh thứ thiên Mổ - sầm* của Hứa - Hồn, câu bốn, trong cuốn *Thánh - Thán phê Đường - thi* ghi là :

Vân vụ bắt khai lĩnh thượng quan
chứ không phải là *sơ khai*. *Bắt* có phần hay hơn *sơ*.

Bài *Quá Trần-Lâm mộ* của Ôn-Đình-Quân, câu ba, *Thánh-Thán* chép :

Từ khách hữu linh ưng thức ngã
chứ không phải là *ưng lượng* ngã. Ta nên dùng chữ nào ? Nếu quả Ôn-Đình-Quân, qua mộ Trần-Lâm, thương cho Trần có tài mà không gặp thời, mà rồi tử cho mình cũng ở trong cảnh ngộ đó, thì chữ *thức* đúng hơn là *lượng*.



Có câu ông Đỗ dịch chưa được rõ lắm.

Tỉ dụ bài *Lợi châu nam độ* câu bảy :

Thùy giải thừa chu tằm Phạm-Lãi,
tôi hiểu như vậy :

Ai hiểu ta cưỡi thuyền đi tìm Phạm-Lãi

vì có chữ *giải*.



Tôi còn ít nhận xét nhỏ nhỏ nữa, nhưng không muốn làm mất thì giờ độc - giả. Có dịp sẽ thừa riêng với dịch-giả. Và bây giờ tôi xin qua phần dịch văn.

(còn nữa)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ĐÍNH CHÁNH

Trong Bách-Khoa số này (71) bài « Cuộc tấn công của Cộng-sản tại Châu Mỹ La-linh » .

Trang 8 cột 1, dòng 6, 7 : « Chúng tôi không có ý định ; xin đọc : chúng tôi không có ý định »

Trang 15 cột 1, dòng 7 : *Nông dân và công dân* ; xin đọc : *nông dân và công nhân*.

Trang 15 cột 1, dòng 29 : *nông dân và nông dân* ; xin đọc : *nông dân và công nhân*.

Trang 16 cột 1, dòng 30 : *mở rộng sự thông thương* ; xin đọc : *mở rộng sự thông thương*.

Trang 17 cột 1, dòng 14 : *trong một thế-giới mà mỗi xích mích ; xin đọc : trong một thế-giới mà mọi xích mích*

NGỒI MÀ NGHĨ

★ — LAN-ĐÌNH

GỐC-GÁC đời tôi, tôi chỉ biết qua-loa. Thấy, u tôi làm đào, kếp phường chèo. Các người chết vì bệnh lao tự bao giờ. Tôi lớn lên trong gia-đình cụ Cử, thuở bé chăn trâu, cắt cỏ, trưởng thành làm canh-diễn. Quê tôi ở hạt Thái-bình, cái làng bên trong đê, gần sông cái.

Dĩ-vãng không có gì để tôi nhớ tiếc hay băn-khoăn. Hiện tại, tôi rất vui lòng. Tôi được gia-đình cụ Cử thương hơn các bạn làm thuê khác. Chỗ hơn ấy, đo lường bằng hai hoàn-cảnh, con nuôi và người ở. Đối với dân làng, tôi được lòng hầu hết ai ai. Tôi hiền lành, vui tính. Tuy là dân lao-lực, nhưng tôi có thân hình nho-nhã, gương mặt sáng-sủa, mà người ta gọi là « diễn trai ». Tôi còn biết tài đàn, hát.

Đầu năm, làng vào hội, cụ Cử ra đình họp dân. Tôi thường được bung quả bầu, đi theo Tôi đội khăn xếp, mặc áo dài thâm, quần trắng, đi guốc mộc — khác hẳn thường ngày — thật ra đáng một thư-sinh.

Các bạn trai nhìn tôi, người ao-ước, kẻ ghen tị. Gái làng bám chí nhau, cười thẹn. Lòng tôi rạo-rực, tươi sáng chẳng khác gì khung-cảnh hội-hè.

Thường ngày, sáng sớm, tôi dong trâu ra đồng, vừa đi, vừa nhịp cái rùm rơm, hát ví, giọng cao vút sóng vào sa-mù, văng trong những tùm tre. Hơi sương thoảng vào mặt tôi mát rượi đến đê-mê. Con đường làng xôm-xốp, những vũng-chân-trâu còn đọng bóng đêm đẹp hẳn như những lòng mắt đang nhìn ôm-ấp thiết-tha. Tôi làm việc rất vô-tư.

Cuộc sống đều-đặn ấy cũng cho tôi nhiều kỷ-niệm đáng yêu, đáng nhớ. Đời càng thêm ý nghĩa, vào những trưa nắng, tôi theo cô Nhạn — con cụ Cử — đi hái bông. Tôi ngồi trên bờ cỏ, chống tay đỡ cằm, nghĩ-ngợi. Mùi ruộng bông ngon-ngon, xao-xuyến đến ứa nước chân răng. Cô Nhạn đi chậm-rãi bên những luống hoa vàng ươm, đôi mắt trong vành nón nhìn đắm-dắm xuống, gợn nắng long-lanh, món

tóc đuôi gà nằm ngoan trên vai áo trắng cò tim. Tôi thú nhất những lần, đang tự nhiên, cô Nhạn nhích vội một bên môi như là tư-lự mà không phải. Buổi trưa trên cánh đồng khô thật im vắng, nghe rõ được từng đợt cỏ héo, châu-chấu bay dăng xa. Tôi cứ ngồi như thế, chờ khi nào cô Nhạn hái bông dầy một rổ mây, tôi trút vào bao-tải, đủ gánh thì về. Những lần đi, về như thế, tôi thường bán-khoản hiện nhiên tôi và cô Nhạn đang gần nhau trong gang tấc, sao người ngoài lại cứ xem rằng chúng tôi xa-cách ? Cô Nhạn hiền, quý tôi mà tôi sợ, sợ cái gì ? Nhưng chỉ bán-khoản một lúc, tôi đã tìm ra nguyên-cớ, cái nguyên-cớ làm tôi bùi-ngùi.

Thật tình — tôi biết — cô Nhạn quý mến tôi như một người anh, bằng chứng, cô đã dạy tôi học, đề phần tôi những bữa cơm đầy đủ, gọn-gàng khác người. Cô Nhạn ân-cần với tôi rất tự nhiên. Nhưng bao giờ tôi muốn làm vui lòng cô, cứ ngài-ngại, bởi chỉ e ai dấy tưởng nhằm tôi luồn-lụy. Tôi thích làm những việc chiều-chuộng chứ không phải hầu-hạ. Tôi thích — giữa tôi và cô Nhạn — có đi, có lại, công bằng và bình-dẳng. Định thế, chưa biết đúng hay sai, được, không ? Tôi vẫn sẵn-sàng đề cô Nhạn nhờ cậy. Cô Nhạn mà đẹp lòng, tôi cũng vui lây.

Một lần, cô Nhạn đang dệt vải trong nhà ngang, tôi vào, cô đặt cái thoi mun trên bàn tay trắng hồng, cười nghĩ :

— Bác Nuôi nhì, Nhạn thấy người ta bảo, bao giờ chim quạ có con, nó nhả cái gổ ra, đẹp như bằng sừng này, đúng không ?

Tôi bán-khoản về cái gổ quạ hết một đêm, và hình-dung đôi mắt ước-ao của

cô Nhạn, biết chắc rằng cô được cái gổ quạ thì mừng lắm. Trưa hôm sau, tôi lên ra ngôi miếu nhỏ bên gốc cây gạo giữa cánh đồng. Tôi mặc bộ quần áo may bằng hai lần bao-tải, dộn thật nhiều bông gòn trên đầu, ngồi rình sau bức tường cao. Vợ chồng quạ bay đi. Tôi cầm bó đuốc dài, treo lên cây. Đốt đuốc xong, tôi mới thò tay vào tổ, mấy con quạ con kêu vang lên ! Bỏ mẹ chúng nó trở về tức khắc, lướt vù qua mình tôi, chu-chéo. Tôi vung tròn bó đuốc cháy rùng-rục. Nhưng, thoáng một cái, hàng đàn quạ, nhiều đếm không xuể, ở đâu bu lại, réo-róc. Tôi bị đánh túi-bụi, bồm-bộp trên đầu, nhói hai vai, buốt cả lưng. Tàn lửa bay tung-toé. Cũng may, người làng kịp thấy. Họ vây dưới gốc cây, gõ thùng sắt, reo hò inh-ỏi, dọa đàn quạ để tôi tụt xuống. Tôi chưa biết đau, chỉ thấy ngưỡng đến chín mặt. Nhưng được cái ai cũng tưởng nhằm tôi nghịch tình, chứ không hiểu tôi muốn làm vui lòng cô Nhạn. Cô Nhạn rẽ đám đông, tìm đến bên tôi, sợ tái người. Tôi mỉm cười kiêu-hãnh.

Trở về, tôi ngồi trên ngưỡng cửa nhà ngang, khắp mình toạc da, rớm máu. Cô Nhạn loay-hoay, chấm bông vào dầu hòa, rửa vết thương cho tôi. Tôi bị sót vào đến ruột, nhưng cái đau cơ-thể làm sáng đẹp niềm vui trong lòng. Cô Nhạn vẫn còn khóc thầm. Nước mắt giổ xuống người tôi, gọn gai ốc. Thỉnh-thoảng, cô lại bói khế, run-run, hôn-giận mà âu yếm, trách móc nhưng thương sót thiết-tha :

— Ai khiến bác Nuôi làm thế, hả ? Ai khiến ? nói cho Nhạn biết, đi !

Tôi không trả lời, chỉ mỉm cười. Tôi sợ lên tiếng thì nỗi-niềm xúc động sẽ tan mất. Có thể nói, cả đời tôi, chỉ có lần ấy sung-sướng nhất.

Mùa nước lên, tôi có thêm nhiều dịp được gần cô Nhạn. Cậu Bằng — em cô Nhạn — nghỉ hè, ở tỉnh về, đêm nào cũng rủ tôi ra ngoài bãi, chèo suồng, ngắm trăng; có cả cô Nhạn cùng đi. Nước lũ dâng đầy ăm-ấp phản ánh trăng sáng ngời. Tôi nghĩ chúng tôi là ba con kiến đang ngo-ngác trên cái mâm đồng bóng nhoáng. Gió lồng-lộng như những trang sách lật nhanh. Tôi cầm sào, cột suồng giữa bãi, xong, gầy đàn bầu cho hai chị em nghe. Cô Nhạn ngồi trên mạn thuyền, ngâm chân xuống nước, vắt chéo đôi tay ngang ngực, đặt ngón út vào kẽ môi, chớp mắt phân-vân. Cậu Bằng dựa lưng vào cọc chèo, gật-gù :

— Cái đàn bầu, tài tình thật ! có mỗi dây, mà đủ hết cung bậc, tiết tấu !

Cô Nhạn nghiêng đầu, cười hé, răng trong như những giọt nước ngang trời :

— Thế ! người đàn mới giỏi.

Tôi đòi hai chị em « trả nợ ». Cậu Bằng đàn mandoline. Cô Nhạn hát khe. Giọng cô trong mà xa như tiếng vắng, thật hay. Tôi nghe lâu, thuộc được mấy câu :

— Đến nay thu tàn

phương xa kìa chim én bay về

khua trong non ngàn,

Rồi ta nhìn đâu thấy bóng quê !

kìa mấy nếp tranh

đàng xa, quyến theo làn khói sương...

Tôi nghĩ — dù thế nào — tôi không xa cô Nhạn được.

Mùa thu đến, cậu Bằng tựu trường, nước sông cạn, tôi không còn những đêm chèo suồng, ngắm trăng cùng cô Nhạn nữa. Tôi buồn, không biết làm gì — bây giờ, công việc đồng-áng xong rồi — ngày ngày, xách đàn xuống nhà anh Huyền, giải khuây. Tôi phải đi bộ chừng ba cây số, quãng đường làng đất sét, khu đầm xúng, một thoi dê. Gió heo may từ bên sông tạt về lá nhãn vàng bay tới-tấp, nước đầm gợn sóng, những bông hoa xúng tím hồng gật-gù lơ-dăng, từng bầy vịt-giời trôi mãi đàng xa vô tư mà ngo-ngác. Quãng đường mùa thu ở quê-hương thật xúng với tâm-trạng bùi-ngùi của tôi. Nhà anh Huyền ở mạn xuôi. Anh Huyền giàu, chủ nhân ngôi gác hai tầng xây giữa những vườn trầu. Hôm nào tôi xuống thăm, anh rủ thêm mấy người bạn hòa đàn xong, pha cà-phê, bàn chuyện. Tôi ngồi bên những kẻ khá giả, trước lò sưởi, nâng tách cà-phê, được cư-xử bình-dẳng, thì lại sốt-ta về thân-phận mình trong gia-đình cụ Cử, nhất là, sự cá biệt giữa tôi và cô Nhạn. Anh Huyền thường bảo tôi :

— Bảnh trai, có tài như cậu, lại khối cô mê !

Anh Huyền đã tưởng tôi tốt số về đường tình ái. Thì ra anh cũng không tri kỷ với tôi chút nào. Bây giờ, tôi xin nói thẳng, tôi yêu cô Nhạn. Điều đó, tôi thấy không quan hệ bằng câu trả lời : cô Nhạn có yêu tôi chăng ? Tôi định đưa ra một vài nhận xét, hỏi ý anh Huyền, nhưng lại thôi, tìm hiểu lấy.

Tôi đi chợ Huyện, mua mấy vuông vải trắng, về nhờ cô Nhạn thêu giùm vài chiếc khăn. Cô Nhạn ngắm - nghĩ một lúc rồi cười lơ-dăng :

— Thêu khăn làm gì, đề Nhận dệt vải, may áo cho !

Cô Nhận may xong cái áo cộc cho tôi, còn dặn giặt vải bằng nước chanh thì tơ sẽ mịn mặt và lên màu. Hôm tôi mặc áo mới, cô Nhận ngắm tôi, lại mỉm cười, nụ cười làm đẹp cả khuôn mặt, hiền-hậu mà nhí-nhảnh, hồn-nhiên mà ý-tức.

Thế tôi cũng tạm hiểu lòng cô Nhận đối với tôi ra sao rồi. Tôi muốn quyết-liệt một lần, dù sao, đề yêu tâm.

Một buổi trưa gió bắc, cô Nhận đi thăm ruộng mía, tôi theo cô vào con đường rãnh giữa hai vồng đất sâu kín :

— Cô Nhận !

Cô Nhận quay lại, nhìn tôi bờ-ngỡ, hỏi bằng mắt. Tôi nắm vội lấy hai tay cô. Ban đầu, cô còn thẹn-thẹn nhưng vẫn bình-tĩnh. Tôi vững lòng nên để nói :

— Tôi ... từ lâu, tôi chót «dem lòng» yêu dấu cô.

Cô Nhận vẫn để tay trong tay tôi, nhưng nhìn sang chỗ khác, nghĩ gì khá lâu, mặt tái đi, môi nhợt ra. Cô nói trong hơi thở bồn-chồn :

— Bác, bác không biết điều tí nào cả !

Mắt tôi tối xăm lại như quáng gà. Tôi rời tay cô Nhận, cúi đầu, đi thất-thêu ra đường. Cô Nhận ngồi vật xuống vồng mía, ôm mặt, khóc. Tôi phát hoảng, quay nhanh lại chỗ cô :

— Tôi chót dại, xin lỗi cô.

Cô Nhận gục xuống ngực, lắc đầu liên mấy cái, thút-thít :

— Không, bác chả có lỗi gì mà phải xin !

CHUYẾN TOA VÀ SÂN GA

Tặng Ngọc-Anh,

Anh là chuyến toa đời

Em là sân ga nhỏ

Gặp nhau lời hẹn lời

Xa nhau nguyên thế bỏ

Thương nhớ nỗi đầu hiu

Mộng đời không kịp nư

Anh xuôi thẳng ngày theo

Em về nương mong mãi

Toa đời mấy độ vui

Sân ga luống ngậm ngùi

Nên cười hay nên khóc

Toa ơi và ga ơi !

Chớ nên làm cô độc

Khi quá biết duyên đời

Chớ nên làm thác mắc

Khi tình hồ buông xuôi.

ÁI-PHƯỢNG-LIÊN

Tôi còn chù-chừ. Cô tiếp :

— Đi, đi !

Tôi thất tình, xấu-hỗ với cô Nhận, sợ oai cụ Cừ, phải bỏ làng, xách cây đàn bầu, trốn đi. Tôi đã bơ-vơ mất vài tháng ở hai tỉnh Nam-Định, Ninh-Bình, làm nghề hát xần, về sau, lẫn vào Thanh-Hóa. Một buổi tối, tôi đang đàn, hát giữa đám đông lái-buôn ở bến đò thì gặp ông Quát. Ông Quát làm công trong sở lục-lộ, lái xe hủ-lô. Ông có tâm-hồn nghệ-sĩ, tài đàn khá, cứ nhất định rủ tôi về ở chung cho có bạn,

Nhà ông Quát là cái toa mắc sau máy lãn đường, đi đâu, kéo theo đó, gần như một cảnh nhà đủ ăn, cũng

nuôi gà, chó. Ông Quát góa vợ, có mỗi con gái, cô The.

Chiếc xe-lăn-đường đi chậm như rùa, thế mà đã đưa chúng tôi qua hai phần đất-nước. Thường ngày, ông Quát dậy tôi sửa máy, cầm lái ; cô The thổi cơm, quét, dọn, nuôi gà. Nhiều khi chúng tôi phải nghỉ lại bên đường dài giữa rừng. Tôi thích những buổi chiều nắng quái loang trên cỏ bông trong khu rừng thưa, ông Quát dậy tôi luyện võ Tàu, cô The ngồi dựa gốc cây, xem ; và những đêm, gà gô kêu sao-sắc, thỏ chạy loang-loáng qua đường, lá rừng sôi từng chập, tôi hòa đàn với ông Quát, cô The ngồi may, vá bên ngọn đèn dầu thoi-thóp.

Nếu một ngày mai, em lấy chồng.

Anh về lấy vợ, thế là xong !

Vợ anh không đẹp bằng em mấy.

Anh lấy cho anh đỡ lạnh lòng...

Bây giờ, tôi mới thấy những câu thơ kia thật buồn-ngùi, thấm-thía.

Tôi và The đã nên vợ chồng. Ông Quát về hưu, nhường việc cho tôi. Mấy năm...

Tôi hằng nghĩ, đời mình chỉ vì ít học nên khổ, đáng lẽ năm được hạnh-phúc mà phải buông ra, giai-cấp đã chia rẽ tôi và cô Nhạn. Tôi muốn các con tôi phải được sung-sướng, nên người. Cuộc sống xa khuất, chân-lâng, ốm đau không gặp thầy, tiện thuốc, đã cướp mất đứa con đầu lòng của tôi.

Bố vợ chết, tôi đem The về Ba-tháp, dựng căn nhà nhỏ, làm nương để có chỗ gây dựng cho con. Thế nhưng chưa hết khổ, The, qua những năm nhiễm độc đường rừng, ốm luôn, mãi không dẻ !

Thế mà đã ngót ba-mươi năm. Tôi già tự bao giờ không biết !

Ở đây, thường có năm chín tháng không mưa, nắng thành tờ, đất cây vụn ra cát, khoai, đậu héo khô. Nhiều trưa, tôi ngồi trên ngưỡng cửa, định nghĩ mà chẳng nghĩ được gì cả. Con đường nhựa xuyên xư chẹn rừng, xiên núi, vắng teo. Những cô Chàm đi kiếm củi về, dun thứ xe cút-kít thô-kệch — cang bằng cành cây xù-xì, bánh đặc như cái mâm — lăm-lũi trong khúi nắng. Họ mặc áo dài chui cò, không vạt, và có nét đi uốn về đằng trước như sắp gãy ngược ! Dãy núi trườn vào nắng chói, loang thành nhiều màu xanh, tựa hồ con vật lớn đang rung mình, thỏ dốc. Bên kia đường, ba ngọn tháp Chàm hằn nét trên nền mây trắng lóa chẳng khác gì những ông cụ ngồi thu hình, nghĩ-ngợi. Đôi khi, tôi có cảm tưởng chung quanh mình chỉ có mẹ, con bầy gà — đang ăn nắng trong giàn mướp — mới là những mầm sống về sau.

Bây giờ, hằng năm, vào tháng ba, đêm trăng, dân Chàm ở những đầu, trở về, vây quanh ba cái tháp đốt lửa, múa, hát mà như kêu khóc. Nói buồn xa quê của tôi càng sâu cay.

LAN-ĐÌNH

THUYỀN

Năm xưa thuyền mới ra đời,
Mắt lam mơ những phương trời mệnh mông.
Một ngày gió lạnh ven sông,
Động lòng mây nước bình bông ra đi.
Phiêu lưu nặng một tình si,
Tấm thân anh dũng sá gì long đong :
Miền xa ngày tháng ruồi đong,
Buồm nâu giốn gló, mũi bông cột mưa.
Gian lao, lòng vẫn say sưa
Hương yêu muôn bến vạn bờ gởi theo.
Gành hoang vắng, đảo cheo leo,
Đâu không nghe thấy nhịp chèo lẳng du.
Giờ đây mãi kiếp giang hồ,
Trở về bến cũ mỗi chờ cây đa.
Thân tàn e sợ phong ba,
Buồm xơ xác rách, mũi già khộm run.
Bơ vơ đậu bãi sông buồn,
Năm nghe giá rét chảy luồn vào khoang.
Những đêm băng lạnh trắng vàng,
Sương mờ bát ngát, mây tang dầu dầu,
Khách bờ ai có hay đâu
Lòng thuyền u uất động sâu muôn phương.
Gió mà có chút tình thương,
Đừng hiu hắt thổi canh trường gió ơi !...

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Hoang-đảo)

TRUYỆN LIÊU-TRAI

LỤC ÁP-QUAN

KIỀU-YIÊU dịch



HUYỆN Vũ-Lăng, tỉnh Hồ-Nam, có ông họ Triệu, từng làm quan đến chiêm-sự(1), nay trí sĩ về quê.

Một hôm, có người thiếu niên đứng chực bên cửa, xin giúp việc giấy tờ. Triệu mời vào, nhận thấy gã có vẻ nhỏ nhả như thur sanh. Hỏi họ tên, thì thưa là Lục Áp-Quan, tự nguyện ở không công, Triệu bèn cho ở.

(1) Chức quan thời xưa, chuyên coi sóc các sự vụ đặc biệt của đông cung, là chỗ thái tử ở. Chức vị này bị bỏ đi kể từ vua Quang-Tự nhà Thanh.

Gã thông huệ hơn hạng tôi tớ bình thường. Các thư từ đi về thường phó mặc cho gã viết đi đáp lại, không cái nào là không chuốt đẹp. Lại nhằm khi chủ nhân đánh cờ với khách. Lục liếc nhìn, chỉ vẽ nước cờ, thường là thắng. Do đó, Triệu càng yêu quý gã.

Những kẻ giúp việc khác thấy gã được chủ nhân đoái nhìn bằng mắt xanh, vào hòa với nhau tìm cách trêu chọc, yêu cầu gã thiết tiệc. Áp-Quan hứa chịu, bèn hỏi đồng bạn hết thấy là bao nhiêu. Lúc ấy các người coi đến gần xa cũng vừa đến, có trên ba mươi người. Bọn họ tính gộp lại thành một số to bảo cho gã biết đề khiến gã lúng túng, bẽ mặt.

Áp-Quan nói : « Thế thì rất dễ. Ngắt khách đông, gấp rút quá không tài nào dọn tại nhà cho kịp. Vậy xin đãi tại quán rượu. » Rồi mời tất cả bạn bè lại từu điểm cũng ở một đường.

Ngồi yên nơi đầu đó, rượu vừa rót xong, người cầm bầu đứng lên nói : « Các bác khoan uống. Xin hỏi bữa nay ai làm chủ bao, hãy đưa tiền ra làm tin trước đã, mới có thể mặc tình đánh chén. Chẳng thế, đề uống một hơi tràn cung mây, rồi hè nhau tứ tán hết, thì đào đâu ra tiền trả ? »

Ai nấy đều lom lom ngó Áp-Quan. Áp-Quan cười rằng : « Bộ tưởng đây không tiền sao ? Có đủ mà ! »

Bèn đứng dậy tiến về phía cái chậu, nhón lấy cục bột mì ướt, to bằng nắm tay, ngắt ra từng hòn nhỏ, vừa ném lên mặt bàn là hóa thành chuột lắt ngay, rồi rít chạy đầy bàn. Áp-Quan chụp càn lấy một con, banh đuôi xé hai ; kêu chóc một tiếng, bụng vỡ toạc ra, móc được một thỏi bạc nhỏ. Bắt tới mãi, con nào cũng như thế cả. Khoảnh khắc chuột hết ráo, mà bạc thỏi thì đầy đồng. Bấy giờ mới nói với họ : « Ngần ấy tiền chẳng đủ cho chúng mình uống rượu sao ! » Ai nấy đều kinh ngạc, đoạn cùng nhau tha hồ chén chú, chén anh.

Tan tiệc, tổng cộng trên ba lượng bạc. Các đồng bạn càn mớ bạc thỏi, thấy vừa đúng số tiền. Họ định bụng đem đi sự mách cùng chủ nhân. Bối thế nên có kẻ nài xin cho được một thỏi nhỏ giắt vào mình.

Về đến nhà, học chuyện cho Triệu nghe. Triệu bảo đưa thỏi bạc ra xem, lần túi

ĐỌC : Phần biên - khảo :

BÁCH-KHOA SỐ ĐẶC-BIỆT

Các bạn sẽ thấy :

- Những bài khảo - luận về : Dân-chủ, Chính-trị thế-giới, Chính-sách thuế-vụ.
- Những vấn-đề trọng-đại về : Thanh-niên — Quân-sự — Khoa-học — Âm-nhạc — Dịch-lý.
- Những nhận xét về : Tình hình Văn-Nghệ, Tình-hình xuất-bản trong năm vừa qua. Tổng-kết cuộc Phỏng-vấn về truyện ngắn.
- Một tài-liệu lịch-sử : Cụ Phan-Bội-Châu ở Hàng-châu.
- Các bài bậc-biệt về năm Tý : Con Chuột trong văn thơ — Bốn chén trà năm Giáp-Tý — Hoa-xuân.
- Một phóng-sự về Tết và một món quà Tết riêng tặng các thiếu-nữ: ông Hoàng-Mộng-Tường qua các thời-đại, của các cây bút quen thuộc : Vương-Hồng-Sển — Cô-Liêu — Tiểu Dân, Huỳnh-Văn-Lang, Hoàng-Minh-Tuynh — Nguyễn-Trần-Huân — Phạm-Ngọc-Thảo — Trần-Văn-Khê — Nguyễn-Văn-Ba — Trương-Đình-Cử — Vũ-Hạnh — Nguyễn-Hiến-Lê — Nguyễn-Ngu-Í — Nguyễn-Thượng-Huyền — Thuần-Phong — Trần-Thúc-Linh — Đoàn-Thêm — Vũ-Thanh-Ly... v. .v...

mãi, thấy đã biến dấu mất. Quày lại hỏi thăm chủ tiệm, té ra bao nhiêu bạc đều hóa thành bụi gai lờm chờm. Trở về cho Triệu biết. Triệu gạn hỏi thì Lục-Áp-Quan thưa : « Các anh em ở nhà ép tôi phải đãi tiệc. Ngặt hồ-bao rỗng tuếch, quả tình trong lưng một đồng một chữ không có. Thuở bé học được trò mua vui, nên bây giờ thử chơi đây thôi. »

Cả bọn lại bắt thanh toán món nợ rượu thịt. Áp-Quan phân bua : « Tôi đây không phải là người ăn quýt dâu. Ở xóm bên kia, ngoài sân lúa sót một mớ đập dổi, nếu chịu khó đập lại, có thể được hai tạ lúa mì, trả xong nợ miệng cũng còn thừa. »

Ngõ ý mượn một người đi theo. Sân díp, người coi diền xóm ấy tính về, bèn cùng đi với y. Đến nơi, thấy lúa mì đã giẻ sạch, đồ đồng giữa sân nhiều đến mấy hộc. Vì thế họ càng phục Áp-Quan là kì nhân.

Một hôm Triệu đi ăn tiệc ở nhà bạn. Trong phòng chính giữa có chậu lan nở hoa chi chít, ham thích vô cùng. Về nhà cứ tấm tắc khen mãi. Áp-Quan thủ thi : « Thứ lan đó, như ngài thật lấy làm thích, muốn có, tưởng chẳng khó gì ! » Triệu còn chưa tin, đến sáng tinh sương, bước vào thư phòng, bỗng nghe sự nức mùi hương lạ. Thì ra đã có một chậu hoa lan, những cái lá óng ả, chỗ nào rậm, chỗ nào thưa, thấy đều giống hệt cụm lan thấy bữa trước.

Bụng ngờ gã đánh cắp, theo gạn hỏi mãi, Áp-Quan thưa : « Hoa cỏ gom trồng ở nhà tôi, không dưới một nghìn thứ ; cần gì phải ăn trộm ! ». Triệu cho là gã buột miệng nói càn.

Vừa lúc ấy ông bạn kia chợt đến, nhắc thấy cụm lan, giật nảy mình lên mà rằng :

« Sao lại giống lan nhà tôi quá ! » Triệu nói : « Tôi mới mua đấy, thật chẳng biết từ đâu đem lại bán như thế. Ừ, mà khi ra cửa, bác có thấy hoa lan vẫn còn đấy chẳng ! » Người kia đáp : « Tôi thật không có tới thư phòng, còn mắt cố nhiên không tài nào biết được. Nhưng làm sao lại lọt vào đây ! »

Triệu liếc nhìn Áp-Quan. Áp-Quan nói : « Cái đó không có gì khó nghĩ cả. Chậu nhà ông là chậu mè, có vá một chỗ. Còn chậu ở đây thì không. » Đến chừng kiểm lại mới tin là đúng.

Tối đến, gã thưa với chủ nhân : « Hồi sớm tôi nói nhà tôi hoa cỏ nhiều lắm, ngài có thể nghi là nói khoác. Giờ xin ngài dời gót, nhân sáng trăng, đi xem chơi một chuyến. Có điều người khác không được đi theo. Chỉ một mình chú Áp theo là không hại gì. » Áp vốn là tiểu đồng của ông chiêm sự. Ông ta chiều theo lời thỉnh cầu.

Vừa ra ngoài, đã có bốn người khiêng kiệu, chờ sẵn bên đường. Triệu bước lên, thấy nhanh còn hơn ngựa tể nước đại.

Giây lát đã vào núi. Chỉ nghe phất mùi hương lạ như thấm tận cốt tủy. Chẳng mấy chốc đến trước một động phủ, thấy lâu các lộng lẫy, khác hẳn nhân gian. Nơi nào cũng lót đá hoa, chậu xinh ngời ánh, bông đẹp ngát hương. Nội một giống hoa lan cũng có đến vài mươi chậu, không cụm nào là không thanh tú. Xem xong trở về, cũng kiệu đưa như lần trước.

Áp-Quan theo hầu ông Triệu trên mười năm. Về sau, Triệu tự nhiên không bệnh gì mà chết. Bảy giờ mới dất cậu Áp cùng bỏ nhà ra đi biệt tích, không ai biết là đi đâu.

BỒ TÙNG-LINH

HOA - SOAN

Khi xưa thơ ấu tôi thường hái
Những cánh hoa soan nở trước mùa
Đem ép trong lòng trang sách mới
Còn thơm như má đứa em thơ.



Tôi đi trên những con đường cỏ
Theo bướm vàng khoe cánh dịu hiền
Cùng với mùa hoa như máu đỏ
Đời tươi như nắng mới đang lên.



Nhưng rồi thu đến hoa soan héo
Rụng xuống hồn tôi những sắc tàn
Bướm cũng buồn thu bay lạc nẻo
Ngỡ ngàng tôi khóc nhớ thời gian.



Tôi sợ mùa thu trời dịu dịu
Mang về hơi gió lạnh hoàng hôn
Làm bay những cánh hoa soan nhỏ
Nhè nhẹ rơi trong một thoáng buồn



Chiều nay nhìn bóng hoa soan cũ
Lòng nhớ nhung về những thoáng xưa
Tuổi mộng mười hai, mười một ấy
Đã chìm theo quá khứ sương mờ.

NGƯỜI NỮ-TÝ

VŨ-HẠNH

Trăng sáng về khuya, tư-dinh họ Lã lặng yên trong giấc mơ màng. Mái lầu cong vút như những đuôi rồng long-lanh vẽ nét kiến-kỳ lên trên nền trời mờ ảo. Lá hoa ướt đầm sương đêm, giát bạc màu trắng, đứng rũ im lìm. Giữa chốn thâm-nghiêm, không khí tĩnh-mịch xông lên một chút hương nồng.

Bỗng tiếng giày khua động trên thềm thức dậy một niềm cô-tịch. Cửa ngõ xuống vườn chợt mở. Thừa-tướng Lã-Thạch-Phủ hiện lên một bóng mập mờ giữa khung đèn tối. Trầm ngâm dầy lâu, người bước xuống thềm. Mái tóc bạc phơ cúi gằm trên ý suy tư, ngập ngừng giữa những bước chân lưỡng-lự, chập chờn ẩn-hiện dưới ánh trăng khuya chiếu sáng âm-thầm mấy dãy hành lang vắng vẻ.

Đến đây biệt-thất dành riêng cho hạng nô-tỳ, chân người dừng lại. Cánh cửa đầu phòng đang mở. Ngoài thềm, một bóng im lìm gục đầu ngồi tựa gốc cây dạ-lý ngào ngạt hương đêm.

Giây lâu, hồi trống cầm canh ở chốn nội thành mơ-hồ vọng lại những tiếng cuối cùng... Sương khuya bắt đầu thấm lạnh.

Lã-Thạch-Phủ :

Thúy-Hoa !

Thúy-Hoa : (bàng hoàng ngồi dậy)

Trời ! (với vầng phủ phục trên thềm)
Kính lạy Thừa-tướng, con thực muôn phần có tội.

Lã-Thạch-Phủ :

Thôi hãy đứng lên, ngồi vào chỗ cũ. Ta bảo đứng lên, chớ có ngại-ngùng. Sự tôn-kính một nửa là ở trong lòng nhưng một nửa còn tùy ngoại cảnh, chắc rằng lễ-phép ban đêm cũng nên khác với ban ngày. Đứng lên, đừng trái ý ta !

Thúy-Hoa : (đứng dậy)

Kính mong ngài lượng thứ cho kẻ ngu-hèn. Giờ này, con vẫn tưởng ngài được yên gối mộng. Đâu ngờ...

Lã-Thạch-Phủ :

Đâu ngờ ta lại đến đây trong lúc đêm khuya ? Nhưng ta đến đây đã mấy đêm rồi, vào khoảng giờ này.

Thúy-Hoa :

Xin ngài cho con được phép vấn an... Canh khuya thao thức, e có điều gì bận đến lòng ngài...

Lã-Thạch-Phủ :

Bạn đến lòng ta ? Bạn đến lòng ta !... Lòng ta có bạn ít nhiều... Ta đã già lắm, bảy mươi tuổi rồi ! Không vợ, không con, từ lâu rồi khỏi triều-đình ta sống giữa tường cao thành dày với niềm cô-độc. Những đêm khó ngủ dĩ-vãng hiện về dần-vật tâm tư và đầu óc của ta phác-họa bao nhiêu dự-định... Một hôm, khi con đang trà buổi sớm ta bỗng thấy con không còn bé nhỏ như xưa... Bao nhiêu tuổi rồi đấy nhỉ ?

Thúy-Hoa :

Kính thưa, nay con đã mười sáu tuổi trời.

Lã-Thạch-Phủ :

Đêm sau ngày rằm, vầng trăng mới thực là tròn. Ta nhận thấy nét mây của con nay đã uốn cong vẻ liễu, mắt con xanh sáng hồ-thu, khí sắc tươi hồng như phù-dung vừa độ khai-hoa. Điều ấy làm ta nghĩ-ngợi rất nhiều... Vẻ đẹp trăm năm mới có một lần !.. Lịch-sử các triều-dại huy-hoàng ngày trước là lịch-sử những trang tuyệt-thể giai-nhân... Đề cho sắc đẹp chôn vùi là điều tội-lỗi... Lại thêm tung bưng cho đến bao nhiêu, sắc đẹp cũng chỉ rực rỡ một thời. Không có cái hình-thể nào là vĩnh-viễn cho nên ta muốn vì con gây cái dư-âm. Chính cái dư-âm mới là bất-tuyệt thiên-thu !

Thúy-Hoa :

Lạy ngài, con thực khôn xiết bàng-hoàng... Những lời truyền dạy của ngài khiến con không còn tự biết là con đang trôi nổi về đâu. Thân phận mờ côi hèn-hạ của con đâu dám mơ-tưởng được ngang đầu lên mà nghe lời hoa gấm. Hay ngài

chỉ là một vị thần-linh hiện lên trong giấc chiêm-bao để vung-vãi muôn vàn châu-báu làm bằng thanh-sắc hư-không rồi ngài sẽ biến đi giữa phép nhiệm-mầu.

Lã-Thạch-Phủ :

Hà !... Ta quên nghĩ rằng cây rau lê-hoặc chỉ quen với hơi mát ao - đầm nên khiếp hải gió xuân thổi về đột-ngột tự đình non cao ! Đáng lẽ những điều này ta chỉ nên nói với con lần hồi như ngắt từng chiếc lá cho đến khi sự thực chỉ còn tro lại thân cành... Đáng lẽ những điều này ta chỉ nên nói với con giữa lúc thanh-thiên bạch - nhật khi ánh thiếu quang sáng chói đã xua đuổi tan tành màn đen hư - ảo của bóng tối đa - nghi. Đúng là phải vậy. Nhưng mà... những ý nghĩ hiện về xao-xuyến hồn ta, dày vò lòng ta đã mất hết cái hiệu-lực trong lúc ban ngày ! Con há không biết rằng giữa đêm và ngày, tâm-tư con người cũng có một ranh-giới hay sao ? Biết bao ý - nghĩ như hoa dạ - lý chỉ thơm-tho về đêm và phai hương khi vầng đông hé dạng. Biết bao đau - khổ chỉ đợi đêm về mới trở thành náo - nùng, biết bao lo-âu mới trở thành hốt - hoảng, biết bao xáo - động mới trở lại bình yên, biết bao dự-định mới tăng thêm cường-độ ! Ta đã già rồi cho nên sự sống về đêm của ta mới thực thâm trầm. Nhiều lần ta muốn đem điều đã nghĩ nói chuyện với con trong lúc ban ngày nhưng những lúc đó lòng ta không còn đủ hồi - hộp, ý ta không còn đủ nhiệt-thành như tâm não ta trong lúc đêm khuya. Thế thì tại sao ta không nói với con trong lúc đêm khuya ?

Này... con có bao giờ tự hỏi từ đâu mà con đến đây không ?

Thúy-Hoa :

Con không được biết chút nào về lai-lich đời con. Nhưng, thưa ngài, con đã an-phận đây rồi, con biết làm gì thêm nữa ? Nhà cửa của con là khu biệt - thất, bạn bè của con là hạng nô - tì, là lớp gia - nhân, là cỏ hoa tươi tốt trong vườn. Trên đầu con có đôi vầng nhật - nguyệt sáng soi và lượng bao-dung, che chở của ngài.

Lã-Thạch-Phủ :

Đã lâu... à, mười sáu năm rồi, ta dẫn đoàn quân chiến - thắng trở về giữa một chiều hè vừa chuyển sang thu. Khí lạnh đột ngột làm chùn vó ngựa và ba quân phải hạ trại giữa cánh đồng hoang. Mờ sáng hôm sau quân-sĩ của ta tìm thấy giữa lau cỏ ven đường một xác trẻ con bọc kín trong lớp tã nghèo nàn. Tại sao ta không ném cái xác kia vào trong đất ruộng, vùi giữa lau bờ ? Ta, một kẻ đã từng tàn sát hàng ngàn sinh-mạng, tiêu-diệt hàng ngàn sự sống tốt tươi mà chiến-tranh khốc-liệt đuổi xô ra chốn chiến-trường ? Có lẽ men nồng của chiến-thắng chỉ cho ta cái quyền-uy của kẻ anh-hùng nhưng chưa cho ta cái kiêu-hãnh của con người tể-độ, có lẽ sau khi phá hoại con người lại muốn duy-trì và có lẽ vì cái xác kia là một người con gái mà hơi nóng còn râm-ran nơi lồng ngực mong-manh. Cái xác ấy, chính là con đây...

Thúy-Hoa : (cúi lạy)

Muôn đời ơn ngài đã cải tử hoàn-sanh cho một số kiếp lạc-loài.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta đã kiếm người bảo-dưỡng cho con khôn lớn, cho con học-hành và khi con đã

bắt đầu thuộc lòng nghi-lễ của chốn quyền môn thì ta cho con vào hàng nhất-dẳng của lớp nô-tỳ.

Thúy-Hoa : (cúi lạy)

Muôn đời ơn ngài đã ra công tác-thành cho một phận hèn cô-độc.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta đã không cho ai biết cội-nguồn lai-lich của con là vì một cơ... Từ khi con là một khối thịt gầy như cứng lạnh nằm trong đồng tã nghèo nàn ta đã thấy thấp-thoáng ảnh hình của một nhan - sắc tương-lai. Ta muốn gây dựng nên một sắc đẹp, và ta đợi chờ. Mười sáu năm rồi, chờ đợi ! Đáng lẽ ta có thể cho con sống cảnh cao sang hơn nữa nhưng ta không muốn bị lừa bởi một sắc đẹp làm bằng mỹ-vị cao-lượng, làm bằng phấn son trau chuốt. Cái sắc đẹp có uy-lực phải tự nó lớn mạnh chứ không cần nương dựa, phò trì. Ta cũng không muốn cho con sớm quen cảnh cao sang vì kẻ đắm mình trong chốn cao sang chỉ có đòi hỏi, thêm-thường nhưng không khát-vọng. Phải có khát-vọng mới mong tranh chấp với đời ! Ở kia... hình như bóng ai thấp-thoáng ngoài vườn !

Thúy-Hoa : (đứng lên, ngơ - ngác nhìn quanh)

Thưa ngài, chỉ có lá hoa khua động trong đêm... và từng mảnh trăng rơi xuống mặt hồ.

Lã-Thạch-Phủ :

Hay là mắt ta trông lầm ? Y như bóng dáng một kẻ đàn ông... Một kẻ đàn ông ? Hừ, có lý nào !

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, công vườn vẫn gài chặt từ chiều, gia - nhân cũng thường xuyên tuần tiễu đề phòng giũ gian-phi...

Lã-Thạch-Phủ :

Này, Thúy-Hoa, vì sao mà bây giờ con vẫn chưa ngủ ?

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, những đêm trăng sáng, con muốn ngồi nghe sương rụng, ngồi nhìn sao rơi, ngủ đi con e có lỗi với vẻ đẹp đất trời.

Lã-Thạch-Phủ :

À, đã đến cái tuổi mà ngoại-cảnh không còn là thiên-nhiên bất-động, vô-tình... Thế trong khi ấy con nghĩ những gì ?

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, con nào biết nghĩ gì đâu ? Con như một loài cỏ nội chỉ biết nghe tiếng dế trong đêm, ngắm ánh trăng suông chiếu lạc...

Lã-Thạch-Phủ :

Con đừng dối ta ! Mười sáu tuổi rồi, phải đâu là tuổi vô-tư. Từ buổi trăng rằm mỗi người con gái đều phải bâng - khuâng mà không thấy nước sông đầy. Bắt đầu tuổi con, cuộc đời đã thay màu, đời diệu, nắng sớm phải khêu lên rạo-rực cũng như mưa chiều phải dọi xuống buồn - thương. Giấc ngủ đâu còn yên - tĩnh như ngày xưa, gót chân đâu còn tự-nhiên như thường lệ ? Phải chăng trong không-gian của tâm-tình thiếu-diệu muôn hình huyễn-tượng, luôn luôn như có tiếng gọi mơ-hồ ? Không, không, đừng

có dối ta mà bảo rằng không nghĩ ngợi điều gì. Dưới đôi mắt con ngày nay nào có vật gì mà chịu lẻ-loi ? Kìa, bướm ong từng cặp vờn hoa, chim trời từng đôi tung cánh, tạo hóa vờn nhau đôi vầng nhật - nguyệt... Tiếng dế trong đêm là nỗi niềm tâm - sự khôn nguôi, ánh trăng chiếu lạc là mối duyên ngẫu - nhĩ tương - phùng... Không nghĩ-ngợi gì mà thao-thức trong đêm, giữa lúc sương khuya ướp lạnh da ngà !

Thúy-Hoa :

Kẻ nô-tì này đâu dám nuôi lòng man trá trong khi phổ giải tâm - tình. Nhưng... là vì... con vẫn tưởng rằng ý-nghĩ ngu-hèn của mình làm sao có thể phổ bày trước bậc tôn - nghiêm vốn phải bận - tâm về bao lẽ huyễn-diệu trên đời.

Lã-Thạch-Phủ :

Bao lẽ huyễn-diệu trên thế-gian này vị tất đã khiến con người bán-khoản bằng một ý-nghĩ thô-sơ của khách má-hồng ! Nhiều khi đánh đổi cả một sự-nghiệp ngang tàng để biết cho được ý-nghĩ chân-thành của kẻ giai-nhân mà nào có được ! Con đừng tưởng mình ti-tiện mà lắm. Khi người đàn bà bắt đầu có chút sắc-duyên thì những ý-tưởng ngu-xuẩn nhất trong đầu người ấy cũng dễ trở thành chân-lý cao-siêu cho biết bao người ! Vậy ta hỏi thực cùng con... chẳng hay những đêm không ngủ... lòng con thao-thức những gì ?

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, những đêm thanh-vắng một mình, đầu não của con xao-xuyến bao nhiêu ý-nghĩ. Hoặc là...

Lã-Thạch-Phủ :

Là... sao ?

Thúy-Hoa :

Hoặc con băn-khoăn tự hỏi ..

Lã-Thạch-Phủ :

Băn-khoăn tự hỏi điều gì ?

Thúy-Hoa :

Tự hỏi... những khi dâng trà cho thừa-tướng con có điều gì sơ-suất hay không... hoặc bình lau chưa kỹ, hoặc trà dâng phải hương, hoặc áo xiêm không được chỉnh-tề...

Lã-Thạch-Phủ :

Rồi sau đó con lại nghĩ gì thêm nữa ?

Thúy-Hoa :

Con nghĩ... con nghĩ... công vườn đã gài chặt hay chưa... gia-nhân có kẻ nào quên lo hoa rụng ven thềm...

Lã-Thạch-Phủ :

Chỉ có bấy nhiêu mà con phải nghĩ thâu đêm ?

Thúy-Hoa :

Đôi khi con nghĩ đến những kẻ lính hầu ngoài cổng tư dinh..

Lã-Thạch-Phủ :

Con nghĩ đến lính hầu... Trong những lính hầu con nghĩ đến ai ?

Thúy-Hoa :

Con nghĩ đến lính hầu... nhưng không biết nghĩ đến ai.

Lã-Thạch-Phủ :

Thế con nghĩ gì về họ ?

Thúy-Hoa :

Con nghĩ... con không biết nghĩ những gì

Lã-Thạch-Phủ :

Lạ chưa ? Đã nghĩ mà không biết nghĩ những gì ! Thì con hãy cố nhớ xem nào.

Thúy-Hoa :

À... con nhớ được rồi. Có hôm con thấy lính hầu chế rằng cơm hầm, không ăn, con liền tự hỏi thế thì xưa kia ở chốn quê nhà họ ăn những thức cơm gì.

Lã-Thạch-Phủ :

Chỉ có bấy nhiêu ?

Thúy-Hoa :

Kính thưa, chỉ có bấy nhiêu.

Lã-Thạch-Phủ :

À !

Thúy-Hoa :

Thưa ngài, có lẽ những điều lần thàn của con không đáng làm bận đến ngài.

Lã-Thạch-Phủ :

Từ đây, những gì của con cũng đều làm bận đến ta. Sự bận rộn ấy là do ta muốn thế. Mười sáu tuổi đầu không phải dè lo trà lạt, cơm thiêu. Con phải nghĩ xa hơn, phải nghĩ cao hơn. Từ đây, ta muốn con sẽ trở thành... Con thử đoán xem ta sẽ nói gì ?

Thúy-Hoa :

Ý ngài cao cả và huyền-bí như thiên-cơ, xin ngài cho con tránh khỏi phạm lỗi nông-nổi...

Lã-Thạch-Phủ :

Ta muốn... Con có lo ngại lời ta sẽ nói hay không ?

Thúy-Hoa :

Ngài là trời đất chở che, con ngóng đợi lời ngài dạy y như cỏ hoa chờ đón mùa xuân.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta muốn...

Thúy-Hoa :

Xin ngài truyền lệnh.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta muốn... từ nay con là... nghĩa-nữ của ta !

Thúy-Hoa :

Trời ơi ! (quỳ xuống) nghĩa-nữ của ngài ! (phủ-phục) xin trăm lạy ngài, đừng quá ban ơn to-tát mà con không đủ kiếp báo đền. Cho con mặc áo nô-tì trọn thuở cũng là hạnh-phúc chưa chan. Cây rau mã-đề không thể trồng nơi chậu cảnh, cung trăng là chỗ ở Hằng-nga, xin ngài hãy ngăn sự thực đi theo lời nói của ngài, như thế mới đủ cho con chịu đựng một sự hãnh-diện đến khi nhắm mắt.

Lã-Thạch-Phủ :

Ta thường dè-dặt trong khi quyết-định nhưng khi ta đã nói lên là một lệnh truyền. Cây rau mã-đề không thể trồng nơi chậu cảnh nhưng con là một loại mẫu-đơn rơi lạc giữa chốn hoa đồng.



Và Cung trăng phải là chỗ ở của Hằng-Nga, mà chính con là một chị Hằng. Ta sẽ đưa con đến một đô-hội miền xa cho con học lấy những màu nghệ-thuật. Rồi chọn ngày tháng tốt, ta sẽ rước con về ở phủ-dinh. Ta sẽ rước người rên dạy cho con những thể cách sinh-hoạt của chốn quyền môn, gột sạch cho con cốt-dáng nô-tì. Ta không con cái nối dòng, nghĩa-nữ vẫn là ruột thịt.

Thúy-Hoa :

Lòng thương của ngài như muôn vạn sắc xuân dội về một lúc trong ngôi vườn nhỏ khiến lá hoa ngợp ánh huy-hoàng. Những điều mà trong thăm kín của mơ mòng con chưa dám nghĩ bao giờ, từ nay bỗng thành sự thực, y như một phép nhiệm-mầu. Lạy ngài, đôi tay run rẩy của con không sao chấp lại vững-vàng để cảm-tạ lòng ngài, chỉ xin đem giọt nước mắt chân-thành rút từ tâm-can tỏ thực với ngài...

Lã-Thạch-Phủ :

Con đừng tưởng rằng đời con rồi sẽ dừng lại ở nơi ngưỡng cửa nhà ta. Một ngày mai đây, ta sẽ cho con trở thành hoàng-hậu. Nhưng trước khi hoàng-hậu, phải là con gái của ta, ở trong khuôn phép của ta !

Thúy-Hoa :

Xin ngài khoan-dung mà cho con khỏi nghe thêm tiếp lời nào, e rằng con sẽ điên-loạn ở trong phút chốc. Con thấy thần-kinh chao-đảo và nhịp đập trong tim tưởng như nín lặng bất ngờ... Chao ơi ! mưa móc của trời trời ngọt nhưng bình gương mỏng mảnh làm sao chứa đựng quá đầy mà tránh không nghiêng vỡ tan tành.

Lã-Thạch-Phủ :

Có lẽ năm tháng dài-dầu trong lớp thanh-y khiến con quên rằng con đang làm chủ một kho tàng vô giá là cái nhan-sắc thiên-nhiên. Sắc đẹp đã làm tiêu ma bao nhiêu sự nghiệp, giết chết bao nhiêu cuộc đời, sắc đẹp tạo nên giàu sang, địa vị, quyền-lực, ngai-vàng, đó là sự thực hết sức trẻ con nhưng vẫn là sự thực của bao

nhiều kẻ lớn. Hãy đem tất cả những giai-nhân đã làm đồ ngã sơn hà, lột hết áo gấm, mũ hoa, còn lại những gì ? Hãy đem loại đi những cái vốn-liếng thiên-nhiên mà tạo hóa ban phát dồi dào cho những kẻ ấy, thử xem còn lại những gì ? Thông-minh chăng ? Tài đức chăng ?

Hay chỉ là khối thịt vô hồn ? Hay chỉ là khối hồn chỉ đơn độc có mỗi thứ rung động thêm thường, thêm thường hoan-lạc, thêm thường quyền lực, thêm thường xa hoa ?

Thôi đi, con đừng tự hạ. Tạo-hóa đã cho con cái phần vốn liếng đàn bà hết sức phong-phú, hãy khai thác lấy. Cuộc đời đang còn chết sống vì những lẽ đó thì hãy biến nó trở thành sức mạnh.

Con hãy tập ngàng đầu lên, kiêu-hãnh mà cười. Kiêu-hãnh vốn là nét xấu nhưng kẻ giai-nhân thiếu lòng kiêu-hãnh cũng như trái chín mà thiếu vị chua, không khiến mê say cho đến nghẹn ngào, cũng như con rắn hổ-mang không có nọc độc, trẻ con cũng đập chết dễ-dàng. Hãy vươn mình lên như con rồng nhiều trượng, quần lấy ngai vàng, phun vào chất độc. Hãy vì uất-hận của lòng ta... à quên, ta nói lẫn rồi... ta nói lẫn rồi... hãy vì gia-phong của ta, sự sống của con mà tạo lấy vinh-quang. Thôi, nói được ra lời là ta không còn đòi ý. Sau cơn xúc-dộng, hãy để cho con yên nghĩ, đêm đã khuya rồi.

(Lã Thừa-Tướng quay đi, bước chân vội-vã như còn ngân-vang kích-cảm vừa qua. Những tiếng giày xa dần, chìm trong không-khí yên tĩnh âm thầm. Thúy-Hoa sững-sờ nhìn theo giây lâu rồi ngồi phục xuống thềm, hai tay ôm chặt lấy đầu..

Sương rơi lộp-độp trong khắp vườn hoa... Trăng khuya, nguyệt hân về Tây, dọi qua lá cành đa-lý, đổ xuống sân-thềm từng đám hoa ngán...

Bỗng, dưới gốc hoàng-lan ven hồ, một bóng người chỗi dậy. Ngập ngừng lát giây, bóng người rón rén đi về lại phía Thúy-Hoa.)

Thúy-Hoa (chợt nghe tiếng động, ngừng lên) Kìa anh Nguyên-Hạo! Sao anh lại đến giờ này?

Nguyên-Hạo (đứng im, giây lâu)

Vậy em bảo tôi phải đến giờ nào? Tôi không ngờ rằng em lại nói thế... Cả ngày canh gác ngoài cổng tư-dinh tôi phải như coa chim cú đi tìm sự sống trong đêm.

Thúy-Hoa:

Đã khuya lắm rồi...

Nguyên-Hạo:

Ừ, trăng cũng đã nói khuya rồi. Sương cũng đã nói khuya rồi. Nhưng tôi vẫn thấy chưa khuya. Vậy em đã thấy khuya chưa? (Thúy-Hoa vẫn ngồi yên lặng). Sao em không nói lời nào?

Thúy-Hoa:

Chỉ ngại Thừa-tướng bắt gặp chúng ta.

Nguyên-Hạo:

Thừa-tướng xuống đây làm gì trong lúc đêm khuya?... Thừa-tướng có năng lui tới đây không?

Thúy-Hoa:

Nhà cửa của người, người muốn đi đâu chẳng được!

Nguyên-Hạo:

Phải rồi, chỉ có kẻ hầu người hạ như tôi mới phải chui rúc mà đi, núp lén mà đi. Tôi đã đứng trộm chỗ này của Thừa-tướng, tôi phải đi thôi (quay đi).

Thúy-Hoa:

Anh Nguyên-Hạo!

Nguyên-Hạo:

Kêu tôi làm gì?

Thúy-Hoa:

Sao anh khó chịu vậy kia?

Nguyên-Hạo:

Đề tôi hỏi em câu ấy thì hơn. Tự nhiên, em bỗng lạnh-lùng, em bỗng sợ hãi. Khi người ta quả thực thương nhau người ta không còn biết sợ. Chỉ có ba đêm xa cách mà em đổi khác rất nhiều. Khi đến tìm em là tôi muốn gặp một ngôi nhà ấm cúng chứ không ý định tìm đến một ngọn núi tuyết-đông. Hay là em đã suy nghĩ được rằng tôi không xứng đáng với em? Phải rồi, một kẻ lính hầu nghèo khổ làm sao thỏa-mãn cho người yêu xây mộng cao sang. Trong khi tôi nghĩ về đồng ruộng, vườn rau thì em mơ đến lầu son gác tía, hai kẻ ngược chiều làm sao mà cảm thương nhau!

Thúy-Hoa:

Nếu lòng sợ hãi không phải là dấu hiệu của tình-yêu thì sự hân-học, dày vò lẫn nhau chắc cũng không xuất-phát từ tấm chân-tình...

Nguyên-Hạo:

Thôi được, hãy nói thêm rằng đôi ta

chưa hề có dịp quen nhau có lẽ ờn-hỏa hơn nhiều. Nói liền mới khó, cắt đứt thì mau.

Thúy-Hoa :

Nhưng sao anh không đề cho em cạn giải một lời. Những câu em đã từng nói với anh...

Nguyên-Hạo :

Những gì em nói với tôi bây giờ tôi còn nhớ rõ và càng ngày tôi càng nhớ rõ thêm lên. Nói đau khổ của tôi có lẽ là vì tôi sẽ phải nhớ những điều đáng lẽ phải quên. Và càng muốn quên chắc rằng tôi sẽ nhớ mãi. Hỏi em, làm sao tôi quên cho được những lời em nói ngày nào... Hứa hẹn theo nhau cho đến cùng trời, gần bó với nhau cho đến núi mòn sông cạn, xin trời đầy-đọa những ai phụ rẫy lời nguyện...

Thúy-Hoa :

Anh đừng nhắc nữa mà lòng em chưa xót, ghen-ngào. Khi phải thề-nguyện gần bó là vì không ai chắc được ngày mai...

Nguyên-Hạo :

Mà không chắc được ngày mai là bởi vì đâu ? Là vì cứ luôn nuôi sẵn con người ích-kỷ, tham lam ở trong lòng ta để chờ phản bội !

Thúy-Hoa :

Nhưng nếu là vì định-mệnh !

Nguyên-Hạo :

Thôi đi, đừng đem định - mệnh mà đánh lừa người. Định-mệnh là cái khăn trùm của những tâm hồn hèn yếu, là cái hang trú-ẩn của những con thú no mồi. Ai cấm rằng em thương tôi, theo tôi, chết sống cùng tôi ? Em không dám vượt qua những cái ham - muốn tầm thường và đồ thừa cho định - mệnh xây nên ! Định - mệnh hay là khiếp nhược ? Em tưởng dọa bằng định-mệnh tôi sẽ lùi bước hay sao ? Được rồi, em cứ đi theo con đường định-mệnh mà em chọn lựa. Còn tôi, tôi sẽ tạo lấy định-mệnh cho tôi... Ngày mai,... ơ kia, tôi thấy bóng người... bóng người thấp-thoáng sau cây, thôi xin vĩnh-biệt (vội vàng quay đi).

Thúy-Hoa :

Kìa, anh...

Trong một thoáng, Nguyên-Hạo đã biến mất sau những lùm cây, ít nhiều lá hoa xao - động về nẻo tư - dinh... Một mảnh trăng tà run lạnh ở dưới đáy hồ bán nguyệt...

(còn nữa)

VŨ - HẠNH

ĐÃ CÓ BÁN 30 TẬP THƠ Ở SAIGON :

NẾU ANH CÓ EM LÀ VỢ

THƠ THẾ-PHONG

70 bài in bằng ronéo dày 70 trang lớn

Ngọc-Dũng và Duy-Thanh vẽ

Giá : 100 đ.

Bách-Khoa vừa nhận được :

Nỗi buồn của học-đường (Hoàng-Khanh), Quà tặng Noel — Đêm Noel (Diệu - Linh Trinh - Đắc - Tân), Lòng nhân-đạo — Tết buồn — Đón xuân (Mạc-Ly-Nhân), Gọi mùa xuân (Chiêm) — Chín bỏ làm mười (Phan-Huy-Doanh), Âm thầm — Trở về (Trần-Hà-Trung), Nửa đêm — Tình Huế-đô (Sơn - Thu), Tâm sự người quê (Như-Thái), Ý loạn đêm trường (Huy-Giang), Phũ-phàng — Nỗi lòng (Liên-Văn).

Trẻ con hôm nay và con người ngày mai (Phan-Nguyễn-Minh-Huy), Di - truyền và hoàn - cảnh (Nguyễn-Hữu-Thông), Một nền văn-hóa dân-tộc (Thanh-Thuyền), Truyện trinh-thám Ăng-lê (A.L.), Mùa xuân chân trời — Cúi đầu (Thùy-Song-Thanh), Nói thơ Bạc - liêu — Hò lơ Bến - tre (Thái-Nguyên), Chứng nhận (Hoàng-Phúc-Lang), Ba khía — Lá xanh (Thu-Vân), Nát cánh hoa lòng — Lão ăn mày (Phong-Võ), Một giọng cười (Hương-Quy).

Những bài không đăng :

Bài thơ hai mươi (T.L.), Khúc đàn thu (thơ dịch của H.T.), Chiều đưa tang — Bến nước chờ xuân (K. G.), Tiết-phụ ngâm (P.H.), Những tình xấu nhỏ (Đ.L.), Đường về chơn lý (P.N), Một chiều yêu... (P.V.).

Ô. Không-Gian : « Chiều đưa tang » ý thơ Huy-Cận, lời thơ kém hơn. Mong sáng-tác khác của ông.

Anh Hương-Quy : Đã nhận được thư và truyện ngắn của anh. Bài đó tuy bỏ vài đoạn nhưng không hại cho ý thơ. Những bài đang được sẽ tin để anh rõ.

Ô. Nguyễn - Văn - Hầu (Chợ mới) : Đã nhận được thư, một bài thơ và bài biên-khảo của ông. Trân-trọng cảm ơn ông đã đính chính những sai lầm trong bài « Về » ngay trên số này. Bài « Qui-tác chấm câu » khó khăn quá. Xin đa tạ ông về sự nhận xét các bài đang lại. Mong được thêm các bài biên - khảo khác nữa của ông.

Ô. Liên-Văn (L.V.T.) : « Một mùa hoa nở » nhiều đoạn tả cảnh rất hay, tiếc rằng đoạn cuối tầm thường quá. Mong ông gửi thêm cho các sáng-tác khác nữa. « Chiếc giỏ đựng giấy » không đăng được.

Ô.Ô. Hồ-Minh-Hoan — Một độc-giả B.K. : Xin trân-trọng cảm ơn ông về những nhận xét đặc-biệt ông gửi cho Bách - Khoa. Chúng tôi sẽ xin cố gắng thực hiện lần lần những điều ông chỉ dẫn.

Ô. Nguyễn - Thiếu - Nguyên (Ban-mê-thuộc) : Đã nhận được thư ông. Đã đổi địa chỉ bắt đầu từ Bách-Khoa số này. Sẽ đăng : « Cốt chuyện và hố cục trong tiểu-thuyết ».

Ô. Lê-Anh (Huế) : Đã nhận thư. Rất cảm ơn ông. Người phụ-trách cuộc phỏng - vấn sẽ cố gắng tìm ra phần

tương đồng trong số các ý-kiến dị-biệt đó. Mua báo dài hạn xin cứ gửi bưu-phiếu về Tòa-soạn Bách-Khoa 160 Phan - Đình - Phùng, đề tên ông Huỳnh-Văn-Lang.

Ô. T. Q. Ngân K. B. C. 4 9 2 8. — Chúng tôi thấy tin hỏa - tiễn Lunik II hạ xuống mặt trăng hồi 21 giờ 02' 24" GMT là đúng. Báo J.E.O. Ngày 14-9-59 số 3259 cũng đăng như vậy. Báo Match số 546 trang 67 có viết như sau: « *Il est 22h 2m 24s. A la vitesse de 3km3 par seconde Lunik s'écrase dans la poussière lunaire* ». Tuy không nói rõ giờ gì, nhưng ở đoạn trên đã có nói rõ là giờ Pháp. Vậy ta có thể

hiểu 22h 2m 24s là giờ Pháp chứ không phải giờ G.M.T. Xin ông bạn đọc lại xem.

Cậu N.T.T., 1 học-sinh trường Chu-Văn-An. — Rất tiếc là cậu chẳng những không cho địa chỉ đầy đủ, lại viết tên tắt, khiến chúng tôi muốn gặp cậu hoặc có thư riêng để trả lời cặn-kế bức thư không đề ngày của cậu, mà rồi đành phải chỉ có vài dòng này trên mặt báo. Và xin cậu đọc lại « *Lời nói đầu* » của người phụ-trách cuộc phỏng-vấn về truyện ngắn ở số 58, thì cậu rõ mục-đích, nguyên-tắc của cuộc phỏng-vấn này.

ĐÍNH CHÍNH

Bách-Khoa số 69, ngày 15-11-1959

- Bài « Về » trang 20, cột 1, dòng 17 tới dòng 29 (« Hạng sao quá hạn... Về Hạng-hán, trích đoạn đầu »), xin đem xuống trang 22, cột 1, dưới mục « 3. — Những bài về có tính-cách lịch-sử... » Vì đoạn về này là « Về lịch-sử » chứ không phải « thể thất ngôn ».
- Trang 20, cột 1, dòng 20 : hát mộ, xin đọc : phát mộ (dấy lên mộ nghĩa dân chống giặc).
- Trang 20, cột 1, dòng 23 : trức bồ, xin đọc : trút bồ.

Bách-Khoa số 70, trong bài : Phỏng-vấn

- Trang 80, cột 1, dòng 14-15 : sau hai chữ « *mà thôi* », tiếp theo câu « *kết quả là...* », chớ không phải xuống hàng. — Cột 2, dòng 11, « sao khi uốn », xin sửa lại : « sau khi uốn ».

✱ Người ta đã làm hại Hàn-Mặc-Tử như thế nào ? của Võ-Xuân-Y :

- trang 64, cột 1, dòng 21, 22, 23, sót 5 chữ in xiên sau đây : « với người yêu trong đêm và gặp mưa đông trong một bãi tha ma, hai người ôm riết như thế nào... »
- trang 64, cột 2, dòng 32, « cái cảm-giác nói bật nhất » xin sửa : « ...nổi bật... »
- trang 65, cột 1, dòng 6 : « khiến cho nhiều người ngo ngàng », xin đọc : « ...ngỡ-ngàng ».
- trang 65, cột 1, dòng 9, 10, « Trần-Thanh-Mai, Chi - Lan - Viên » xin sửa : Trần-Thanh-Mai, Chế-Lan-Viên ». Và ở cuối chú-thích (cũng ở cột này) « Thi-nhân Việt-nam (1940) », xin sửa : « ...(1942).

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

- « Khoa-học kỹ-thuật », do Cơ - quan liên-lạc và học hỏi của Hội sinh-viên khoa-học và kỹ-thuật Việt-nam Ba-lê gửi tặng. Sách dày 64 trang, quay Ronéo.
- « Người mà tôi yêu » tiểu - thuyết của Hồng-Kim-Dung, do tác-giả gửi tặng. Dày 20 trang, giá 5\$.
- « Bí danh » của Lâm - Ngữ - Đường do Từ - Chung dịch (Nguyên bản « The secret Name ») và do Ngón-Luận xuất-bản và gửi tặng. Giá 48\$.
- « Nếu Anh có em là vợ », thi - phẩm của Thế - Phong : sách quay Ronéo, giá 100\$.
- « Hoài cổ-nhân », tập truyện ngắn

của Võ-Hồng, do tác-giả gửi tặng. Giá 28\$.

- « Bài Việt - văn kỳ thi Tú - tài » phần III : Nghị-luận, của ông Phạm-Thế-Ngũ do nhà in Nam - Sơn ấn - hành và gửi tặng. Sách dày 276 trang giá 75\$.
- « Nhận định » tập II của Ô. Nguyễn Văn-Trung, do Đại-học xuất-bản, và nhà sách Nam-Sơn ấn-hành và gửi tặng. Sách dày 260 trang giá 80\$.
- « Công-dân giáo-dục » lớp đệ Tứ của các ông Trần-Mộng-Chu và Nguyễn-Cao-Quyền soạn, và nhà Nam-Sơn gửi tặng. Sách dày 128 trang, giá 35\$.

Xin trân - trọng cảm ơn các tác-giả nhà xuất-bản và ân-cần giới-thiệu cùng độc-giả.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

CHÚ - Ý

NHA CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ BỘ QUỐC-PHÒNG dành 41.000 \$ mua 2 kịch-bản giá-trị, và mở một cuộc thi sáng-tác truyện ngắn, có nhiều giải thưởng từ 1.000\$ đến 10.000\$, cho tất cả các tác-giả ở trong hay ngoài quân-đội.

Hạn cuối cùng để nộp bài dự thi là 31-12-1959.

Muốn biết rõ chi tiết xin biên thư về :

Nha C. T. T. L. Bộ Q. P.

2 bis, Hồng-Thập-Tự — Saigon

(hoặc K.B.C. 3.168)

SÁCH HỌC THI

Luận Anh văn thi Tú tài	của	Nguyễn-dinh-Hòa
Luận Anh văn thi Trung học Đệ-nhất cấp	của	Nguyễn-dinh-Hòa
Công dân giáo-dục Đệ-nhị	của	Trần-mộng-Chu và Nguyễn-cao-Quyền
Công dân giáo-dục Đệ-tứ	của	Trần-Mộng-Chu và Nguyễn-Cao-Quyền
Luận thi Trung-học Đệ-nhất cấp	của	Phạm-thế-Ngũ
Tập I : Bình Giải Văn-chương		—
Tập II : Nghị-luận Luân-lý		—
Phương-pháp Lam luận Triết-học	của	Nguyễn-văn-Trung
Khảo luận về Nguyễn-Đình-Chiều	của	Thuần-Phong
Khảo luận về Cao-Bá-Quát	của	Doãn-quốc-Sỹ và Việt-Tử
Khảo luận về Trần-Tế-Xương	của	Nguyễn-xuân-Hiếu và Trần-mộng-Chu
Khảo luận về Chu-Mạnh-Trình	của	Phạm-thế-Ngũ

NAM-SƠN Xuất-bản

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

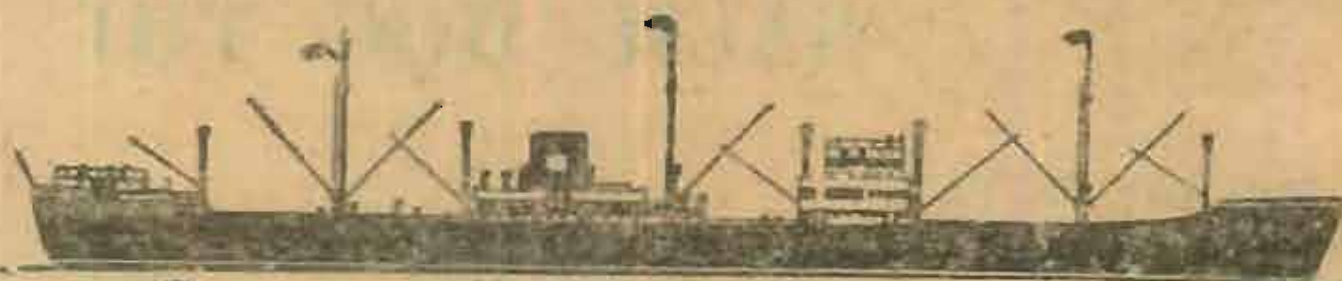
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHÁT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt

Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



HÃNG
NAM-THANH
và
THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh
SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu ăn.

Lãnh cất nhà đèn,
chạy dây đèn nhà,
đèn đường, và lập
hệ-thống điện.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

COLUMBIA FILMS OF VIETNAM, LTD.

23, Gia-long, Saigon — Tél 24.710

est heureux de présenter au public Saigonnais à partir du 24 Décembre,
à l'occasion de la Noël 1959.

Avec leurs meilleurs vœux de propriété et de bonheur.

Le Premier Film Américain parlant vietnamien :

« LE 7^{ème} VOYAGE DE SINBAD »

en Dynamation, Megascopie, Technicolor

avec Kerwin Mathews — Kathryn Grant — Richard Eyer

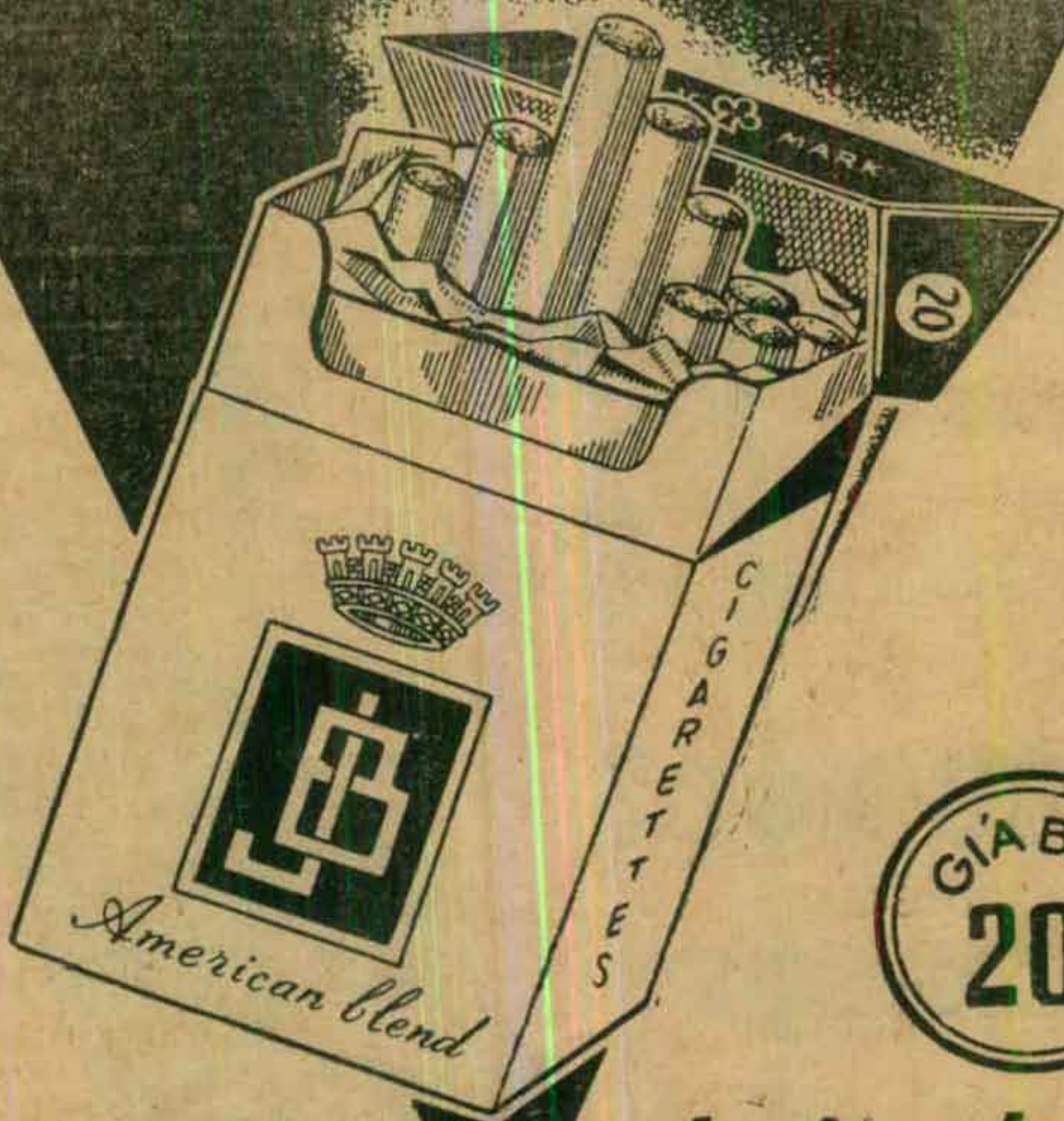
aux Cinémas :

CASINO et THANH BINH à SAIGON

PALACE et TÂN VIỆT à CHOLON



Long Size



Thuốc Thơm  *điều dài*

HƯƠNG-VỊ HOA-KỲ



NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



Hút Thuốc Thơm

Mã nhất tâm



Sáng Tinh Thần

Văn -

- Nghề -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15 \$



ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА

百科雜誌

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đĩnh-Phùng — Sài-gòn
Dây nới : 25.539

Giá Công Sở : 150
GIÁ : 100

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414. Trần-Hưng-Đạo — SAIGON